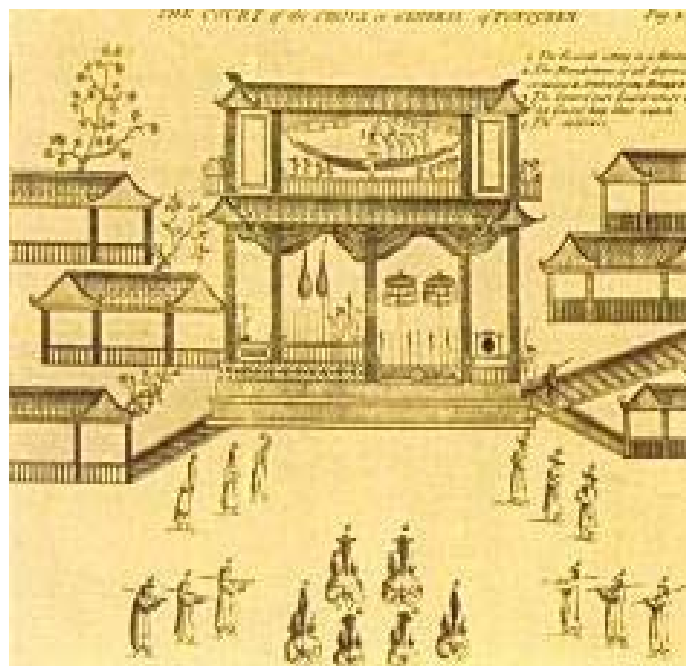


LÊ HỮU TRÁC

THƯỢNG KINH KÝ SỰ



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2009.

Hải Thượng Lãn Ông

Vnthuquan.net, 2009.

Thượng Kinh Ký Sự



Giới Thiệu

Hải Thượng Lãn Ông là tên hiệu của Lê Hữu Trác, một nho gia và danh y Việt Nam vào cuối đời Hậu Lê. Ông sinh năm 1721, người xã Liêu xá, huyện Đường Hào, trấn Hải Dương (nay thuộc phủ Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên). Ông thuộc dòng dõi một gia đình có nhiều đời đại đẳng khoa. Cha và chú đều đỗ tiến sĩ và làm quan đến đại thần. Lúc còn trẻ, ông đã nổi tiếng hay chữ. Đến năm 20 tuổi, gặp buổi nhiễu nhương, chúa Trịnh Giang độc đoán, giặc giã nổi lên khắp nơi, ông quyết định xếp bút nghiên theo việc đao cung. Đang ở trong quân ngũ, ông phải về quê ngoại là huyện Hương Sơn (thuộc tỉnh Hà Tĩnh bây giờ) để thay người anh thứ năm phụng dưỡng mẹ già. Tại Hương Sơn, ông mắc phải một chứng bệnh dai dẳng, may nhờ một y sĩ họ Trần cứu chữa. Từ đó, ông quyết định rời bỏ quan lộ, dốc lòng nghiên cứu y học, trở thành một y sĩ có tiếng. Ông mở trường dạy y học và ra công trước tác một bộ sách y khoa đồ sộ: Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh. Năm 1782, ông được quan Chính Đường (Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo) tiến cử lên kinh đô chữa bệnh cho Thế Tử Trịnh Cán (con chúa Trịnh Sâm và

Tuyên Phi Đặng Thị Huệ). Tuy việc chữa bệnh không thành, ông đã phải ở kinh đô trong khoảng một năm. Cũng may là ông về nhà kịp trước khi xảy ra loạn Kiều Bình, mở đầu một thời kỳ đại loạn trong lịch sử Việt Nam, kéo dài đến năm 1802 mới chấm dứt. Sau khi về, ông ghi lại những điều mắt thấy tai nghe tại kinh đô trong cuốn tùy bút “Thượng Kinh Ký Sự”. Sách này thường được in trong phần phụ lục của Y Tông Tâm Lĩnh. Ông mất năm 1791.

Trong văn học lịch triều, đây là một thiên tùy bút hiếm có. Các nhà nho xưa ít khi nói về mình. Nhưng trong cuốn này, tác giả đã không ngại để cái “Tôi” đóng một vai trò quan trọng. Ngoài ra, ông còn ghi lại những bài ngâm vịnh cùng nhiều danh sĩ tại kinh đô. Vào năm 1924, bản dịch của Nguyễn Trọng Thuật đã được đăng trong Nam Phong Tạp Chí. Chúng tôi xin trích nhiều đoạn trong bản dịch của Ứng Nhạc Vũ Văn Đình (Nhà Xuất Bản Văn Học, Hà Nội, 1993). Cuốn sách được viết theo thể nhật ký, không chia chương mục. Chúng tôi xin lược bỏ nhiều bài ngâm vịnh và chia cuốn Thượng Kinh Ký Sự thành những chương sau đây:

Lên Đường

Đến Kinh Thành

Chẩn Bệnh Thế Tử

Dọn Nhà

Họa Thơ

Nhớ Nhà

Gặp Bạn Cũ

Tiền Bạ

Chữa Bệnh tại Kinh Thành

Viếng Chùa Trấn Quốc

Tái Ngộ Cố Nhân

Thăm Làng Cũ

Thăm Bệnh Chúa Trịnh Sâm

Chữa Bệnh Không Thành

Về Nhà

Thượng Kinh Ký Sự

Lên Đường

Đó là về năm Nhâm Dần (1782), tháng Mạnh Xuân, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 43. Buổi ấy ánh sáng xuân sáng dịu, hoa cỏ đua tươi. Tôi ở trong nhà U trai[1]; trước sân vài ba cây trổ hoa, kết quả, ngậm hương mang tuyết, ánh mặt trời chiếu xiên ngang, tạo nên những bóng hình tựa các bà phi nơi sông Tương (Tương phi[2]) ngồi quy. Những con rắn mỗi đuổi nhau chạy từng đàn. Thỉnh thoảng mùi hương lạ bay qua. Chón tây viên, trong ao phẳng lặng, cá nhón nhơ nhô lên lặn xuống mà hớp lấy bóng trắng hoặc nuốt lấy làn sóng. Những con chim oanh hay hót, do chân tính của trời phú cho, thời thường tới những chỗ có bóng mát mà nhảy nhót tung tăng. Lúc ấy tôi dắt tiểu đồng treo lên núi, đưa mắt ngắm khói mây, biết bao hứng thú! Lại thả câu ở đình Nghinh Phong, hoặc gảy đàn cầm trong nhà “tị huyên”, hoặc đọc sách ở đình “Tối quang”, hoặc chơi cờ ở nhà “Di chân” rồi ngủ tại đó. Tùy ý tìm thú vui, ngày ngày thường say sưa mới quay về.

Ngày 12 tháng ấy, thấy hai người dịch mục của quan thự trấn bản xứ sai tới. Vừa mới vào trước sân họ đã nói rằng: “Bản quan kính mừng.” Tôi chưa biết là việc gì, mở giấy ra coi thì thấy hai đạo văn thư. Bức thư thứ nhất là bản sao tờ chỉ, truyền rằng nội san bình phiên Trạch Trung Hầu vâng chỉ truyền cho quan thự trấn Nghệ An là Côn Lĩnh Hầu hãy tìm hỏi tính danh người con của tiền thượng thư họ Lê ở huyện Đường Hào, xã Liêu Xá; người con đó là Lê Hữu Trác, tục gọi là Chiêu Bầy, hiện ngụ quê mẹ ở huyện Hương Sơn[3], xã Tình Diễm. Chỉ còn truyền cho trấn bình tức khắc đón về kinh đợi mệnh.

Chỉ truyền năm Cảnh Hưng thứ 42, tháng 11 ngày 29.

Bức thư hai do chính quan thự trấn viết, tỏ lời mừng, đại lược nói rằng kẻ sĩ ở chốn hoang vu một sớm danh thẩu Cửu trùng, hẳn cái tiến trình vạn lý sẽ nhẹ bước khôn kể, còn thêm rằng Vương mệnh không đợi thẳng ngựa[4], nội trong ngày phải lên đường đi trấn Vĩnh Hưng, nơi đây trấn binh đều đã sẵn sàng chờ đón để ra đi. Người mang thư còn nói riêng rằng: “Việc này do quan Chính Đường[5] đề cử để coi bệnh Đông cung Vương Thế tử[6] bị đau

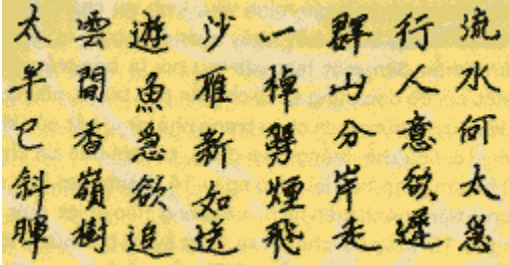
nặng từ lâu; việc chẳng nhỏ, ngày đêm phải gấp đường mà đi”. Tôi nhận thấy cơ sự này rất lợi hại[7], lấy làm kinh hãi, người như ngọc như si giờ lâu. Người nhà nghe thấy vậy, kẻ hiểu tôi vì tôi mà lo phiền, kẻ không biết tôi thì mừng cho tôi. Sự ồn ào nhất thời bất tất nói làm gì.

Nguyên bốn, năm năm về trước, quan Chính Đường vâng mệnh ra trấn đất Hoan Châu, từng mời tôi đến bắt mạch, chữa bệnh, đãi tôi như thượng khách, ngồi liền chiếu, ăn uống lấy lễ đãi rất hậu. Sau ông dẹp giặc biển có công, về triều tước vị đến tam công[8] được tin dùng không ai bằng. Việc này tôi nghe biết từ nhiều năm, lòng lo âu như đeo nặng một việc gì, thậm có sự ưu phiền sâu xa, thường than với môn nhân rằng: “Ắt có một phen ta phải nhọc nhằn vào kinh, lẫn lộn trong cái phồn hoa đất đô hội, phụ tình hoa cỏ chốn non xưa”. Sự thể ngày nay là giận mình chẳng vào ở sâu thêm trong núi. Tuy nhiên vị này có tài như Cơ công[9], thường kính nhường hậu đãi kẻ sĩ trong thiên hạ, huông hồ đối với mình sao?”. Có kẻ vì tôi giải muộn mà rằng:

“Ông dày công thâm thái, hiểu rõ cái học về tính mạng con người, chẳng làm lương tướng thì cũng làm lương y chẳng sai đâu; giữ gìn vẻ quý, che giấu đức tốt, cố nhiên là thái độ cao thượng. Nay cứu trùng tri ngộ, bốn bề nghe danh, há chẳng phải là việc xứng đáng của kẻ trượng phu sao?”. Lúc đó lòng tôi bút rút râu đêm chẳng ngủ, tôi thầm nghĩ: “Thuở thiếu thời mài gươm đọc sách, mười lăm năm trôi giạt chốn giang hồ, chẳng nên một việc gì. Khi đã gạt bỏ công danh rồi, làm nhà ở Hương Sơn, nuôi mẹ, đọc sách, chuyên chú vào các sách Hiên Kỳ[10], gìn giữ sức khỏe mình, cứu giúp kẻ khác, tự lấy làm đắc sách. Bằng một sớm lại vương vào cái hư danh”.

Đến đó tôi lại tự an ủi: “Lòng ta hăng hái tự lực cực nhọc trong việc học thuốc đã 30 năm rồi, nay mới soạn thành Bộ Tâm Lĩnh, mà chẳng dám giữ làm của riêng mình, tự đem truyền thụ, muốn nó thành của chung thiên hạ, chỉ hiềm sức mọn, việc lại trọng đại, khó mà tự mình làm trọn được. Quý thần thành cảm sẽ giúp mình chuyển đi này có chỗ gặp gỡ nên hay, cũng chưa thể biết được”. Nghĩ đi nghĩ lại, bất giác mừng rỡ, mặt mày hớn hờ. Tôi liền tiếp đãi sứ giả, phúc thư quan bản trấn. Ông này vốn chơi thân với tôi, muốn thay tôi làm tờ khai, tôi phải kêu là tôi tuổi già mình yếu, kính xin châm chước mà miễn cho. Chẳng được mấy ngày quan bản trấn lại sai thuộc nha đưa khấn đến một bức văn thư nói là bản trấn đã chu biện một cái đồ đọc dùng để di chuyển đến trạm, nếu tri hoãn sợ có liên lụy. Những con cháu trong nhà cũng hết sức khuyên nhủ tôi. Tôi liệu thể chẳng ở lại được, tức thì báo tin cho đạo đồ[11] hay mà tập hợp lại. Vào ngày 14 thành tâm làm một lễ lớn cúng tiên thánh tiên hiền, ca xướng náo nhiệt một phen. Đến ngày 16 thấy tôi phải đi xa, bọn ấy lại tổ chức một buổi hát xướng nữa. Ngày 17 đồ thư nửa gánh, gươm đàn một bao[12] tôi bước lên thuyền theo đường thủy, nhắm hướng Vĩnh Dinh[13] mà tiến phát. Bấy giờ tân khách đầy nhà, kẻ xin

thuốc, người tiễn chân, dùng dằng trèo kéo. Mặt trời đã ngả về tây mới động mái chèo. Tôi ngồi trong thuyền, tình riêng đối cảnh, nỗi khách bâng khuâng, khôn cầm lòng, miệng đọc mấy vần thơ rằng:

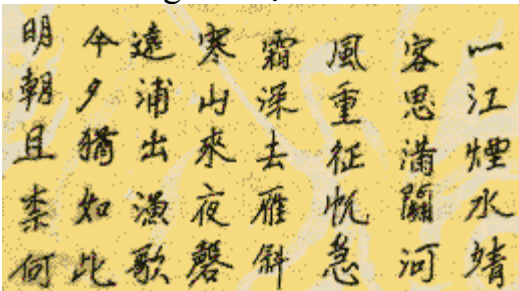


太 雲 遊 沙 一 群 行 流
 早 聞 魚 雁 棹 山 人 水
 已 香 急 新 劈 分 意 何
 斜 嶺 欲 如 煙 岸 意 太
 暉 樹 追 送 飛 走 遲 慙

Lưu thủy hà thái cấp
 Hành nhân ý dục trì
 Quân sơn phân ngạn tẩu
 Nhất trạo phích yên phi
 Sa nhận thân như tổng
 Du ngư cấp dục truy
 Vân gian hương lĩnh thụ
 Thái bán dĩ tà huy.

*Nước chảy sao mà lẹ
 Người đi những muốn thư
 Non chia đôi ngạn chuyện
 Mái rẽ đám sương mờ
 Vịt bãi theo đưa tiễn
 Cá sông đôi lững lờ
 Mây che Hương lĩnh khuất
 Quá nửa đã chiều tà*

Đêm hôm ấy người đi trong bóng trắng sáng, thôn xóm bên sông đều yên lặng; chớ sữa mỗi khi thuyền bơi qua. Một vầng trăng bạc chiếu dòng sông, đôi bờ hải trào nghênh đón khách. Xa xa vẳng tiếng chuông chùa, mờ mờ sương phủ lùm cỏ thụ. Mấy nơi đèn chài lạnh lẽo rọi sáng, hai con hải âu sóng đôi nghỉ ngơi. Bọn học trò đi theo đều uống rượu, mượn chén giải sầu. Tôi nhân ngâm một bài thơ để dãi lòng:



明 今 遠 寒 霜 風 客 一
 朝 夕 浦 山 深 重 思 江
 且 猶 出 來 去 征 滿 煙
 柰 如 漁 夜 雁 帆 關 水
 何 此 歌 磬 斜 急 河 靖

Nhật giang yên thủy tĩnh

Khách tứ mã quan hà
Phong trọng chinh phàm cấp
Sương thâm khứ nhận tà
Hàn san lai dạ khánh
Viễn phố xuất ngư ca
Kim tịch do như thử
Minh triều thả nại hà?

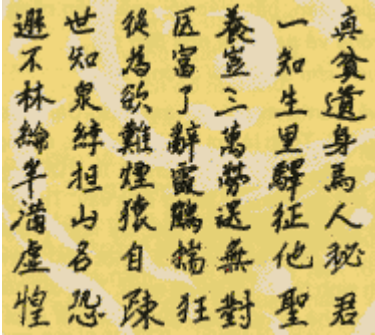
*Nước mây sông phẳng lặng
Nỗi khách chốn quan hà
Gió mạnh buồm đưa gấp
Sương dày nhận lượn qua
Núi sâu vang tự khánh
Cảnh tối nay như thế
Mai đây biết chăng là?*

Gà gáy đến Vĩnh Dinh, nghỉ ngơi chốc lát trong thuyền đậu ở đầu bến. Sáng ngày mười tám rời thuyền lên bờ vào yết kiến quan thị trấn. Ông này đã nhiều ngày chờ đón tôi, nay nhân có giỗ tổ đã trở về bản quán, chỉ dặn thuộc viên sắp sẵn lính bản doanh với năm quan tiền để làm lộ phí. Người này nói: “Quan tôi có tiên ky, phải về quê, chẳng kịp diện đàm, có chút lễ mọn gọi là tỏ tình”. Quan thị trấn còn phái quan văn thư (các phủ viên) đem quân bản đạo là 20 người, đầy đủ quân nhu đi hộ tống. Ngày hai mươi, viên quan này thu xếp hành trang lên đường, nhưng binh lính tùy tùng, vì có lương ăn chưa sắm đủ, đều phải đi vay mượn. Sau giờ Ngọ mới ra đi, tối đến ngủ trọ tại xã Kim Khê (hiệu Quán My). Quan văn thư làm một lễ tạ ơn tại cái miếu xã này, tổ chức một màn ca vũ, có mời tôi tới dự. Lúc này thần linh vừa giáng phụ vào một đồng nữ ngồi trên xập; cô đồng này vừa lắc lư vừa đàm thoại. Có kẻ bảo tôi rằng: “Thánh mẫu linh hiển báo ứng không sai, ngày nay lão sư tiến kinh nếu có thỉnh nguyện điều chi hãy tới lạy xin”. Tôi đáp rằng: “Phàm làm người tất cầu điều đắc, há có ai cầu điều thất. Lòng tôi vốn không nguyện đắc thì còn có gì mà cầu nữa!”, Đồng nữ nghe vậy thì hơi mỉm cười. Quan văn thư cũng nhìn tôi mà cả cười. Nửa đêm tiệc tan, mọi người đều về nghỉ. Ngày 21 khởi hành thật sớm. Gặp khi mưa dầm tình cảnh bọn hành nhân thật buồn thảm. Trước mặt là hàng ngàn ngọn núi mọc đứng thẳng, đường đá thì gồ ghề. Cũng vì bất thiệp[14] gian nan, bất giác tôi ngâm lên rằng:

*Trông về nam núi non đen tối
Buồn cho ai lặn lội đường xa..*

Hướng về Cẩm Sơn mà đi, sang đò Cẩm Giang[15] thì đến Thiết Cảng[16].

Toàn là hơi khói trên non, sương mù ngoài biển, hang động thì mờ ảo. Đây chính là 106 ngọn núi, có tăng già đi lại mà chẳng biết từ xứ nào vậy. Trong năm bước không nom rõ được người hoặc vật, chỉ nghe vượn hót chim kêu trong mây; một màu hơi khói, một thú sơn lâm khiến người xúc cảnh sinh tình. Tôi thâm nghĩ: Trải 30 năm nay, một trường danh lợi phỏ dòng nước xuôi, chỉ vui chơi cảnh suối rừng, lấy cái nhàn làm đắc sách; ai có hay lòng đã không thiết tha với danh lợi mà cái thân lại vướng mắc vào danh lợi. Chẳng qua mình đã không đạt được cái chân độn nên mới đến nỗi này. Nhân cảm hoài mà tự thuật trong một bài thơ:

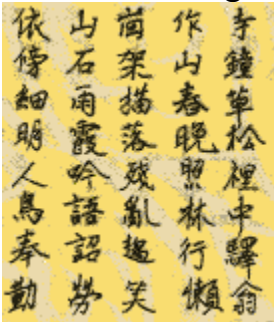


Độn thể tông y dưỡng nhất chân
 Bất tri vi phú khởi tri bản
 Lâm tuyên dục liễu tam sinh đạo
 Luân phát nan từ vạn lý thân
 Bán đàn yên hà lao dịch mã
 Mãn san viên hạc tổng chinh nhân
 Hư danh tự sủy vô tha bí
 Hoàng khủng sơ cuồng đối thánh quân.

*Học thuốc xa người để dưỡng chân[17]
 Phú không hay biết biết chi bản
 Ba sinh[18] rừng núi mong tròn đạo
 Vạn lý khâm thừa dám tiếc thân
 Nửa cõi khói mây chôn bước ngựa
 Dây non hạc vượn tiến hành nhân
 Hư danh đã bỏ không mơ ước
 Sơ kháng còn lo đối thánh quân!*

Tôi hôm ấy đến chợ Đông Lũy[19] (hiệu Suy Gian) để trọ. Tôi sắp đi nằm thì thấy một người áo mũ chỉnh tề, bung một mâm tôm biển đặt ở trước sân, rạp đầu chào bái. Tôi hỏi đến có việc gì. Y nói: “Tôi là lính trong nha của quan thị trấn, làng này là quê của vợ tôi. Tôi có đứa con vừa được tám tuổi, bị hàn nhiệt đã mấy tháng nay, hiện bệnh cũng đã thuyên giảm. Gặp lúc đêm tối ra ngoài thêm đi tiểu tiện, bỗng ngất đi bất tỉnh. Các thầy thuốc cho là

ngộ gió, đã chữa trị rồi. Lúc này chân tay đã co ruột được, chỉ hiềm nhiệt quá, hôn mê chẳng biết ai nữa, mắt dương, môi sưng, mong tôn sư đem từ tâm cứu giúp cho”. Tôi biết đứa trẻ ấy âm khí chưa toàn, từ lâu lại nóng lạnh âm dương đều bị thương tổn, phong tà cũng do bệnh “hư” mà phát sinh; đã không biết bồi đắp cái cội rễ, lại chuyên dùng thuốc chữa phong, nên âm càng hao thì hỏa càng bốc, cho nên mắc phải bệnh hen, gân khô đi khiến mắt mở to. Tôi bảo dùng lục vị làm thang, bỏ trạch tả mà thêm ban long, sao mạch môn lên mà trị bệnh. Đến sáng người ấy trở lại nói rằng: “ Sau khi dùng hết tễ thuốc, nhiệt đã giảm, thần thức tỉnh táo dần, kêu đói nên đã cho ăn cháo loãng”. Y còn nói trong làng một số thuộc danh gia thấy con y được lành bệnh, cũng muốn đến xin thuốc. Tôi sợ vướng mắc trong việc này bèn dùng phương bảo vị khí[20] để điều dưỡng. Tôi sai người đến báo cáo với quan văn thư xin được đi trước và hẹn đến chợ Hoàng Mai[21] thì nghỉ lại. Ông ta cũng vì có việc công chưa hoàn tất, phải lưu trú ở đây nên ưng ngay. Ngày 22 bọn chúng tôi tiến bước. Khi đi đến mé tây núi chúng tôi mới nhận ra một dãy cao phong, chồm núi trùng điệp, ẩn ẩn hiện hiện trong mây trắng; bên đường đi mấy ngọn mọc tách ra để lộ những hang hốc nhỏ. Trời về chiều đồng ruộng nom chỗ trắng trắng chỗ vàng vàng. Đến Long Sơn[22] thấy nhiều cổ thụ xanh um, một cung đất dâm mát, cảnh thật đáng yêu. Lại có những tấm đá mọc rải rác như những cái bàn thấp bé, hàng lối chỉnh tề. Tôi cho đồ đạc lại để du ngoạn chốc lát, rồi để một bài thơ trên vách đá:



Y sơn cương tác tự
 Bạng thạch giá sơn chung
 Tế vũ miêu xuân thảo
 Minh hà lạc vân tùng
 Nhân ngâm tàn chi êu lý
 Điều ngữ loạn lâm trung
 Phụng chiếu xu hành dịch
 Càn lao tiếu Lãn Ông

Chùa tựa sườn non dựng
 Chuông kẻ vách đá treo

Mùa xuân tươi cỏ sớm
Ráng đỏ phủ thông chiều
Chim hót trong rừng rậm
Người ca buổi bóng xiêu
Ra đi vâng chiếu chỉ
Ông Lãn cũng cần lao!

Đề xong, rào bước đi, chiều đến trọ tại chợ Hoàng Mai, vẫn chưa thấy quan văn thư tới. Sáng hôm sau tôi cùng bản doanh khởi hành. Sau giờ Ngọ[23] thì ông ta đến, nói rằng: “Tôi sợ số lính đi chẳng đầy đủ. Bản trấn tuy vâng mệnh, đã truyền lấy lính ở các huyện thành, số người vẫn chưa đủ lệ, tôi rất muốn có thêm người nữa để giúp vào việc khuân vác mà đi cho được trang trọng”. Tôi đáp rằng: “Những gói bọc lương tiền cũng nhẹ, hà tất phải để tâm nghĩ ngợi”. Sáng ngày 23 chúng tôi đi về cầu Kim Lan Mạn, tất cả đều đi xuống cái đền thờ ở bờ biển, đứng xa xa mà bái vọng. Viên quan nọ bảo tôi rằng: “Vị thần này ở Nghệ An linh thiêng vào bậc nhất, tôi từ xa đến chưa tường sự tích”. Tôi đáp: “Năm xưa tôi từng qua chốn này, có hỏi cổ lão, lời truyền tụng quả đà sai lạc. Xét sử nhà Tống, người nước Kim dùng chiến thuyền đánh phá. Quân thua, Trương Thế Kiệt[24] mang Bính Đế chạy ra biển gặp sóng gió, vua tôi đều bị chết đuối. Hoàng hậu cùng hai con bám được vào đồ vật mà nổi trên mặt nước, trôi dạt vào bờ, nơi có thôn xóm. Người trong làng trông thấy, liệu mình cứu thoát. Sau người ấy có tư tâm, Hoàng hậu nghiêm nghị cự tuyệt. Người ấy xấu hổ nhảy xuống nước mà chết. Hoàng hậu than rằng: “Ta nhờ người này mà sống, người này vì ta mà chết. Có lẽ nào ta tham sống lấy một mình”. Rồi bà đâm đầu xuống biển mà tự ải. Hai người con gái quá bi thương cũng nhảy theo xuống biển. Sau này bà hiển linh, người miền duyên hải tôn làm thần mà thờ phụng, đến nay hương khói vẫn còn. Tôi nhân ngâm một đôi liên:

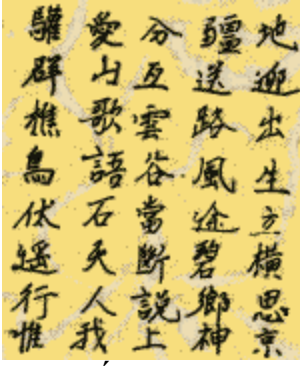
Cơ đồ nhà Tống nghìn thu hận

Vũ trụ trời Nam tứ quý xuân

Đại Tống cơ đồ thiên cổ hận

Nam thiên vũ trụ tứ thời xuân.

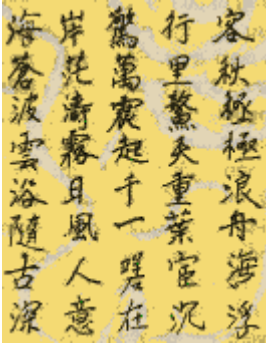
Ngâm xong, mọi người cứ phải đi quanh co mãi, rồi đến khe Lãnh Thủy[25] (nơi đây là phân giới Thanh Hóa và Nghệ An) thì thấy một nhóm người đứng bên đường, hướng về tôi mà vái chào. Đó là mấy người ở ấp gần đó, từ kinh đô trở về. Tôi cũng dừng cẳng đáp lễ. Một lát sau họ mới ra đi. Khi này tình quê nổi khách dào dạt, tôi ứng khẩu đọc một bài thơ để tả tâm trạng:



Hoan Ái[26] phân cương địa
 Quần sơn hổ tổng nghênh[27]
 Tiêu ca văn lộ xuất
 Điều ngũ cốc phong sinh
 Phục thạch đương đồ lập
 Dao thiên đoạn bích hoành
 Hành nhân thuyết hương tứ
 Duy ngã thượng thần kinh.

*Hoan Ái chia đôi vực
 Nghênh tổng núi bên đường
 Tiêu hát trong mây ngút
 Chim ca đầy cốc vang
 Trời xanh màu loé rạng
 Lối nghênh đá nằm ngang
 Ai kể tình nhà đó?
 Về kinh trái dặm trường.*

Ngày hôm ấy khí xuân ẩm áp, đường đi thanh thoi, chiều đến chợ Thổ Sơn đỗ lại ngủ trọ; trong chợ có đồn binh (trấn Thanh Hóa có một cánh quân tuần phòng ở đây) binh khí khá nhiều. Họ ngăn bọn tôi lại mà xét hỏi. Đến khi biết là phụng mạng mà đi thì họ xúm lại xin lỗi rồi lui ra. Ngày hai mươi bốn lên đường thật sớm. Mây đen khắp trời, sương khói che đất; gió rét căm căm, mặc áo ấm dày cũng thấm lạnh. Đi mấy giờ nữa thì đến bờ biển Hào Môn, trông ra chỉ thấy vạn khoảnh nước sóng mênh mông không bờ bến. Nhớ xưa Tần Hoàng, Vũ Đế hao tổn tâm tư về chuyện “Tiên thạch vân nang[28]”, rốt cuộc nửa bóng Bồng Lai cũng chẳng được trông thấy. Điều đó chẳng là lắm lạ lắm ru? Người xưa rõ ràng đã lo lắng cho rằng kẻ làm quan lặn lội trong bể hoạn, phải gánh chịu cái nguy cơ nổi chìm. Mắt trông ra xa chỉ thấy khói sóng mịt mù, miệng ứng đọc một bài thơ như sau:



Hải ngàn kinh hành khách
 Thương mang vạn lý thu
 Ba đào chân ngao cực
 Vân vụ khởi thiên thu
 Dục nhật thiên trùng lãng
 Tùy phong nhất diệp chu
 Cổ nhân ta hoạn hải
 Thâm ý tại trăm phù.

Trông biển lòng ai sợ
 Khí thu tỏa khắp miền
 Ba đào xua cá vực
 Vân vụ mấy tầng thiên
 Trời tám ngàn trùng sóng
 Gió đưa một lá thuyền
 Hoạn đồ người thuở trước
 Thăng giáng ý lo phiền.

Hôm ấy quan văn thư sai trấn binh chọn lấy ba chiếc thuyền mạnh để qua cửa Cự Nham (tên xã) là chỗ cửa biển, rồi lên bờ đến chợ Hàng Cơm mà tạm trú. Ngày 25 noi đường thượng đạo mà đi (đường hạ đạo qua Thần Phù[29]), qua vài nơi có tôn lăng đều rời cáng đi bộ. Chiều tìm đến chợ trú ngụ. Ngày 26 dậy đi sớm, sau giờ Ngọ dò qua bến Đài Sước[30], đến chợ huyện nghỉ ngơi ăn cơm trưa. Bỗng thấy một người khăn áo thầy tu, tay chống gậy trúc đang đi tới, phiêu nhiên có dáng xuất trần. Tôi lấy làm lạ hỏi người chủ quán, y đáp rằng: “Ông ấy vốn là sư trụ trì tại sơn tự, tinh thông nghề bói toán”. Tôi sai được đồng mời sư đến nhà, phân ngôi chủ khách. Tôi nói: “Được biết ông am tường về Dịch lý, muốn hỏi một quẻ về tiền trình được chăng?”. Nhà sư không chối từ, đáp ngay rằng: “Quan nhân năm nay bao nhiêu tuổi, muốn hỏi việc gì, nên thành tâm cầu xin, tự nhiên sẽ có linh nghiệm”. Tôi liền nhất nhất nói rõ. Nhà sư suy nghĩ giây lát, rồi nói to lên rằng: “Đẹp thay! Tốt thay! Đúng là có việc phi thường rồi!”. Tôi nói: “Người quân tử hỏi về điều dữ, chẳng hỏi chi về điều lành. Xin tiên sinh

đừng có giấu giếm gì cả”. Nhà sư đáp: “Tôi bói được quẻ Nguyên thủ[31], đó là cái tượng vua sáng tôi hiền, Chu tước[32] ngậm thư rất vượng, Thanh long[33] ở giữa, Bạch hổ ở cuối, Quả nhân[34] gặp bản mệnh, Dịch mã[35] ứng với hành niên, quả là ứng vào việc trung triệu, ba lần truyền đều có nhật can thời chi Lục hợp[36]. Cá nước vui duyên, giao long gặp mưa. Đó là cái triệu toàn cát toàn mỹ. Tuy nhiên cái điều phải lo ngại là Bạch hổ nhập tù, đến Kinh sẽ mắc bệnh”. Tôi nghe nói thăm nghĩ rằng: Người này học thuật tinh vi, hình mạo nham cổ, ắt có cái hiểu biết hơn người, chỉ tiếc là khi gặp được thì đã muộn, làm sao tìm biết được hết cái văn kiến súc tích của người ta. Tôi đem đầu đuôi việc mình nói thật cả ra, lại bảo rằng: “Tôi ở nơi cùng sơn tuyết lĩnh, mây đầu non trắng mặt biển, một thú u nhàn mên tiếc chẳng rời, không biết khi nào mới được quay trở về đánh bạn cùng lũ hươu nai, chuyện trò mỗi chiều tà với bọn ngư tiều”. Nhà sư nghe nói vậy thì than thở mãi mà rằng: “Đồ cao lương làm cho phủ tạng con người ta phải đam mê; sao những kẻ khác đều mê cả mà riêng ngài lại tỉnh sao? Duy quẻ này ứng vào việc chủ khách cát vượng, trên dưới sinh hợp, nên ngày trở về của quan nhân chưa thể biết được”. Tôi nghe nói than dài mấy tiếng, sai được đồng mang lại một món tiền lớn để hậu tạ. Nhà sư nhất mực từ chối mà rằng: “Trong chuyến đi này của quan nhân, bản đạo chỉ nguyện được uống mấy chén kinh tửu[37] là đủ rồi”. Tôi sai kẻ tùy tùng đến quán rượu mua một chén thật ngon. Ông ta vui vẻ hai tay đón nhận, chẳng hỏi đồ nhắm, đồ rượu đầy một bát, há mồm như rồng hút sóng, nuốt một hơi hết sạch, nhổ một bãi nước bọt dưới chỗ ngồi, khen ngon, đoạn chấp tay vái chào mà từ biệt. -----

[1] **U trai**: nhà ở sạch sẽ và tỉnh mịch để học hay để tu luyện.

[2] **Tương phi**: Nga Hoàng và Nữ Anh là hai bà phi của vua Ngu Thuấn. Sau khi vua Thuấn băng, hai bà ở đất Thương Ngô, rồi đến sông Tương, khóc lóc thảm thiết, gieo mình chết.

[3] **Hương Sơn**: tên huyện thuộc tỉnh Nghệ An ở phía nam sông Cả, tức là sông Lam Giang (nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh).

[4] Nguyên văn: vương mệnh bất sĩ giá. Ý nói mệnh của Chúa phải thi hành cấp tốc như ngựa không kịp thắng yên.

[5] **Quan Chính Đường**: Chỉ Huy quận công Hoàng Đình Bảo, trước tên là Đăng Bảo, sau đổi là Tổ Lý, lại đổi là Đình Bảo; người xã Phụng Công, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay; cháu của Hoàng Ngũ Phúc, đậu hương tiến, lại đậu tạo sĩ, lấy con gái chúa Trịnh Doanh. Năm 1777, làm trấn thủ Nghệ An; năm 1778, được Trịnh Sâm cho coi việc phủ chúa và lĩnh chức trấn thủ Sơn Nam. Sau khi Trịnh Sâm mất, giữ chức phụ chính, sau bị quân Tam Phủ nổi loạn giết chết (loạn Kiều Bình).

- [6] **Đông cung thế tử**: tức Trịnh Cán, con Trịnh Sâm và Đặng Thị Huệ.
- [7] **Lợi hại**: điều lợi và điều hại. Nghĩa bóng: quan hệ, ghê gớm.
- [8] **Tam công**: ba chức quan lớn trong triều đình, tức Thái sư, Thái phó và Thái bảo.
- [9] **Cơ công**: chỉ Cơ Đán tức là Chu Công, chú vua Thành Vương nhà Chu, có công dẹp loạn miền đông nam, trở về cải định quan chế, sáng chế lễ pháp; sau lại đóng đô ở Lạc Ấp, gọi là Đông Đô.
- [10] **Hiên Kỳ**: Hiên Viên hoàng đế và Kỳ Bá, hai người có công trong y học thời cổ.
- [11] **Đạo đồ**: học trò theo học thuốc.
- [12] **Đồ thư**: tranh và sách. - **Guơm đàn**: thanh guơm và cây đàn, đồ dùng của người học trò xưa.
- [13] **Vĩnh Dinh**: một địa điểm ở vùng Vinh.
- [14] **Bật thiệp**: đi trên cỏ và lội trong nước, có nghĩa lặn lội khó nhọc.
- [15] **Cấm Giang**: sông ở vào hai huyện Hưng Nguyên và Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.
- [16] **Thiết Cảng**: có nghĩa cửa Sắt ở đông bắc huyện Hưng Nguyên và phía nam huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.
- [17] **Dưỡng chân**: nuôi dưỡng cái tính thành rất mực.
- [18] **Ba sinh**: do chữ Hán *tam sinh* có nghĩa là ba lần sinh ra ở đời để trả cho hết duyên nợ (duyên nợ ba sinh).
- [19] **Đông Lũy**: tên làng thuộc huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.
- [20] **Vị khí**: cái khí trong dạ dày.
- [21] **Hoàng Mai**: tên xã thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
- [22] **Long Sơn**: tên núi ở làng Nhân Sơn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
- [23] **Giờ ngọ**: khoảng thời gian từ 12 giờ đến hết 14 giờ ngày nay.
- [24] Theo Trung Quốc Sử Lược của Phan Khoang thì vua cuối cùng nhà Tống dời ra ở đảo Nhai Sơn (Quảng Đông), có đại tướng Trương Thế Kiệt, tể tướng Lục Tú Phu phò trợ. Quân Nguyên đánh Nhai Sơn, Tú Phu cũng vua nhảy xuống bể tự tử (1279). Thế Kiệt đi đường thủy qua Việt Nam mưu sự khôi phục, đi đường gặp bão, thuyền chìm mà chết.
- [25] Khe **Lãnh Thủy**, ở huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, về phía bắc. Khe từ trong núi chảy ra, nước lạnh ghê người, nên gọi là thế
- [26] **Hoan Ái**: Nghệ An và Thanh Hóa.
- [27] **Hộ tống nghênh**: thay đổi nhau mà tiễn đưa và nghênh đón (nói về hình trạng núi non).
- [28] **Tiên thạch vân nang**: sự tích Tản Thủy Hoàng muốn xây một cái cầu bằng đá ngoài biển để tiện đường đi về phương đông. Một đạo gia học được

phép đưa đá ra biển, lấy roi đánh vào những hòn đá, đá cũng phọt máu, rồi dùng bao bỏ đá mà quấy đi.

[29] **Thần Phù** : tên cửa biển cũ ở chỗ giáp giới tỉnh Ninh Bình và tỉnh Thanh Hóa (địa hạt huyện Yên Mô và huyện Nga Sơn). Cuối đời Lê, cửa ấy bị cát bồi lấp hết. Nay ở huyện Yên Mô có một cái tổng tên là Thần Phù.

[30] **Đài Sước** : tên đền. Nghĩa đen, đền kinh hoàng.

[31] **Nguyên thủ** : vua một nước. Ngày nay bất luận quân chủ, dân chủ, người nào làm thủ lãnh toàn quốc được gọi là nguyên thủ.

[32] **Chu tước, Bạch hổ** : hai trong sáu vị thần thuộc Hắc đạo trong tháng. Ở phương nào và ngày nào những vị thần ấy xuất hiện, người ta kiêng việc làm đất cát, nhà cửa, dời chỗ ở, đi xa, làm giá thú, xuất quân.

[33] **Thanh long** : một trong sáu vị thần thuộc Hoàng đạo. Sáu vị thần ấy là Thanh long, Minh đường, Kim quỹ, Thiên đức, Ngọc đường, Tư mệnh. Ngày nào trong tháng gặp vị thần ấy thì nên làm mọi việc, tránh được các điều hung ác.

[34] **Quý nhân** tức là Thiên át Quý nhân, chia ra Dương quý và Âm quý; thần này có được sự hòa bình của âm dương phối hợp, nên khiến người gặp những điều tốt đẹp.

[35] **Dịch mã** : vị thần ảnh hưởng thích hợp cho việc phong tặng quan tước, đi xa, dời chỗ ở, v.v..

[36] **Lục hợp** : tên thần lúc nhật nguyệt nhập hội (nhật nguyệt hợp tứ chi thời). Ngày có Lục hợp nên hội tân khách, kết hôn nhân, lập khế khoán, hợp giao dịch.

[37] **Kinh tửu** : rượu do người Kinh chế tạo.

Thượng Kinh Ký Sự

Đến Kinh Thành

Tôi bước xuống đò mà đi. Đêm nay đến một cái điểm, trú tại đó. Quan văn thư đến tận điểm mà bảo tôi rằng: “Chuyến đi này can hệ đến việc công khẩn yếu. Bọn ta đi một ngày chẳng vượt quá năm mươi dặm[38] đường. Trước kia được lệnh ngày mừng mười thì đến Vĩnh Dinh, nay sắp hết nửa tháng rồi mà đường dài còn phải đi sáu, bảy ngày nữa. Nếu việc phải tâu trình thì sự đặng đãi này thực đáng sợ, mong lão sư đi nh đoạt, chọn những kẻ khoẻ mạnh cho đi theo, cứ ban ngày thì đi, đêm khuya mới dừng để nghỉ, gấp đường mà tiến, bọn yếu đuối thì cho ở lại sau.” Tôi cười mà đáp rằng: “Quý huynh bất tất phải quá lo! Tuy có chỉ truyền ngày mừng mười thì đến nhà tôi, nhưng tôi bận chữa bệnh phương xa, đi tìm về đã mất mấy ngày, và trong lúc đi đường còn gặp gió mưa cản trở. Như vậy tưởng rằng ngày nay dẫu mọc lông mọc cánh vị tất sẽ đến nơi đúng kỳ hạn được”. Ông ta vừa cười vừa nói: “Cái thế bất phải như vậy”. Trò chuyện uống trà xong, ai nấy về nhà trọ. Ngày 27 gà gáy đã vội khởi hành. Bên đường đi núi non đứng sừng sững, bao bọc lấy nhau, khói mây mịt mù che khắp mặt đất. Hươu nai nghe bước chân đi thì vội chạy tán loạn; chim chóc nghe tiếng người nói bay vút lên đầu non (hiệu Ba Dội[39]). Ánh hồng ban mai mới dâng cao, màn sương đêm giá tan chừng nửa. Bọn hành nhân áo quần ướt át phải dừng bước nghỉ ngơi trên núi, trong một cái quán bỏ không. Chúng đốt lửa, hơ áo, ngồi sưởi cho ấm. Tôi sai người lau sạch cái thạch bàn, tựa lưng vào một cành cổ thụ bên thạch bàn ấy. Dược đồng pha trà, sửa soạn bữa ăn sáng. Tôi cho mời quan văn thư đến, cùng nhau uống rượu. Trèo lên cao mà trông ra xa, mới cảm thấy cái thú vị man mác là dường nào. Tôi đọc mấy câu thơ của cô nhân để giải phiền trong lòng, bất giác thốt lên rằng:

Tàn Lĩnh mây nhà che khuất bóng

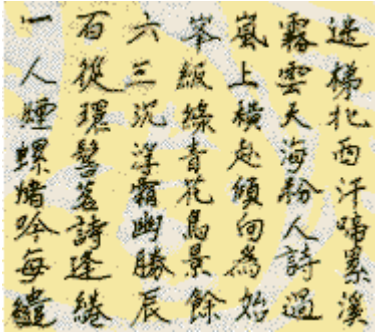
Lam quan tuyết phủ ngựa chôn chân

Vân hoành Tàn lĩnh gia hà tại?

Tuyết ủng Lam quan mã bất tiền

Ngâm xong dường như quá bị xúc cảm, tôi thần thờ chẳng nói năng gì. Quan văn thư thấy tôi buồn bã hiện ra sắc mặt thì cười mà rằng: “Trăm khóm hoa cỏ, một khoảnh càn khôn, dường có cái phong vị của Hương Sơn. Lão sư xúc cảnh sinh tình, có vẻ không vui”. Ông ta lại tiếp: “Lão sư lầm rồi! Kẻ sĩ quân tử có hai đường: xuất và xử. Xử (đi ở ẩn) thì giữ đạo làm vui; xuất (ra

làm quan) thì đem dùng đạo giúp đời. Lão sư che giấu tung tích chốn núi sâu, một sớm cửu trùng biết tên, đại thần trọng đãi, thực là cuộc gặp gỡ lạ kỳ, ngàn năm mới có, có gì lại thế!”. Tôi cười, đáp rằng: “Quan lớn khen quá lời, khiến người phải hổ thẹn. Người xưa tài cao học rộng uẩn súc kinh luân[40], xử thì trau dồi về quý, cất giấu đức sáng, xuất thì phò vua giúp nước. Còn như tôi học hành thô kém, tài hèn trí thiển, đối với đời thật là vô dụng; học được cái nghề mọn tùy thân đã là may mắn rồi, tưởng đâu một sớm đến được thế này, khác chi áo mặc không xứng đức[41], sao gọi là điều hạnh được!”. Quan văn thư nói rằng: “Tôi từng được nghe quan tôi trong những lúc nhàn đàm, ý giả lão sư muốn cao ẩn[42] mà mượn cái danh là làm thuốc đó thôi”. Tôi cười mà rằng: “Há lại có cái lý ấy sao?”. Quan văn thư lại tiếp: “Chí lão sư như vàng đá[43], tôi chẳng dám dài lời, được biết lão sư ngâm vịnh rất nhiều, nguyện được nghe lời vàng, rồi tôi cũng xin nói điều[44] để dâng cười mà giải muộn được chăng?”. Tôi mừng rỡ mà rằng: “Kê ôm đàn khổ tâm vì không bạn tri âm. Câu cao sơn lưu thủy hẳn ông đã biết rồi vậy”. Tôi gọi tiểu đồng mang bút mực lại. Tôi đọc trước một bài như sau:



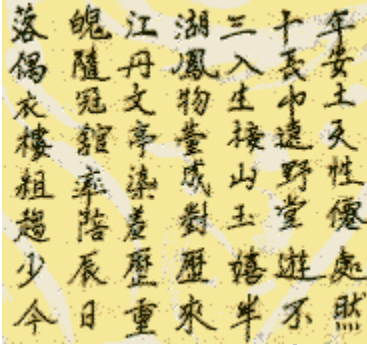
Nhất bách lục phong lam vũ mê
 Nhân tông tam cấp thượng vân thê
 Yên hoàn trâm lục hoành thiên bắc
 Loa kế phù thanh phó hải tê
 Chữ minh sương hoa khuyh phấn hãn
 Ngâm thi u điệu hương nhân đề
 Mỗi phùng thắng cảnh vi thi lự
 Khiến quyển thời dư thủy quá khô

Tam cấp leo trèo đá với mây
 Núi trăm lẻ sáu khí sương đầy
 Khói ngàn trâm lục dăng trời bắc
 Đá núi phù thanh khuất bể tây
 Nấu nước sương hoa lìa phấn rã
 Nghe thơ chim núi hót ai hay

*Chẳng qua ngâm vịnh vì yêu cảnh
Bịn rịn giờ lâu suối lội chầy.*

Đề xong đưa bài thơ cho ông ta coi để họa vắn. Ông xem đi xem lại đến bốn lần, rồi nói rằng: “Thơ của lão sư giống như những bài Bạch Tuyết Dương Xuân[45] khó mà họa được, xin để tôi bòn nhặt trong khúc ruột khô trong mấy đêm nữa rồi mới dám bày cái xấu của mình ra”. Rồi cùng dắt tay nhau xuống núi mà đi. Ngày hôm ấy, chiều tối thì đến chợ Vân Sàng[46] trọ lại. Ngày 28 đến Khương Kiều đỗ lại. Ngày 30 trọ tại Thịnh Liệt Kiều[47]. Quan văn thư bàn với tôi rằng: “Trong tờ khai có nói ngày mấy thì tiếp chỉ truyền, ngày mấy khởi trình, ngày y mấy thì tới nơi, xin xem qua thể thức trong tờ khai để tiện đệ bẩm”, rồi đưa tờ khai cho tôi coi, lại cười mà nói rằng: “Nhất nhất đều y theo sự định đoạt của lão sư ở dọc đường; tuy nhiên, vào chiều ngày hôm sau, mọi người nên đến dinh quan Chính Đường xem có công việc gì không?”. Ước định xong xuôi, ai nấy về đi nghỉ. Sáng ngày hôm sau quan văn thư noi đường bên tả, đi đường tắt thôn Nhân Mục[48] đón đường Hoàng Mai[49], theo Cầu Triền[50] mà tiến vào thành. Lúc ấy có tên Thuần là học trò đi theo nói với tôi rằng: “Năm trước tôi có người bạn tâm giao, con một người Tàu, y tên là Sự, cư ngụ tại quê mẹ là Lai Trào Ngung tức là Hiến Nam Cung; nay y dời cư đến cửa tây Khương Đình làm nghề thầy thuốc. Tôi thấy y chân thành hiếu hữu, có cho y một bộ Tâm Lĩnh của thầy. Từ ngày đó y ngày đêm học tập, tay chẳng rời sách, học thuật ngày tiến bộ, trong kinh thành nhiều người biết tiếng, Y thường than rằng: Vắn dậm xa xôi, chẳng thể đến chỗ cung tường[51], chỉ chiêm ngưỡng mà thôi, muốn đến Hương Sơn bái yết, nhưng vì còn mẹ già, chẳng thể bỏ đi xa. Y có thiết lập một sở tự[52] để thờ sinh vị[53] thầy, sớm tối đèn nhang để báo đức. Ngờ đâu trời cũng chiều người, cho y được thân đón bái tiếp. Và lại từ nhà y vào thành chỉ hơn vài dặm; đường đi vào thành so với đường Cầu Triền dài ngắn bằng nhau, tôi muốn đi trước báo cho y hay, chẳng biết có được không?”. Tôi thấy con người có nghĩa nên cũng ưng thuận. Tên Thuần được lệnh bèn đi trước. Tôi noi đường bên tả mà đi, vượt hơn vài dặm đã thấy y ra đón ở bên đường cái quan. Y thấy tôi thì lấy làm mừng rỡ, mời vào nhà bái tạ, kể lể cái tình khao khát bấy lâu. Y mời lưu lại ngủ một tối, khoản đãi rất hậu. Tôi nói rằng: “Hà tất phải như thế! Tôi cùng quan vệ tổng (tức quan văn thư) đã ước hẹn ngày hôm nay thì cùng gặp nhau ở dinh quan Chính Đường; việc này thật khẩn cấp. Trong lúc đi đường đã bị gió mưa cản trở, nay mới tới được đây, không thể chậm trễ được. Có điều tôi quen ở trong núi, nên đường đi lối lại trong đô thành đều quên mất cả, ông nên vì tôi đi trước đưa đường”. Uống trà xong, đứng dậy, tên Sự dẫn đạo, cùng đi theo cửa Vũ Quan, nhắm cửa thành mà vào. Tôi thấy một cái thỏ thành không cao lắm, kế bên có một dãy tường nhỏ, trên mặt tường ngựa đi được;

phía ngoài là hàng rào tre dày đặc, dưới hàng rào có hào sâu, trong hào thả chồng, thật là mười phần kiên cố. Ba tầng vọng canh được thiết lập nơi đây, tầng nào cũng có quân lính đứng thành hàng hai bên, đao thương xán lạn, hào quang như tuyết. Lính giữ cửa thấy bọn tôi đi có mang binh khí, xét hỏi thật nghiêm ngặt, đến khi biết rõ đầu mối, lại nhận thấy dấu hiệu áo lính trấn đất Nghệ An, mới để cho đi. Chúng tôi tạm nghỉ ngơi. Nguyên tại đất này thuở nhỏ tôi từng du học và trú ngụ. Tôi mới chống gậy, thủ bộ tứ phía, du ngoạn nơi đất cũ. Tuy hồ sơn vẫn như trước mà Phật điện, đình đài, quan xá, quân cư nhất nhất không còn hình dạng thuở xưa. Người qua kẻ lại như nêm, ngựa xe rộn ràng, khiến lòng cảm khái, nhân làm một bài thơ giải lòng:



Lạc phách giang hồ tam thập niên
 Ngẫu tùy đàn phượng nhập Trường Yên
 Y quan văn vật sinh trung thổ
 Lâu quán đình đài tiếp viễn thiên
 Thô xuất nhiệm thành sơn dã tính
 Xu bôi tu đối ngọc đường tiên
 Thiếu thời lịch lịch hi du xứ
 Kim nhật trùng lai bán bất nhiên!
 Phiêu bạt giang hồ mấy chục niên
 Chiếu vời một sớm đến Trường Yên[54]
 Lâu đài đình quán bên trời ngắt
 Văn vật y quan giữa cõi truyền
 Sơn dã buông tuồng quen tính tục
 Ngọc đường[55] lui tới thẹn cung tiên
 Đất này thuở nhỏ từng du hí
 Khác lạ ngày nay đã hiển nhiên!

 [38] **Dặm**: một đoạn đường dài 135 trượng = 540 m (là hơn nửa cây số ngày nay).

[39] **Ba Dội**: vùng núi giáp giới tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Ninh Bình, cũng gọi là núi Tam Điệp.

- [40] **Uẩn súc kinh luân**: chứa đựng tài trí dân giúp nước (kinh luân là sợi dợc và sợi xe, nghĩa bóng nói về tài chính trị).
- [41] Có câu y phục xứng kỳ đức, nói cách ăn mặc tương xứng với cái đức của mình.
- [42] **Cao ẩn**: giấu mình nơi hẻo lánh mà không dự vào việc đời.
- [43] **Vàng và đá**: Nghĩa bóng nói lời nguyện ước gắn bó với nhau vững bền như vàng và đá. Ý đây nói chí của Lãn Ông không thay đổi.
- [44] **Nổi điều**: do câu tục ngữ “Điều bất túc, cầu vĩ túc”, có nghĩa là đuôi con điều thiếu, lấy đuôi con chó thế vào. Nghĩa bóng: lời nói khiêm, lấy cái không hay của mình mà tiếp vào cái hay của người.
- [45] **Dương Xuân Bạch Tuyết**: khúc ca thời cổ.
- [46] **Vân Sàng**: thuộc tỉnh lý tỉnh Ninh Bình ngày nay.
- [47] **Thịnh Liệt**: tên làng thuộc ngoại ô Hà Nội ngày nay.
- [48] **Nhân Mục**: thường gọi làng Mọc, thuộc huyện Thanh Trì, Hà Đông.
- [49] **Hoàng Mai**: tên làng, nay là ngoại ô Hà Nội.
- [50] **Cầu Triền**: thường gọi Ô Cầu Dền.
- [51] **Cung tường**: nhà bốn bên có tường, chỗ ở và miếu thờ đều ở trong, tường về phía Nam có cửa để thông xuất nhập. Sau người ta dùng hai chữ ấy để gọi sư môn (cửa nhà thầy dạy).
- [52] **Sở tự**: nơi thờ phụng.
- [53] **Sinh vị**: bài vị thờ người sống.
- [54] **Trường Yên**: kinh đô nhà Tây Hán, nay là tỉnh Thiểm Tây, tác giả mượn để chỉ kinh đô nhà vua.
- [55] **Ngọc đường**: đền nhà vua, chỗ các quan văn học lui tới làm việc.

Thượng Kinh Ký Sự

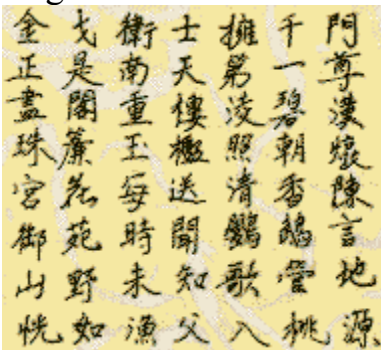
Chẩn Bệnh Thế Tử

Ngâm xong tôi lên cang mà đi, tử cửa cung Khánh Thụy qua đình Quảng Minh, rồi qua cửa Đại Hưng, theo đường phía hữu đi hơn nửa dặm nữa thì đến dinh quan Chính Đường. Cửa dinh cao lớn, voi đi lọt, hai bên có dựng điểm túc trực[56] bày đồ nhung trang mười phần nghiêm chỉnh; quân lính canh ngày đêm, tra xét bọn người tạp nhạp. Tôi vào trọ trong phạm điểm. Bọn tòng nhân đi sắm sẵn áo mũ để tôi vào sảnh đường. Bấy giờ chuông lầu đã điểm canh tư. Trên sảnh bài thiết nghi trượng sáng bóng, chói cả mắt. Trước sân bọn lính đi lại như chợ. Tôi đứng đợi giờ lâu mới hỏi viên dịch trưởng trực nhật. Y nói: “Có phải lão sư là thầy thuốc ở Hương Sơn tên là Lãn Ông chẳng?”. Tôi đáp: “Chính phải đó! Nhưng sao quan nhân biết tôi?”. Người ấy nói: “Thời thường từng thấy thượng quan đàm đạo, lại nghe có Thánh chỉ tuyên triệu, nên mới biết việc đó; lão sư nên đợi một lát, Thượng quan vào châu qua đây, đón xe mà yết kiến, thật thuận tiện”. Tôi theo lời ngồi đợi một lúc, quả thấy Thượng quan đi ra. Mọi người đều tránh né, im hơi. Trong sân có đặt một cỗ kiệu. Trước và sau kiệu, những người mang nghi trượng phân ban ra mà đứng chỉnh tề. Tôi rảo bước tới trước sân bái kiến. Vị thượng quan truyền cho chức miễn, lại kêu đến trước mặt, cười mà rằng: “Ngày nào thì khởi hành? Ngày nào thì đến kinh?”. Tôi thưa lại đầy đủ. Thượng quan quay lại, nói sẽ mấy câu với một vị quan nhỏ còn trẻ tuổi, rồi bước lên xe vào triều.

Tôi còn chưa hiểu ra sao thì viên quan này đến mời tôi về tư thất. Bấy giờ tôi mới biết thanh niên ấy là trưởng tử của thượng quan, tuổi ước trên dưới hai mươi, tướng mạo đẹp như ngọc. Vị này mời tôi ngồi cùng chiếu, tôi cố từ hai ba lần, vẫn cứ không nghe, một mực khiêm tốn, kể đó chia ngôi chủ khách mà ngồi. Quận hầu mở đầu rằng: “Nghe lão sư bảo học hoài tài, nhơn nhơ nơi núi hang, cây đàn chén rượu làm vui, lại có lòng cứu giúp người, từng thấy cha tôi nhiều lần khen rằng hiện nay về nghề thuốc không ai ở trên lão sư. Tôi một lòng ngưỡng mộ đã lâu, may thay một sớm được thừa nhan, thật là tam sinh hữu hạnh”. Tôi cảm ơn, nói rằng: “Tôi là kẻ sơ cuồng[57] chốn sơn lâm, dám đâu sánh với đời. Quận hầu[58] ban cho tiếng khen ấy làm tôi sợ hãi vô cùng”. Quận hầu sai người đến dinh quan Trung Kiên truyền lính gác nhà quét sạch sân và nhà, kê giường trải chiếu, hện giấy lát hồi báo. Người này đi chẳng bao lâu trở lại thưa rằng các việc đã xong xuôi cả. Quận hầu nói rằng: “Dinh này huyền ảo không tiện, nhà chủ tôi có một

nơi tuy chẳng rộng rãi nhưng mát mẻ đáng yêu. Hiện nay chú tôi có công vụ phải qua trấn Sơn Tây cho nên mới để không cái dinh ấy, mời lão sư đến đó nghỉ ngơi”. Nói đoạn, đứng dậy dắt tôi đi qua nội sảnh ước độ vài mươi bước, theo cửa nhỏ mà vào, thì thấy ngoại sảnh, trung đường, phòng ngủ, nhà bếp đều có ngăn nắp. Quận hầu vào trung đường cùng tôi ngồi nói chuyện. Lúc đầu tôi tưởng đây cũng là công tử vương tôn sinh trưởng nơi phú quý, quen tập nhiễm thói phồn hoa; sau mới biết ông là người học vấn uyên bác, hiểu rõ những điều phải trái xưa và nay, phàm nhân tình thế vị đều đã nếm đủ, hơn nữa có tính khiêm tốn, tuyệt nhiên dung mạo không chút chi kiêu hãnh. Tôi thấy vậy lại càng kính phục. Trờì gần tối ông mới cùng tôi cáo biệt. Tôi sai bọn theo hầu thu dọn hành trang để đi yên nghỉ. Còn bọn trấn binh đi hộ tống thì cho trở lại trấn cũ, khỏi nói đến nữa.

Tháng hai ngày mồng một, tôi nghe tiếng gõ cửa rất gấp. Tôi sai người mời khách vào thì thấy một tên lính hầu thở hển hển bước tới. Đó là kẻ dịch mục của quan Chính Đường. Y thưa với tôi rằng: “Có thánh chỉ triệu lão sư, quan truyền mệnh còn đợi ở trụ sở của quan lớn tôi. Tôi vâng mệnh chạy đến báo lão sư biết và đã lấy lính bản dinh đem cang đến đón ngoài cửa rồi, mời lão sư vào châu trong phủ ngay”. Áo mũ chỉnh tề, tôi bước lên cang đến cửa phủ. Lúc ấy dịch mục đi trước hết đường, còn cang thì đi vùn vụt như thể ngựa chạy. Tôi bị một phen đưa đẩy, sốc sác lấy làm mệt nhọc. Khi đến cửa phủ thì được người dẫn đi qua hai lần cửa nữa rồi rẽ theo đường bên trái mà tiến bước. Tôi ngẩng đầu lên coi thì bốn phương tám mặt, nơi nào cũng cây cối um tùm, chim kêu hoa nở, gió thoảng hương đưa. Những hành lang, những bao lon bước bước đều liên lu, nơi nơi đều cân đối. Kẻ gác cửa có việc gì thì truyền báo, kẻ công dịch qua lại như mắc cửi. Tôi thầm nghĩ: “Mình vốn là công gia tử đệ, sinh trưởng ở kinh đô, mọi chốn trong Cẩm thành đều thông thuộc; duy sự thể trong phủ chỉ được nghe nói thôi, mới hay cái giàu sang của nhà vua chẳng phải tầm thường vậy”. Tôi ngâm mấy câu đề ghi nhớ:



Kim qua vệ sĩ ủng thiên môn
 Chính thị Nam thiên đệ nhất tôn
 Họa các trùng lâu lãng bích Hán

Châu liêm ngọc hạm chiếu triều đôn
Cung hoa mỗi tống thanh hương trện
Ngự uyển thời văn anh vũ ngôn
Sơn dã vị tri ca quản địa
Hoảng như ngư phủ nhập đào nguyên

*Qua vàng[59] ngàn cửa linh canh đèn
Đầy chính trời Nam chốn chí tôn
Nguy ngật lâu đài sông Hán[60] khuất
Lung linh liêm mạc[61] ánh vàng xuân
Cung hoa không dứt mùi hương thoảng
Ngự uyển đưa kêu tiếng vệt đôn
Quê kệch chưa tường nơi vũ nhạc
Tưởng mình đâu lạc tới đào nguyên.*

Đi ước vài trăm bước qua mấy nơi khuê môn[62] mới đến cái điểm hậu mã quân túc trực. Điểm ở bên một cái hồ lớn, trong hồ có cây kỳ đá lạ, trong điểm cột và câu lon đều gãy gọn, thể chế khéo lạ. Quan Chính Đur ờng mỗi khi thoái triều thì nghỉ ngơi ở đây. Thấy tôi đến, ngài bảo quan Truyền chỉ rằng: “Chiều hôm trước, tôi đã tâu với Thánh thượng để ông này vào châu, cho mạch cho Đông cung thế tử”. Ông cùng với quan Truyền chỉ cùng đi, bảo tôi đi theo, có mấy tên tiểu hoàng môn nối gót. Khi đến một cái cửa lớn, lính thị vệ thấy tôi ăn mặc hơi khác lạ, vội lại ngăn trở. Quan Truyền chỉ nói rằng: “Có Thánh chỉ tuyên triệu”, chúng mới để cho đi qua. Qua đây hành lang về phía tây thì đi đến một ngôi nhà lớn, vừa cao vừa rộng, hai bên để hai cỗ kiệu ngự, những đồ nghi trượng[63] đều chạm trổ thiếp vàng; ở gian giữa kê cao một cái sập ngự cũng thiếp vàng; trên sập treo một cái võng điều. Trước sập và hai bên sập có kê kỷ án, đồ đạc chẳng thường thấy ở nhân gian. Tôi chỉ liếc mắt trông qua, cúi đầu mà đi. Lại đi qua một cái cửa nách nữa thì đến một cái gác cao rộng. Trong gác những giường cột t ừ trên xuống dưới đều sơn son. Tôi hỏi quan Truyền chỉ thì ông đáp: “Ngôi nhà lớn vừa đi qua mà có cuốn cỏ bông[64] gọi là Tử các[65]. Nay Thế tử ở đó ngự trà, nên cũng gọi là phòng trà (thuốc mà gọi là trà, ý không nói đến thuốc)”. Lúc ấy trong phòng trà có tám chín người, thấy quan Chính Đường đi tới, đều đứng dậy. Quan Chính Đur ờng ngồi ghé trên, rồi mọi người theo thứ tự mà ngồi. Ông truyền cho tôi vào giữa hàng những người ấy. Mới đầu tôi còn chưa hiểu, sau mới biết những người ấy là lương y của sáu cung hai viện được dự hầu “trà” ở đây, ngày đêm túc trực. Thấy tôi mọi người nhìn nhau, có kẻ cúi đầu nói nhỏ. Quan Chính Đường cười mà rằng: “Ông này là con ông Liêu Xá, Đường Hào, ngụ tại Hương Sơn, nghề thuốc nổi danh trên đời, nay vâng Thánh chỉ mời vào kinh”. Lúc ấy trong bọn có một người đầu đội

khăn nhiễu Tàu, cười mà bảo tôi rằng: “Lão sư có nhận biết tôi là ai không?”. Tôi thưa: “Tôi ở chốn sơn dã, mà nay đương buổi thịnh triều, các quan đông đảo, sao mà quen biết được?”. Người ấy nói: “Tôi là người An Việt La Sơn, lúc còn ở nhà từng nghe đại danh mà chưa gặp”. Tôi mới biết ông là giáo quan ở An Việt, tên là Chúc. Nhờ có quan trấn là Nguyễn Kiêm ở Tiên Điền đề cử làm thị y dược, được cai quản thuộc viện của Bộ binh, giữ chức Tham đồng. Tôi nói: “Chỗ ở quan lớn với chỗ ở của tôi không xa cách lắm, nhiều lần muốn được yết kiến, nhưng sợ tới mà không duyên do”. Câu chuyện chưa dứt thì quan Truyền mệnh đến nói nhỏ với quan Chính Đường. Vị này đứng dậy bảo tôi rằng: “Hãy tạm lui đi ăn sáng”. Tôi theo ông đi đường cũ đến điểm Hậu mã. Ông nói: “Thánh Thượng nghỉ ngơi tại đó, phi tần đứng hầu chung quanh, chưa dám tiến kiến, cho nên tạm ra ngoài”. Ông san sẻ đồ ăn cho tôi. Trong lúc ăn uống tôi thấy chén bạc mâm vàng, các món ăn đều quý lạ, mới hay phong vị của đại gia là thế. Ăn vừa xong đã thấy quan thị cận[66] chạy hôc tốc đến triệu quan Chính Đường vào nghe lệnh. Tôi đi theo ông, đến trước phòng “trà”. Ông sợ tôi lạc lối, bảo đi sát đằng sau ông, chợt thấy một nơi kia màn gấm mở ra, vào bên trong thấy đen tối, không biết đâu là cửa ra, màn trướng thì hết lớp này đến lớp khác, mỗi lớp đều có thấp một ngọn nến để dẫn đường. Đi qua chừng bốn năm lớp trướng gấm thì đến căn nhà rộng, vào trong thấy một vị ngồi giữa chiếc sập thếp vàng, độ năm sáu tuổi, mặc áo lụa hồng, tả hữu có mấy người đứng hầu, một cây nến lớn đốt cháy, cắm trên cây đèn đồng. Bên sập đặt một cái long kỷ[67] sơn son vẽ vàng, mặt kỷ có đệm gấm. Ngang sân trước có treo một trướng gấm, phía trong cung nhân đứng xúm xít với nhau, nến sáng lụa che, mặt phản áo hồng, lông lánh mọi vẻ; mùi hoa thơm chan hòa khắp nhà. Nguyên Thánh Thượng[68] ngự trên long kỷ đã tạm lui vào trong trướng để cho tôi xem mạch cho được tinh tường. Lúc ấy tôi nín thở, đứng ở một bên xa xa để đợi lệnh. Quan Chính Đường truyền cho tôi ra phía trước cung lạy bốn lạy. Thế tử cười rằng: “Người này lạy khéo”. Quan Chính Đường lại truyền rằng: “Già yếu, cho ngồi mà coi mạch!”. Tôi liền cúi người xuống đến trước sập ngự, ngồi mà chẩn bệnh. Chẩn xong, nghe trong trướng có lời nói se se: “Cho xem cả hình trạng nữa”. Một viên nội thần đứng đó đi tới bên sập ngự bắm xin thế tử đứng dậy cởi áo đứng cạnh sập để cho xem. Tôi coi kỹ một lượt lưng, bụng, chân tay, thân thể. Quan Chính Đường lại truyền bái tạ mà cho lui; tôi liền đứng dậy, lạy bốn lạy. Có lệnh sai một tiểu hoàng môn dẫn tôi ra phòng trà mà ngồi. Một lát sau quan Chính Đường mới bước ra, bảo tôi rằng: “Lão y xét mạch tình ra sao, ứng dụng phương thuốc gì, nhất nhất đều kê ra để tiến nạp.” Ông còn bảo tôi rằng: “Mang bệnh đã nửa năm rồi, trước kia gầy lắm, bây giờ mới thêm da thịt, coi đó thì biết sở bắm[69] không đầy đủ, lại bệnh đã lâu không bồi bổ gì được, nếu dùng

dương được bụng nóng không chịu nổi, mà dùng âm được thì trệ mà thêm bức dọc. Nay phải dùng những vị phát tán[70] mới ổn đáng”. Rồi ông sai Viện Tả quan đem những đơn thuốc dương được dùng để tôi xem xét. Nguyên ông đã tiến cử tôi, nên mới có những nghị luận ấy mà ông cho là hợp ý nhau. Vả lại ông vốn am tường y học, tuy vậy cái hiểu biết của ông còn chưa được thuần hòa, mỗi lúc đàm luận ông đều có ý công phạt[71]. Ông thường nói rằng: “Có bệnh thì phải chữa bệnh, rồi uống thuốc bồi bổ là chí pháp”. Nhưng theo tôi chỗ tôi thấy thì vì ở chỗ màn trướng vây bọc, ăn no mặc ấm, phủ tạng[72] mềm yếu, lại thêm mang bệnh đã lâu thì tinh huyết hao kiệt, khô khan, mặt không nhuận sắc, bụng lớn gân xanh, chân tay khẳng khiu, chẳng qua cái gốc đã bị tổn thương nhiều, lại còn lạm dụng đường lối công phạt sắc bén, không biết rằng cái hao kiệt ngấm ngấm làm cho cái hư cả ng thêm hư vậy. Cái kế sách ngày nay không bỏ còn đợi gì. Chỉ sợ dùng nó chẳng được lâu, thăng hoặc thành công mau lẹ, tất nhiên sẽ rơi vào vòng cương tỏa, không có ngày trở về núi; bất nhược dùng phương pháp hòa hoãn, chẳng trúng thì không quá sai lệch. Tôi lại nghĩ rằng: “Tổ phụ nhà mình đời đời chịu ơn nước, mình nên tận tình nối cái chí giữ điều trung của tổ phụ”.

Tôi suy nghĩ kỹ càng rồi thưa rằng: “Vâng coi thánh thể thấy gầy gò mà mặt nhợt lấm, mạch chạy mau, âm dương sút kém cần phải bồi bổ hai thứ tỳ, thận để củng cố cái căn bản của tiên thiên[73], bồi bổ cái hóa nguyên của hậu thiên, khiến cái chính khí được đầy đủ ở trong, bệnh tự tiêu ngấm ở ngoài, chẳng trị bệnh mà bệnh khắc hết vậy”. Lúc ấy ông cứ quay đi trở lại bày tỏ ý kiến ông để chỉ dẫn cho tôi, tôi cũng biết thế. Ông nói rằng: “Ông đã lập kiến[74] mà chẳng đổi thì kê lời luận bệ nh và đơn thuốc để tiến nạp”. Tôi theo lời làm tờ khai rằng:

Nay vâng xem xét thấy sáu đường mạch đều chạy mau mà không còn sức, mạch bên hữu thì mạnh mẽ, mạch bên tả yếu ớt. Đó là tỳ âm hư, vị hỏa quá nhiều, không tàng giữ được dương, âm hỏa vồng hành[75], cho nên bên ngoài thấy bụng phình lên, thế là cái tượng trong thì không, ngoài thì phù. Phải bổ tỳ thổ, làm cho đầy đủ cái lực của khôn nhu thì các trở ngại tự nhiên được san bằng vậy.

Nay phụng kê:

Bạch truật

1 lượng, gạo rang ba lần, dùng quách cháy, cốt giữ hương vị để bổ tỳ khí.

Thục địa

3 đồng cân, nướng khô, làm cho tỳ mềm mại và để bổ âm cho tỳ.

Càn khương

2 đồng cân, sao đen để giúp vận động mạnh lên.

Ngũ vị

1 đồng cân để nhuộm phé khí, điều tiết tiểu tiện.

Tất cả đều đun cho thành keo, mỗi lần dâng vào một chén trà, dùng thân thảo làm thang, đun lửa to, dùng vào lúc còn nửa no.

Tiểu thần Lê Hữu Trác phụng kê

Tôi viết xong, đệ nạp quan Chính Đường. Ông xem giờ lâu, dường như có vẻ ngần ngại. Lúc ấy, các y sĩ ngồi đó đứng dậy để coi đơn thuốc; ông không cho coi, thu tờ khai vào trong tay áo, cười mà rằng: “Ông này về phương pháp và biện luận so với bọn ta đều khác biệt rất nhiều”. Ông sai một nội thần đem tờ khai dâng nạp. Một lát sau ông đứng dậy bảo tôi đi theo về trú sở Hậu Mã. Uống trà xong, nghỉ ngơi đôi chút, ông lại bảo tôi rằng: “Đường dài khó nhọc, tạm về nhà trọ nghỉ ngơi, nếu có thân bằng đến mời mọc cũng không được rời chỗ ngụ, vì còn phải đợi thánh chỉ”. Tôi bước ra, lên cang trở về dinh quan Trung Kiên. Một tuần qua đi, các thân bằng trong kinh thành đến hỏi thăm tôi, xa cách nhớ nhung cũng là thường tình.

Hãy nói quan Chính Đường từ ít ngày nay ở trong phủ châu chực, không giờ khắc nào trở về nhà. Tôi cũng chẳng biết bài thuốc mà tôi tiến dâng ra sao nữa. Quận hầu thường đến chỗ tôi ngụ mấy ngày liền, chuyện trò cười nói có khi canh khuya mới về, tình nghĩa thật đậm đà. Một ngày kia, dịch mục của quan Chính Đường đến chỗ ngụ truyền lệnh rằng có thánh chỉ tuyên triệu, tôi phải lập tức vào chầu. Tôi đến ngay dinh Quận hầu lấy bốn tên lính đi theo, lên cang vào chầu, đến trú sở Hậu Mã đợi lệnh. Một giờ trôi qua mà chẳng thấy có truyền báo gì. Mãi sau một tiểu hoàng môn là gia nhân của quan Chính Đường cầm nến từ cung cấm ra đi, vào bếp dọn bữa cơm tối, cùng tôi ngồi ăn. Y bảo tôi rằng: “Quan lớn tôi nói rằng: Lão sư hãy về chỗ trọ, sáng mai trở lại đây”. Y ghé bên tai tôi nói kính mừng nhỏ: “Cung hỉ, cung hỉ. Thánh thượng đã chuẩn ban lương bổng bằng suất hai mươi lính tùy hành, phán cho quan Câu kê[76] hộ phiên chiếu lệ thi hành. Ngày mai sẽ nghe lệnh.” Tôi nghe nói vậy thì than thầm: “Lấy cái đó mà nhập vào việc đề cử thì có nghĩa lý gì!”. Ăn xong, tên tiểu hoàng môn lấy cái quân phù[77] đi đêm trong cung Cấm (dài hơn năm thước, hai đầu giát bạc, có khắc tự danh Nội Sai) dắt tôi ra khỏi cửa phủ. Suốt một đêm suy nghĩ, tôi chẳng chợp mắt, nghĩ thầm: “Có việc đề cử ắt chẳng buông tha, nếu mình thụ mệnh[78], rốt cuộc không từ chối được, chỉ bằng thác bệnh không vào”. Ngày hôm sau, tôi sai gia đồng đem thủ thư đến Quận hầu xin sai nhân vào bẩm với quan Chính Đường rằng: “Đêm tôi bị cảm hàn, đầu nhức, mình nóng, đứng ngồi lẩy bẩy không vào hầu được”. Lát sau Quận hầu đến vấn an, bảo tôi rằng: “Việc ấy tôi đã vào trong phủ bẩm với cha tôi rồi, lão sư bất tất để trong bụng, mong sớm được khoẻ mạnh để vào chầu, chắc sẽ có thăng thưởng”. Tôi hỏi: “Sao Quận hầu biết điều ấy?”. Ông nói: “Trước đây vì có việc công tôi vào trong phủ, cha tôi nói rằng lão sư kê đơn thuốc trong tờ khai, thì viện

y phân vân thương nghị, chưa dám tiến ngự. Duy Thánh thượng ngự lãm, khen là rất thông y lý, đã chuẩn định ban thưởng”. Tôi nghe vậy thì lo âu hiện ra sắc mặt. Quận hầu vốn biết tôi có ý muốn được ra về, cười mà rằng: “Lão sư tài lớn, chẳng chịu nổi việc ngựa kỳ, ngựa ký nặng nhọc kéo cái xe muối, mà chẳng vui chăng?”. Tôi đứng dậy, hướng về phía trước với dáng vẻ sắp cúi xuống lạy. Quận Hầu hoảng hốt đứng lên nói rằng: “Từ khi lão sư về kinh đến nay, sớm hôm tôi được thừa tiếp, có nhiều tiến ích cho tôi. Có việc gì cứ xin nói thực, tôi nguyện hết lòng giúp đỡ”. Tôi nói rằng: “Tôi từ thuở nhỏ có chí bay nhảy, vì số mệnh và thời cơ ngang trái mới ẩn tích nơi sơn cùng để lo nhân dưỡng. Năm nay đã lục tuần, tai điếc mắt chậm, há có cầu tiến; lại vì lâm bệnh mà học nghề thuốc. Chẳng ngờ một sớm đại nhân đề bạt đến đây, thăng hoặc Quận hầu có thương, xin giúp tôi một phen; nếu chưa được quay về núi thì cũng có thể thoát khỏi cái dầm danh, thật là may lắm”. Quận hầu cười mà rằng: “Bệnh nhiệt của lão sư thực không có thuốc gì chữa được. Nên lấy ở Hương Sơn một chén nước để trị bên trong, một mảnh mây để đồ bên ngoài, tự nhiên khỏi bệnh ngay”. Tôi cười rằng: “Quận hầu đã uống nước thượng tri[79] cho nên trông được phước phủ[80] như thế chăng?”. Nói xong hai người cùng cười mà cùng nhau từ biệt. Sáng hôm sau, Quận hầu sai người mang đến một bức thư nhỏ nói rằng đã thưa với đại nhân, nhưng chỉ cười mà chẳng đáp, lại dặn riêng tôi nên nằm giường bệnh, đừng liên lạc thư từ với tân khách. Tôi đáp: “Xin vâng lời dạy”. mấy ngày sau, tôi thấy Quận hầu đến mặt mày hớn hờ. Tôi ngầm hiểu việc tôi đã xong rồi. Ông nói: “Đã mấy lần tôi cất lời nói, cha tôi như có ý ngăn ngại, tôi phải thật tình cố xin thì cha tôi bảo: Lúc trước chẳng tưởng ông ấy thờ ơ với công danh, trước mặt nhà chúa ta đã nói nhiều về học thuật của ông ấy, nay đổi giọng lưỡi thì thật là khó. Chỉ có thể cáo là già yếu mà từ chối. Ta vào châu rồi thì báo cho ông ấy ngày mai đến Phủ đợi mệnh”. Tôi nghe nói mừng rỡ khôn xiết, cười mà nói với Quận hầu rằng: “Lúc này quan Chính Đường ý hẳn cũng hiểu cho tôi rồi”. Quận hầu lại nói rằng: “Cứ như ngôn ngữ của cha tôi, tôi nghĩ lão sư sẽ nối lại lời ước xưa với vượn hạc núi cũ mà chẳng phụ bạc”. Tôi đáp rằng: “Nhờ có Quận hầu cứu giúp, chắc cũng không có gì khó”. Đàm thoại nửa giờ rồi cùng từ biệt. Sáng hôm sau tôi đến phủ đợi mệnh, không thấy quan Chính Đường đâu cả, tôi hỏi bọn lính gác thì họ đều nói: “Thánh thượng ngự tại Đông Cung, quan Chính Đường châu chực tại đó”.

Một người lính thuộc quyền tôi sai khiến dẫn lộ, chúng tôi theo cửa hữu phủ đường mà đi, quanh co ước hơn một dặm thì thấy lâu đài đình các, rèm châu cửa ngọc, ánh nước long lanh thấu từng mây. Quanh lối đi nào kỳ hoa, dị thảo, gió thoảng hương bay, chim xinh, con hót con nhảy. Chốn bình địa nổi ngọn núi cao, nơi bóng râm tỏa lùm cổ thụ. Cầu sơn vẽ bắc qua giòng nước,

đá sặc sỡ tạo thành lan can. Tôi vừa đi vừa ngắm, thực chẳng khác cảnh tiên vậy. Sau đến cửa Đông cung, gặp quan Chánh Đường ở triều về, bảo tôi đến trú sở. Uống trà xong, ông cười mà bảo tôi rằng: “Ông ở chỗ lâm tuyền phóng dật đã quen, từ lúc vào kinh, ngày đêm chạy qua chạy lại mới biết nỗi lao khổ”. Tôi đứng dậy tạ rằng: “Tôi vốn người nhiều bệnh, thêm tuổi già yếu đuối, mong đại nhân thương tình cứu giải cho”. Ông nói: “Ngày nọ tôi đã đạo đạt ý của ông, muốn tạm ở xứ ngoài mà đợi lệnh, đã được chuẩn y rồi, ông nên ở chỗ trọ đợi lệnh, chẳng nên đi chơi xa, nếu đi đâu cũng phải có chỗ ở nhất định, sợ rằng bất thần có tuyên triệu đó”. Nói chưa dứt lời đã thấy viên nội thần đến triệu quan Chính Đường. Tôi tạ từ về chỗ trọ. Quận hầu đến hỏi thăm tôi. Tôi đem đầu đuôi câu chuyện kể rõ một lượt. Quận hầu mừng rỡ nói rằng: “Lời ngạn nói vào cửa hầu sâu tựa biển, huống hồ ông đi hay ở chẳng do cha tôi tự do định đoạt, biết làm sao bây giờ?”. Tôi thưa: “Quận hầu là núi Thái sơn của tôi, biết tôi là Quận hầu, cứu tôi cũng là Quận hầu vậy. Sức người có thể thắng trời. Cái tiền trình của tôi chưa thể nom thấy trước được”. Chuyện trò nửa giờ lâu mới từ biệt nhau.

Mấy ngày sau, quan Chính Đường ở triều về, tôi vào bái tạ. Lúc ấy một số quan liêu ngồi giữa nhà, cũng có người biết cửa nhà, tính danh tôi. Quan Chính Đường đem việc tôi kể cho họ nghe. Một viên quan cười nói rằng: “Ngư ời ta lấy điều được làm quan là mừng, ông đây lấy điều mất quan là may, sao riêng khác người ta vậy. Người xưa có câu rằng: Công hầu đâu có tại nham huyết[81], thế mà cái phong lưu nơi nham huyết chẳng sút kém cái phú quý của công hầu”. Tôi nghe nói, nghiêm mặt mà rằng: “Kẻ sĩ ở nơi hoang vu được đại nhân tiến cử, một sớm Cửu trùng biết đến, thực là thiên tải kỳ phùng, tam sinh hữu hạnh. Chẳng qua vì già yếu, đi đứng đau đớn, nên chẳng dám tham lộc trời, tự cam phúc mỏng, hối tiếc biết bao!”. Một viên quan khác nói: “Thấy ông nét mặt đồng nhan[82], nghiêm nhiên như tùng bách[83] dạn sương, trong phép tu dưỡng ắt có điều sở đắc”. Lại một viên quan nữa nói: “Nếu ai ai cũng là Y-Chu[84] thì ai là Sào-Do[85]?”. Quan Chính Đường cười mà nói rằng: “Kẻ sĩ ai có chí của người ấy”. Lát sau mọi người đều đi ra.

[56] **Túc trực**: châu chực ban đêm.

[57] **Sơ cuồng**: không cẩn thận và rò dại.

[58] **Quận hầu**: tiếng tôn xưng người có quan tước.

[59] **Qua vàng**: dịch chữ kim qua; qua là cái giáo, tức là thứ khí giới cán dài, mũi sắt nhọn, dùng để đâm.

[60] **Sông Hán**: tức là sông Ngân Hán, tên gọi đường trắng ở trên trời do ánh sáng các tinh tú tạo thành, trông hình như con sông bằng bạc.

[61] **Liêm mạc**: cái rèm và cái màn.

- [62] **Khuê môn**: cái cửa nhỏ trong thành.
- [63] **Nghi trượng**: đồ trần thiết trang nghiêm nơi vua ngồi hay lúc đi đường.
- [64] **Bông**: thứ cỏ cứ đến mùa thu thì khô héo, gặp gió thì bay tung.
- [65] **Tử Các**: gác tía.
- [66] **Thị cận**: trông coi gần, đây nói các quan hầu cận.
- [67] **Long kỷ**: ghế ngồi của bậc vua chúa.
- [68] **Thánh Thượng**: chỉ chúa Trịnh Sâm.
- [69] **Sở bẩm**: cũng như nói bẩm thụ, tức là hình hài và tính chất trời cho.
- [70] **phát tán**: làm cho cái khí độc nhiễm trong người tan giải ra ngoài.
- [71] **Công phạt**: đánh phá, ý nói dùng những vị thuốc có năng hiệu mạnh mẽ và nguy hiểm.
- [72] **Phủ tạng**: các bộ phận trong bụng, trong ngực người ta. Vị, đảm, tam tiêu, bàng quang, đại tiểu tràng là lục phủ; tâm, can, tì, phế, thận là ngũ tạng.
- [73] **Tiên thiên**: những cái bẩm thụ được trước khi sinh ra. **Hậu thiên**: đối với tiên thiên.
- [74] **Lập kiến**: định rõ, nêu rõ cái quan điểm của mình; ấn định điều gì theo kiến thức của mình.
- [75] **Võng hành**: đi đông không trật tự.
- [76] **Câu kê**: chức quan đời xưa coi việc tra xét sổ bộ.
- [77] **Quân phù**: phù hiệu trong quân làm tin cho các mệnh lệnh, cũng gọi binh phù.
- [78] **Thụ mệnh**: nghe theo lời truyền bảo.
- [79] **Thượng tri**: ao nước ở nơi cao tuyệt, ý nói phép tiên.
- [80] **Phế phủ**: phổi và các bộ phận trong bụng người, các bộ phận này gọi là lục phủ.
- [81] **Nham huyệt**: núi và hang, ý nói chỗ ở ẩn.
- [82] **Đồng nhan**: mặt trẻ con, ý nói nom mặt thì như người còn trẻ trung.
- [83] **Tùng bách**: hai loại cây thông, mùa đông tháng giá cũng không vàng lá rụng cành. Hai chữ tùng bách dùng để ví với những người có khí tiết vững vàng.
- [84] **Y-Chu**: Y Doãn đời nhà Thương và Chu Công đời nhà Chu, hai người đều là bầy tôi giỏi.
- [85] **Sào-Do**: cũng thường nói Sào-Hứa. Tức là Sào Phủ và Hứa Do, là hai người cao sĩ đời Đường Nghiêu. Vua Nghiêu muốn nhường ngôi cho Hứa Do. Do nghe chuyện ấy, ra bờ sông Dĩnh Thủy rửa tai, gặp khi Sào Phủ dắt trâu đến đây cho uống nước. Sào Phủ sợ nước bắn miệng trâu, bèn dắt trâu lên quãng sông dòng trên cho uống.

Thượng Kinh Ký Sự

Dọn Nhà

Lúc ấy tôi ở trong dinh quan Trung Kiên được hơn một tháng. Thân bằng đến thăm hỏi, ngày đêm vắng lai nhộn nhịp, mà lính quan Chính Đường tra hỏi ngáng trở. Kẻ muốn vào phải có người nhận lãnh mới được đi qua. Tôi nghĩ: “Ồ trong dinh ra vào khó khăn. Vả lâu ngày, nào gạo nào củi, lại hơn mười người theo hầu, lấy đâu ra cho đủ chi dùng. Có lúc Quận hầu hỏi mình người theo hầu nhiều hay ít, quan Chính Đường muốn cho lắm cấp, mình chẳng sa vào dầm khóa của người, bèn lòng từ chối, nên được miễn. Nay phải tìm ở chỗ khác ngoài dinh, tiện cho khách và bạn lui tới, rồi phát thuốc để cung nhật dụng”. Sau khi toan tính ổn thỏa, tôi nói với Quận hầu rằng: “Tôi lưu lạc giang hồ đã hơn ba mươi năm, một sớm đến kinh, thân bằng xa cách nhớ nhung cũng là thường tình, ngày đêm lui tới thành ra có sự đặng đãi, nay xin được ngụ tại ngoài cửa dinh, cậy Quận hầu bẩm với đại nhân để tôi được tiện khu xử”. Lúc đầu ông không thuận cho dờn xa. Tôi nài xin mấy lần mới hứa cho. Tôi sai người dò hỏi một nơi trong quân dinh đội Kinh Hữ. Người chủ tên là Biện Đồng. Anh này nửa đời rồi mà chưa có con, nghe vậy cho việc gặp gỡ này là bởi trời, thân hành đến mời mọc. Tôi sai người chuyển vận đồ đạc đến ngụ tại nhà y. Vợ chồng y hoan hỉ và trọng đãi tôi vô cùng. Từ dinh quan Chính Đường đến nơi này ước vài ba cung đường[86]. Cứ ba hoặc năm ngày một lần, Quận hầu đến chuyện trò với tôi, tình thân ái bất tất nói nữa.

Hãy nói chuyện tôi ở kinh chưa được nửa tháng mà từ quan viên, binh lính đến người trong phố phường, phần đông đều biết tôi cả; hoặc đã xin thuốc, hoặc đã xin chân bệ nh, cho đơn, ngày đêm vô cùng huyền ảo. Tôi nghĩ thầm: “Lúc mới những nghĩ kiếm sao cho đủ nhật dụng, chẳng ngờ nay kiếm được gấp bội. Tuy nhiên mình đi chuyến này không để tâm gì đến phú quý mà lại cầu lợi ư?”. Tôi muốn dờn chỗ ở nhưng chưa tìm được nơi nào. Lúc ấy có quan Quán Thị Nội Tả Cơ là Hàm Xuyên Hầu[87], thuở nhỏ theo cử nghiệp đã từng theo trường học ở quận, sau ông theo cha đi đánh giặc có công nên mới tiên thủ trên đường võ bị. Nhưng nhất sinh ông hay đau ốm, nhiều lần đến xin chữa bệnh. Ông thấy tôi thường khi không trị bệnh mà bệnh lại khỏi thì cho là thần dị, mỗi khi có bệnh nguy kịch thì cũng nhờ tôi chữa chạy cho. Ông xin nhập môn học tôi nghề thuốc. Tôi thấy ông là người chân thành nên nhận lời. Ông biết tôi không muốn ở nơi ồn ào, tức thì lắng

lặng sửa sang một sở dinh cũ ở cạnh hồ gần bản dinh; từ nhà ngoài, nhà khách, nhà bếp đều tĩnh mịch. Rồi ông đến mời tôi lại ở. Tôi mừng quá liền dời chỗ trọ. Hai vợ chồng tên Biện Đồng không bằng lòng như vậy. Chỗ ở mới này cùng với dãy nhà phía sau của Biện Đồng cách nhau vài ba trăm bước. Tôi cho đục tường mở một cửa nhỏ, sớm tối ân cần tiếp xúc với nhau. Kể từ lúc di ngụ tới đây lòng tôi mới được thư thái. Một đêm kia trăng sáng như ban ngày, ngồi tựa câu lan tôi thầm nghĩ: Đến kinh đã hơn hai ba tháng rồi, làng cũ ch ưa về thăm được, cũng chưa từng rời bước đi đâu được. Tính đốt ngón tay trái ba mươi năm rồi, những tưởng không bước vào cái cuộc danh dâm lợi khóa, ngày nay phải cam làm cái anh Sở tù[88] chẳng? Nghĩ ngợi một hồi, bỗng than dài một tiếng, sai tiểu đồng pha trà uống một mình rồi đi nằm. Tôi chợt nghe từ bờ hồ bên kia nổi lên một tiếng trong trẻo, véo von, trong như ve sầu uống hạt móc, dứt dứt nổi nổi, trắng như hạt móc kết thành sương. Tôi hốt hoảng trở dậy, ra trước sân nghe ngóng, mới biết là ở tây dinh có người thổi sáo. Khi này mỗi sâu mới gọi thêm mỗi sâu cũ, nhân ngâm một bài thơ ngắn tả nỗi lòng:



Ngọc dịch thanh du du
 Thanh tiêu hứng chuyển u
 Suy lai thiên lý nguyệt
 Tán tác mẫn thành thu
 Lạc cực thùy gia thú
 Tình đa lữ khách sầu
 Tiêu tiêu thiên lại phát
 Cẩm cố xuất tiêu phu

Sáo ngọc thanh nghe vắng
 Đêm trong hứng ngẫu nhiên
 Thổi về ngàn dặm nguyệt
 Tan nhập khắp thành môn
 Vui ấy ai người hưởng
 Tình này lữ khách buồn
 Sáo trời dào dạt thổi

Trống điểm cấm cung đồn

Ngâm xong, tôi tản bộ trước thềm, đêm khuya mới đi nằm, chiêm bao thấy mình ở quê nhà trong núi, mãi đến khi mặt trời chiếu ngang cửa sổ vẫn chưa trở dậy. Đứa tiểu đồng vội vã chạy lại lay tỉnh, nói rằng Quận hầu chờ đợi ở ngoài cửa đã lâu rồi. Tôi hoảng hốt ra nghênh tiếp, mời vào trong nhà cùng ngồi. Quận hầu nói: “Trước đây vài ba gian quân phòng chật hẹp, cửa trông thẳng ra ngã tư, náo nhiệt khó chịu, nay đợc chốn này thanh nhàn xứng đáng cho cao nhân tĩnh dưỡng”. Tôi thưa: “Cũng là nhờ chủ nhân đây có lòng hậu đãi vậy”. Lúc ấy Hàm xuyên hầu thấy Quận hầu đến, cũng tới nơi hầu chuyện. Tôi đưa bài thơ *Đêm nghe tiếng sáo* ra để hai ông bình luận thì đều khen ngợi cả. Quận hầu nói: “câu cực lạc có do mỗi cảm kích mà ra chăng?”. Tôi thưa rằng: “Có”. Hàm xuyên hầu nói: “Thái hết thì đến bĩ, suy tán lắm cũng do thịnh mãn nhiều; cho nên thánh nhân mới giảm cái dư trợ cái thiếu, chính là nói điều ấy vậy”. Trò chuyện nửa giờ rồi, hai ông mới ra về. Sáng ngày hôm sau, dịch mục[89] của Quận hầu đưa đến năm người trai tráng, áo khăn chỉnh bị. Tôi thấy thế ngờ rằng có việc gì phải đi xa. Người dịch mục nói: “Quan lớn tôi thấy chỗ ở mới của lão sư rất vắng vẻ, vả lại nơi này có lắm bọn đào tường khoét vách, sợ có điều tai hại xảy ra, mới bắm với đại quan truyền lấy năm tên lính ở tiền quân thuộc bản dinh cho chúng phục dịch ban ngày, canh gác ban đêm”. Tôi bảo rằng: “Thân tôi được nhờ tôn hầu[90] có lòng tốt chu toàn, ơn ấy ghi tạc không quên. Còn việc này ông hãy vì ta hết lời từ tạ”. Người dịch mục không nghe, cho bọn lính cư ngụ tại nhà ngoài. Nguyên lai mỗi lần tôi đi đâu đều phải mượn lính hầu của Quận hầu. Những quan viên qua lại cầu thuốc cũng cấp cho tôi lính để sai khiến, được bảy, tám người:

Thị Nội tả quân: 2 người

Nương Trung quân: 1 người

Trung Kinh quân: 1 người

Hậu Dũng quân: 1 người

Tiền Hùng quân: 1 người

Phần đông bọn chúng đều lười biếng, chỉ có năm tên lính Tiền Dũng là biết sợ pháp luật, công việc sai khiến đều được vừa ý. Như thế cũng đủ rồi; tôi cảm tạ các quan viên và cho bọn lính kia trở về, chỉ giữ lại một tên của Tiền Ninh, một tên của Trung Kinh, năm tên của Tiền Dũng, phát lương cho chúng và cho chúng ở nhà bếp phục dịch.

[86] **Cung đường**: một thôi đường đi chùng hết nửa ngày.

[87] **Hàm Xuyên Hầu**: tức Đinh Nhạ Hành, bỏ chúa Yên Đô, phò vua Lê, được làm quản Binh hiệu thị trung, từng vâng lệnh vua đem quân xuống Sơn Nam hạ chống quân Tây Sơn (Vũ Văn Nhậm). Cuối đời Chiêu Thống, Nhạ Hành làm đến Chấn khẩu Đại tướng quân, tước Hàm quận công. Năm Kỷ Dậu 1789, Nhạ Hành đem gia quyến theo vua chạy sang Tàu.

[88] **Sở tù**: tù binh do nước Sở bắt được. Sau dùng để chỉ kẻ ở trong tình trạng quẫn bách mà không có kế gì để mưu thoát.

[89] **Sở tù**: tù binh do nước Sở bắt được. Sau dùng để chỉ kẻ ở trong tình trạng quẫn bách mà không có kế gì để mưu thoát.

[90] **Tôn hầu**: tiếng tôn xưng người có quan tước.

Thượng Kinh Ký Sự

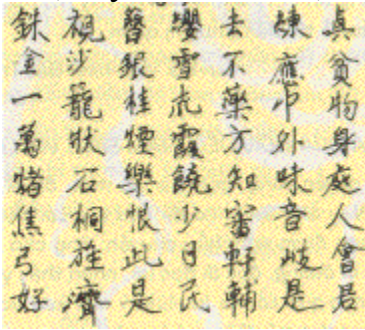
Họa Thơ

Hãy nói khi ấy ở trong kinh, khách nghe danh tôi mà đến nhiều lắm. Nguyên có lời đồn rằng được đại thần tiến cử, có thánh chỉ tuyên triệu, tôi là bậc kỳ tài nơi núi non, còn y được là nghề mọn có đáng kể chi. Từ đó các quan nha đệ tử và những người trong đám nho học ngày ngày kéo nhau đến hỏi thăm tôi, hoặc nói chuyện thời nay, kể chuyện thời xưa, hoặc bàn luận cái hay, cái dở trong nghề thuốc. Chỗ ngồi không lúc vắng khách, chén nước không buổi voi trà. Trong những ngày ấy cùng người thù tạc[91] thật là bận rộn. Ngày kia Hình quan[92] tên Bật Trục, người ở An Toàn. Giám sinh[93] tên Hằng người ở Nộn Liễu[94] và hai Huấn đạo, một tên Dư, một tên Vụ, đều là anh em ở Đông Lũy; cả bốn ông ấy là những dật sĩ, cùng với Giám sinh Sơn Tây hiệu Thanh Hồ, Sơn Nam Thi Xã hiệu Thúy Anh cùng mang theo rượu với đồ nhắm đến chỗ tôi ngụ đánh chén. Các ông hỏi tôi rằng: “Nghe nói tiên sinh đã tinh thông cái học về tính mệnh lại có cái thi tứ phong lưu của Lý Đỗ, chắc đã soạn thành nhiều bài thơ, xin đừng giấu lời vàng ngọc mà cho kẻ hậu bối được thăm chốn cung tường, có nên chăng?”. Tôi từ tạ mà rằng: “Thơ là để nói lên cái chí của mình, cái chí ấy hiện ra ở lời thơ; chẳng qua cũng góp nhặt những bài cũ kỹ, lời thì tạp nhạp, tiếng thì quê mùa, há dám múa rìu qua mắt thợ để làm trò cười sao?”. Các ông nói: “Tiên sinh chẳng nên quá khiêm tốn, chúng ta đều là đồng đạo, ý đã hợp, hà tất ngần ngại chi”. Tôi mới đem bài thơ Cảm Hoài lúc đi đường vắng chỉ về kinh đệ nạp để các ông coi. Viên Hình công nói: “Đạm bạc mà có ý vị, hòa nhã mà ra kiêu căng. Chẳng nói đến sang mà nói đến giàu, đúng là ý tại ngôn ngoại. Ý vị chứa đựng chẳng cùng vậy”. Viên Giám sinh nói: “Một giọng khí vị do cảnh khói mây tạo ra cho thấy rõ ràng ngài là bậc ẩn giả vậy”. Tối đến tiệc tan, mọi người giải tán. Ngày hôm sau, các ông ấy đều sai người nhà đưa thư đến. Tôi mở ra coi thì là những bài thơ họa lại thơ của tôi, tôi giữ cả lại để lưu chiêu.

Thơ họa của Viên Hình Công[95] và lời dẫn

Tiên sinh vốn dòng trâm anh, rời bỏ đến chốn lâm tuyền đã bao nhiêu năm tháng rồi. Kẻ biết thời vụ như tiên sinh hẳn có điều siêu việt khác người, lánh ẩn tu dưỡng, chơi coi nước non, đáng là vị lãnh tụ trọng vọng như sơn đầu, bọn sinh sau thực chẳng noi kịp. Nay thăm nhà: khăn tắm sắc khói mây vẫn, lời đượm mùi được hoa thơm, thật là vui thích thay! Lại nghe nói ngón

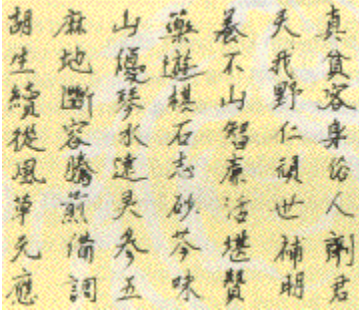
đàn cầm của tiên sinh cũng là một cái thú cao diệu (lúc đó chỗ tôi ngồi có cái đàn cầm bảy dây). Phong nhã khiến người mến phục; bất giác tôi sập đến, nay xin nói điều, nếu thơ được thấu nhận thì lấy làm hân hạnh.



Thù thị tâm anh khứ luyện chân
 Kim sa ngân tuyết bất ưng bàn
 Nhất lung quế truyệt dược trung vật
 Vạn trạng yên hà phương ngoại thân
 Chữ thạch lạc nhiều tri vị xứ
 Tiêu đồng hận thiếu thâm âm nhân
 Cung tinh thử nhật Hiên Kỳ hội
 Hảo tế thị dân phụ thị quân.
*Coi nhẹ công danh luyện tính chân
 Cát vàng tuyết bạc há đâu bàn
 Một lòng quế truyệt bèn hương dược
 Muôn lớp yên hà gửi tám thân
 Chữ thạch[96] ai kia vui biết vị
 Tiêu đồng[97] khách giận ít cao nhân
 Kỳ Hoàng hội ấy ngày nay gặp
 Gắng cứu dân lại giúp Thánh quân.*

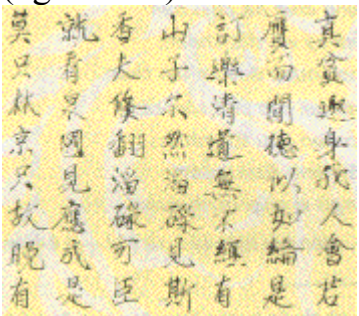
Thơ họa của Nộn Liễu Giám Sinh với lời dẫn

Nhà lan quyền vàng, giữa hạ gió mát, đó là cái lạc thú của ông vậy. Nay ông tuổi hạc đã cao mà cái chí cũng cao. Bữa nọ hân hạnh được ngồi hầu chuyện, ông cho coi bài thơ *Thuật hoài lúc đi đường*, đọc đi đọc lại, nhận thấy ý thơ mạnh mẽ, cốt cách cao quý, tỏ nỗi lưu luyến non xưa với đá trắng mây hồng. Nay trộm nói điều mà họa lại.



Cây vừng củ núi dưỡng thiên chân
 Đất tốt dong chơi há chịu bần
 Sơn dã cầm kỳ vui dật khách
 Trí nhân[98] non nước được nhàn thân
 Liêm ngoan tục[99] cải phô tâm tích
 Cao tế linh đan cứu thế nhân
 Đã sẵn sâm linh đem bổ trợ
 Còn điều ngũ vị giúp minh quân.
 Hồ ma sơn được dưỡng thiên chân
 Sinh địa ưu du bất ngã bần
 Tục đoạn cầm kỳ sơn dã khách
 Thông dong thủy thạch trí nhân thân
 Phong đẳng viễn chí liêm ngoan tục
 Thảo tiền linh sa hoạt thế nhân
 Nguyên bị sâm linh kham bổ tể
 Ứng điều ngũ vị tán minh quân.

Thơ họa của quan Huân Đạo (người anh)



Chẳng đến Hương sơn hỏi giả chân
 Hãy coi phu tử chỉ vui bần
 Núi rừng học đạo thanh nhàn thú
 Đất nước nghe danh đạo đức thân
 Người hám lợi danh quen thế tục

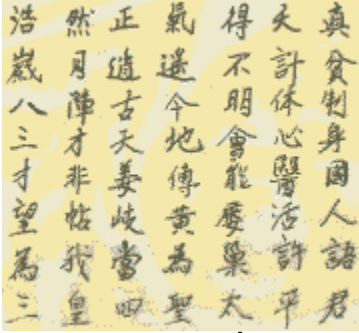
Ta đâu xu hướng giống thời nhân
 Già gây sự nghiệp nhờ tài lớn
 Mới rõ tôi hiền gặp Thánh quân.
 Mạc tự Hương sơn đỉnh nhận chân
 Chỉ khan phu tử lạc nhi bản
 Lâm tuyền thúc nhĩ thanh nhàn thú
 Kinh quốc phiên nhiên đạo đức thân
 Chỉ kiến thao thao vô tự ngã
 Cổ ưng lục lục bất như nhân
 Văn thành khả kiến kinh luân hội
 Hữu thị thân tư hữu thị quân.

Thơ họa của quan Huân Đạo (người em)



Cung đàn lý thú dưỡng thiên chân^[100]
 Hồ dễ giàu sang bức được bản
 Hoa động bay hương vui dật khách
 Trăng song vô sắc được nhàn thân
 Đón nghênh lễ ấy trung long điển
 Cầm hạc^[101] tình này tựa cổ nhân
 Thành thị lâm tuyền qua lại khắp
 Giữ tròn hành chí^[102] đạo thân quân.^[103]
 Nhất khương lý thú lạc thiên chân
 Phú quý yên năng bức đắc bản
 Hoa quật hữu hương cung thẳng khách
 Nguyệt song vô sắc ngụ nhàn thân
 Cung tinh sa giác phi thường điển
 Cầm hạc trung thành sự thích nhân
 Tuyền hạc thị thành kinh lịch xứ
 Thời tai hành chí thái thiên quân.

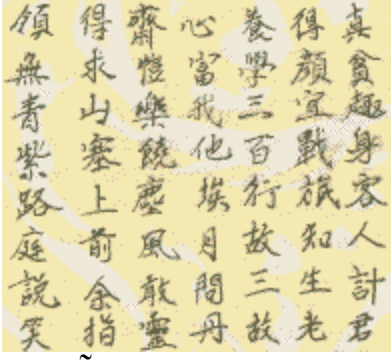
Thơ họa của Giám sinh Sơn Tây



Hạo nhiên khí ấy bởi thiên chân
Ngày tháng tiêu dao xá kể bần
Bát trận[104] xưa nay am thể chế[105]
Tam tài[106] trời đất thấu tâm thân
Tài không Khương-Phó[107] hay yên nước
Vọng sánh Kỳ Hoàng từng cứu nhân
Ta muốn thay lời Sào Hứa nói:
Ba vua Bốn Thánh buổi minh quân.
Hạo nhiên chính khí[108] đặc thiên chân
Tuế nguyệt tiêu dao bất kể bần
Bát trận cổ kim minh thể chế
Tam tài thiên địa hội tâm thân
Tài phi Khương Phó năng y quốc
Vọng thiếp Kỳ Hoàng lữ hoạt nhân
Vị ngã đương vì Sào Hứa ngữ
Tam hoàng[109], Tứ thánh[110] thái bình quân

Thơ của Cựu Thi Xã

Thuở thiếu thời tôi từng kết bạn với hàng chục người ở kinh đô, lập thành một thi xã. Nay tôi trở lại đây thì người người đã phân tán, chỉ còn lại vài ba kẻ mà thôi.



Đã sẵn lòng chay dưỡng tính chân
 Không cần giàu Khải[111], học Nhan[112] bản
 Ba nghi sơn thủy ta tìm thú
 Trăm trận biên thù kẻ dấn thân
 Trên lộ trần ai cam lữ khách
 Trước sân phong nguyệt hợp thân nhân
 Dù ai có hỏi ta sinh kế
 Cười trở linh đan[113] cổ Lão quân[114].
 Lãnh đắc trai tâm dưỡng đắc chân
 Vô cầu Khải phú học Nhan bản
 Thanh sơn lạc ngã tam nghi thú
 Tử tái nhiều tha bách chiến thân
 Lộ thượng trần ai hành lữ khách
 Đình tiền phong nguyệt cố tri nhân
 Thuyết dư cảm vấn tam sinh kế
 Tiếu chỉ linh đan cổ Lão quân.

Sau khi đọc những bài thơ ấy, tôi nói: “Viên Hình công có phong vị nhà thơ. Còn Giám sinh ở Nộn Liễu, Giám sinh ở Sơn Tây cùng với hai viên Huân đạo đều có khí vị của nhà nho mà chưa thoát tục. Đến như thơ của Thúy Anh thì tư tưởng bay bổng tận trời cao, viễn vông không đâu, thật đáng nực cười”. Tôi biên chép tất cả để coi cho vui.

[91] Thù tặc: nói chủ khách mời đãi nhau.

[92] Hình quan: quan coi về việc hình.

[93] Giám sinh: học sinh nhà Giám. Ở kinh đô có nhà Giám, tức Quốc tử giám, nơi đây quan tế tửu và quan tư nghiệp làm giảng quan.

[94] Nộn Liễu: tên xã thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- [95] **Viên Hình Công**: tức Bùi Bất Trục, làm quan đến thái thường tự khanh; sau này lúc quân Tây Sơn ra Bắc, được vua Lê sai giữ chức than tán quân vụ tại Sơn Nam.
- [96] **Chữ thạch**: nấu đá. Người đạo sĩ nấu vàng đá làm thuốc; uống thuốc ấy thì thành tiên, đó là kim đan. Ý nói thuốc hay.
- [97] **Tiêu đồng**: người ta dùng gỗ đồng làm đàn cầm, nên đàn cầm cũng gọi tiêu đồng.
- [98] **Trí nhân**: trích câu *Trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn* trong sách Luận Ngữ; có nghĩa: kẻ trí ưa thích chơi với nước, kẻ nhân ưa thích chơi với núi.
- [99] **Liên ngoan tục**: liên là trong sạch, trái với ngoan là tham. Làm cho thói tham hóa liên.
- [100] **Thiên chân**: sự chân thành rất mực bởi trời phú cho - cái bản tính thiên nhiên.
- [101] **Cầm hạc**: điển Triệu Biện người Tây An đời Tống, đỗ tiến sĩ, từng giữ chức Điện trung thị ngự sử, tính người cư ơng chính. Khi đi chịu chức ở Thành Đô, chỉ đem theo một cây đàn và một con hạc, việc cai trị dân rất giản dị.
- [102] **Hành chỉ**: làm quan và thôi việc quan, ý nói làm quan phải tùy thời tiến thoái để bảo toàn danh phận của mình. Bài hát vịnh Hàn Tín đời Hán của Nguyễn Công Trứ có câu: *Nếu biết chữ khả hành khả chỉ, thì Năm Hồ một lá cho xong!*
- [103] **Thiên quân**: bề tôi và nhà vua (không có tiếng quốc âm dịch được hai chữ thiên quân có nghĩa là lòng người, nên tạm dùng hai chữ thần quân, có sai nghĩa, nhưng để họa nguyên vận).
- [104] **Bát trận**: tám môn của những phương thuốc trị bệnh đã được chia ra trong sách thuốc Cảnh Nhạc.
- [105] **Thể chế**: cách thức chế ra, cách thức xây dựng lên.
- [106] **Tam tài**: ba ngôi là trời, đất và người.
- [107] **Khương-Phó**: Khương Tử Nha và Phó Duyệt. Tử Nha tuổi già ở ẩn, đi câu. Vua Văn Vương nhà Chu đi săn, gặp Tử Nha ở sông Vị, cùng nhau chuyện trò đắc ý, cho lên xe cùng về, tôn làm thầy, gọi là sư thượng phụ. Vũ Vương diệt Trụ mà có thiên hạ là nhờ mưu chước của Tử Nha. Nguyên tổ tiên của ông được phong ở đất Lữ, nên Tử Nha cũng được gọi là Lữ thượng. - Phó Duyệt: hiền tướng đời nhà Ân. Vua Cao Tông mộng thấy Duyệt, tìm về cất lên làm tướng, nước được thịnh trị.
- [108] **Hạo nhiên chính khí**: cái khí tiết ngay thẳng, cứng rắn của những anh hùng, liệt sĩ.
- [109] **Tam Hoàng**: có nhiều thuyết khác nhau. Theo sách Đế Vương Thế Ký thì Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế là tam hoàng.

[110] **Tứ Thánh:** bốn vị thánh trong y học xưa tức là Hoàng Đế, Kỳ Bá, Tản Việt Nhân và Trương Cơ.

[111] **Khải:** Vương Khải, nhà cự phú đời Tấn, cùng với một nhà cự phú khác là Thạch Sùng ganh đua nhau ăn chơi xa xỉ.

[112] **Nhan:** Nhan Hôi, tên một vị trong tứ phối, thường gọi là Nhan tử. Học trò giỏi của Khổng Tử, nhà rất nghèo, chỉ ham học đạo.

[113] **Linh đan:** thuốc luyện của thần tiên. Theo nghĩa rộng, chỉ liều thuốc hay.

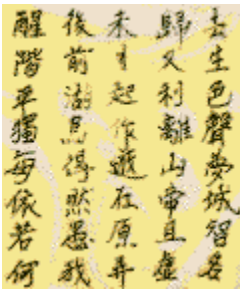
[114] **Lão quân:** Lý Nhĩ đời nhà Chu, gọi là Lão Tử, tổ Đạo giáo.

Thượng Kinh Ký Sự

Nhớ Nhà

Một ngày kia có người đồng hương được bổ nhiệm Huấn đạo[115] ở Hà Hoa[116] đến từ biệt để về Hương Sơn. Nhân tiện tôi gửi thư cùng vài ba thứ phẩm vật ở Kinh thành nhờ đưa về quê. Viên Huấn đạo nói là ở kinh làm chức quan nhỏ, ngày tháng kéo dài, tiền đi đường cũng không có; tôi cho ông ta mượn vài mươi quan tiền. Ông ta lấy làm mừng rỡ, từ tạ tôi mà đi. Đêm hôm đó, tôi ngồi ngơ ngẩn một mình lại nhớ tới quê xưa. Trăng trong chiếu cửa sổ, mỗi tình thao thức chẳng chớp mắt được. Canh khuya mỗi một nằm trong cửa sổ mà ngủ. Nhưng tâm hồn sầu muộn cứ quẩn quít bên gối, chợp chờn nghe tiếng chim vừa bay vừa kêu, bỗng tỉnh giấc. Một điểm sáng đèn tàn còn nguyên trên vách, tôi gọi tiểu đồng mang đàn lại chuyển điệu giờ lâu, lại sai pha trà, uống chừng vài ba chén trà cũng vô vị. Tôi ra trước sân đi tản bộ miễn cưỡng ngâm vài bài thơ nhỏ để tự an ủi:

Bài thứ nhất

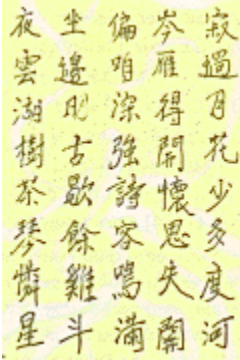


Tĩnh hậu vị qui khứ
Giai tiền nguyệt hựu sinh
Bình hồ khởi thu sắc
Độc điều tác li thanh
Mỗi đắc du sơn mộng
Y nhiên tại đế thành
Nhược ngu nguyên thả trí
Hà ngã lộng hư danh.

*Tĩnh giác quê đâu tá
Trước thềm nguyệt lộ ra
Kêu đàn chim độc nọ
Ngắm cảnh hồ thu xa
Chơi núi thường nằm mộng*

*Ở Kinh vẫn thế mà
Dầu khôn mà hóa dại
Danh nọ cứ ham a?*

Bài thứ hai



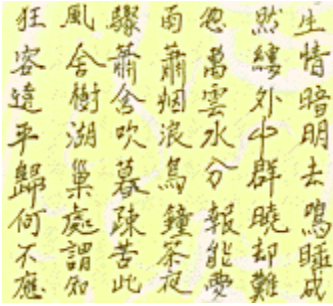
Dạ tọa thiên sâm tịch
Vân biên thính nhận qua
Hồ minh thâm đặc nguyệt
Thụ cổ cường khai hoa
Trà hiết thi hoài thiếu
Cầm dư khách tứ đa
Liên kê minh thất độ
Tĩnh đầu mãn quan hà

*Cảnh tối ngồi nơi vắng
Từng mây lắng nhận bay
Hồ trong trăng chiếu sáng
Cây cối hoa nở chầy
Trà cạn lòng thơ cạn
Đàn dây nổi khách dây
Thương gà kêu nhón nhác
Tĩnh tú quan hà đầy*

Có một ngày, đang đêm giữa canh hai, tôi đi nằm thì lính hầu vào báo: “Ngoài cửa có một cái cáng rất lộng lẫy đang tiến đến, có hai cái đèn lồng dẫn đường, không biết của viên nha nào”. Tôi hoảng lên trở dậy đứng đợi thì thấy là Quận hầu. Tôi mời vào, hai người cùng ngồi. Tôi kinh ngạc hỏi rằng: “Đang đêm Quận hầu đến, tất phải có việc gì?” - Ông nói: “Tôi vâng mệnh cha tôi đến hỏi về dược phẩm. Nguyên trong ng ày có người tiến dâng đơn thuốc, trong đơn có kê vị thần thảo, chẳng biết khí vị nó như thế nào, đã lục tìm quyển *Bản Thảo*, nhưng không thấy đâu, cho nên tôi phải đến thỉnh vấn để biết cho rõ mà chế thuốc”. Tôi lấy giấy bút tả kỹ càng rồi đưa nạp. Ông

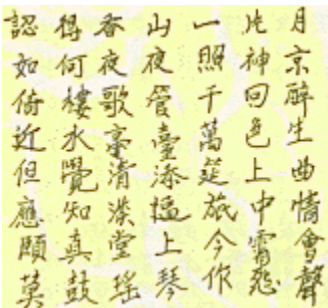
hỏi được rồi, chẳng kịp uống trà, chào tôi rồi đi ra. Tôi nhân nghĩ rằng: “Từ ngày đến Kinh tới nay, mỗi lần vào gặp quan Chính Đường thì ngài lấy lễ đãi mình rất hậu; còn hỏi thuốc là việc nhỏ mọn cũng sai đến con. Kính đãi như vậy thì ngày trở về của mình chắc là không ấn định được”. Tôi đem những bài thơ của tôi gửi đến Quận hầu, để tỏ nỗi lòng nhớ quê hương của tôi mà mong được đạo đạt. Nguyên từ lúc tôi xin được ra ở ngoài để chờ mệnh lệnh, nhiều lần tôi xin Quận hầu nói với quan Chính Đường để ông dùng quyền lực mà cứu giải cho; tuy đã dùng vạn kế, lại đã xin nghìn lần, rốt cuộc chẳng ăn thua gì cả. Quận hầu mới đem những tác phẩm về thơ của tôi đệ trình ông thân sinh và ra sức xin hộ một phen. Quan Chính Đường đem thơ xem đi xem lại, coi kỹ càng chỉ mỉm cười mà thôi. Lúc này đã là tháng năm. tôi có húy gia tiên[117]; tôi làm tờ khai xin trở về làng cũ, nhưng không được phép. Nguyên là lúc ấy tuy chẳng dùng hẳn phương cách chữa thuốc của tôi, nhưng mỗi khi đem dùng cái đơn thuốc nào, lại cho tôi được coi. Khi này Thế tử bệnh kịch, tôi biết là không được rời chỗ ngụ, mới sắm sửa đèn nhang bày lễ ngay chỗ trọ.

Một ngày nọ có quận chúa[118] mang thai bị băng huyết. Chồng bà là phò mã Cung (phò mã là con Quán Quận công, cùng ở một huyện với tôi) sai người đến mời tôi, còn nói rõ là đôi bên có tình lân lý. Tôi tới chẩn bệnh. Phò mã có ý lưu tôi ở lại đó vài ba ngày, nên điều đình với tôi. Tôi nói là quan Chính Đường dặn tôi không được dời chỗ mà đi đâu, đợi có thánh chỉ tuyên triệu. Nghe xong ông cũng không nói gì cả. Có biết đâu Quận chúa ngầm sai thị tì vào phủ tâu xin được giữ tôi lại để chữa chạy. Ngài ngự phán rằng: “Người này già lão bệnh tật không làm được việc”, lại sang riêng thủ phiên Hữu viện đến (tên là Tân). Phò mã đem sự thực báo tôi. Từ lúc hiểu rõ việc này, tôi mới biết quan Chính Đường quả đã trình Thánh thượng cái ý của tôi. Chỉ vì vị này nhất sinh lắm bệnh nên không chịu buông tôi ra mà dùng kế, đổ cho là việc công cần đến tôi. Tôi đến ngay nhà Quận hầu, nói rõ cái ý ấy. Quận hầu nói rằng: “Cha tôi lấy sự thành thực mà đãi người, vốn không có ý gì khác, thấy lão sư thì mười phần kính yêu, chẳng muốn xa nhau đó thôi. Lão sư đã không có bụng ở lại lâu, có ý nào lại không theo ý lão sư. Gần đây về những bài thơ của lão sư, tuy cha tôi không nói rõ, nhưng có ý than vãn ngầm. Như vậy việc trở về bất nhật sẽ đến vậy”. Tôi mừng rỡ nghĩ rằng: “Cổ nhân ngâm thơ có thể làm kinh động cả quỷ thần, thơ của tôi cũng có thể làm cảm động Vương hầu. Cái ích lợi của thơ hẳn là có, chẳng sai vậy”. Tôi đọc bài thơ *Ở nhà trọ gặp mưa cảm hoài*. Với đề tài này người bạn của tôi là quan Viên Hình cũng làm một bài. Tôi cũng đọc bài *Trông trăng tỏ nỗi lòng*. Hai người lại ngâm cho Quận hầu nghe, ai nấy đều nói lên cái chí của mình. Thơ có chứa chất cái điều gì ở trong, ắt hiện ra ở bên ngoài. Tôi nay như say như mơ, quân hầu há lại không nghĩ thương sao?



Kỳ khách xá ngô vũ cảm hoài thi vãn
 Cuồng phong sậu vũ hốt nhiên sinh
 Khách xá tiêu tiêu vạn lữ tình
 Viễn thụ hàm yên vân ngoại ám
 Bình hồ suy lãng thủy trung minh
 Qui sào mộ điệu phân quần khứ
 Hà xứ sơ chung báo hiệu minh
 Bất vị khô trà năng khước thụ
 Ứng tri thử dạ mộng nan thành.

Ở Nhà trọ gặp mưa cảm hoài
 Bỗng đâu gió táp lại mưa sa
 Trăm mối u tình kẻ trọ xa
 Mây cách hàng cây làn khói ám
 Nước rung đợt sóng mặt hồ đưa
 Chim chiều tìm tổ chia bầy tẽ
 Chuông sớm ngờ nơi báo sáng mà
 Trà đắng ai rằng không chợp mắt?
 Đêm nay mộng寐 dở dang a!



Kỳ đối nguyệt thư hoài thi vãn
 Nhận đặc Hương sơn nhất phiến nguyệt
 Như hà dạ dạ chiếu thân kinh
 Y lâu ca quản thiên hồi túy
 Cận thủy đình đài vạn sắc sinh

Đã giác thanh thiên diên thượng khúc
Ứng tri đạm bức lữ trung tình
Di chân đường thượng kim tiêu hội
Mạc cổ dao cầm tác oán thanh.

Trông trăng tả nỗi lòng
Hương sơn vẫn một mảnh trăng thanh
Tối tối thường soi khắp đế kinh
Cai quản tựa lâu say túy lúy
Đình đài gần nước ánh long lanh
Thanh cao khúc nhạc người trong tiệc
Lạnh nhạt tình ai buổi lữ hành
Nhà mát Di chân đêm tại đó
Đàn kia ai oán gảy sao đành

Quận hầu hỏi: “Di chân đường ở đâu vậy?”. Tôi đáp: “Đó là cái nhà giữa của tôi ở quê, cây cối um tùm, thật là mát mẻ và yên lặng. Mỗi khi có trăng trong thì họp con cháu lại, uống rượu mua vui”. Quận hầu cười mà rằng: “Người xưa nhớ đến rau rút cá mè[119], bỏ quan mà về; lão sư thanh dật lạc thú hơn cả câu chuyện rau rút cá mè nữa; sao mà chẳng khẩn khoản đòi về làng”. Lại nói tiếp: “Lão sư nên viết rõ hai bài thơ kia, rồi cho người nhà mang đến cho tôi, đợi dịp đệ trình”. Tôi cáo biệt trở về nhà trọ, vội mang bút giấy chép, xong cho người nhà đem những bài thơ đó đến nhà Quận hầu. ----

[115] **Huấn đạo**: một chức quan coi việc học trong một huyện hay một phủ.

[116] **Hà Hoa**: tên một phủ. Đời vua Lê Thánh Tông, phủ Hà Hoa thuộc tỉnh Nghệ An. Đời vua Minh Mạng, hai phủ Hà Hoa và Đức Thọ được đặt làm tỉnh Hà Tĩnh, cho lệ thuộc vào tỉnh Nghệ An, đặt chức An Tĩnh Tổng đốc cùng một Bố chánh, một An sát để cai trị.

[117] **Húy gia tiên**: giỗ tổ tiên trong nhà.

[118] **Quận chúa**: tiếng gọi con gái các vị có tước vương, thuộc dòng tôn thất.

[119] **Rau rút cá mè**: chữ Hán là thuần lư. Trương Hàn đời Tấn, đến mùa thu, nhớ canh rau rút và gọi cá mè ở quê mình, liền từ quan mà về.

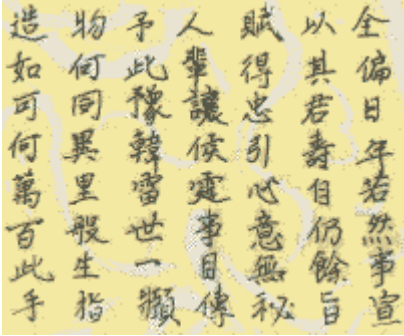
Thượng Kinh Ký Sự

Gặp Bạn Cũ

Hãy nói người vợ Quận hầu bị bệnh, cho tìm tôi vào chẩn bệnh, Tôi được biết bà mang thai con trai đã ba tháng, tôi cho uống vài ba thang thuốc, thế là yên. Sau này tất cả nhà quan Chính Đường đều đến cầu chữa thuốc, trong số này có quan trấn Quảng Yên vốn cùng tôi có tình nghĩa sâu đậm; bà mẹ và cả cô em ông ta mà bị đau bệnh gì thì tôi hết lòng điều trị, cả nhà đều được yên lành. Cả đến Tiền Ninh, Hậu Dũng, Nhuong Trung cũng qua lại, lấy làm hợp ý nhau lắm, được như vậy phần lớn nhờ việc thuốc men, đó là chuyện thường.

Một ngày kia tôi hỏi Quận hầu rằng: “Ngày nào thì tôi được trở về?”. Quận hầu đáp: “Sắp có cơ đó”. Tôi lại hỏi: “Trước kia tôi đã đệ trình hai bài thơ, không biết tôn ý có thương cho không?”. Quận hầu nói rằng: “Cha tôi đọc đi đọc lại mấy lần, khen ngợi mãi không thôi. Cha tôi bảo rằng ý ông một mực chẳng muốn lỗi ước với rừng núi vậy. Cái tình ấy chẳng nên cưỡng ép, để rồi ta liệu mưu đồ cho!”. Tôi nghe lời nói đó, chẳng khác chi được của báu, lòng vui mừng xiết kể. Tôi sai pha trà cùng Quận hầu đối ẩm. Bỗng thấy một người áo mũ hăn hoi, đứng ở cạnh tôi, dương mắt nhìn. Quận hầu cả cười lấy tay trở người nọ, lại lấy tay trở tôi, rồi lại lấy tay trở lên mồm. Người nọ lấy tay trở tôi, lại đưa tay sờ lên trán, rồi hai tay đập phành phạch như chim bay, hai tay nhún nhảy như ngựa chạy. Tôi sợ hãi mà rằng: “Sao người này chẳng khác gì kẻ si kẻ ngốc là có gì vậy?”.

Quận hầu nói rằng: “Hắn là người vừa điếc vừa câm, sấm vang chẳng nghe thấy, nửa tiếng cũng chẳng nói được, lại không biết chữ, không biết sao hắn lại có lệnh triệu mang đến đây”. Tôi nói: “Tay chân hắn đều vùng vẫy, là có gì?”. Quận hầu đáp: “Hắn vạch trên trán là nói nhà vua đó, trở tay vào miệng là có chỉ triệu đó, tay vẫy là lại, chân nhảy là đi đó”. Tôi nghe vậy thì cũng cả cười. Lúc đó có viên tri huyện cũ huyện Cẩm Giang cũng ngồi đó. Quận hầu bảo tôi làm một bài thơ, và bảo viên tri huyện cùng vịnh đề ghi lấy cái sự lạ lùng kể trên. Lúc đó lòng tôi hân hoan, không nghĩ ngợi tìm tòi gì. Thơ rằng:



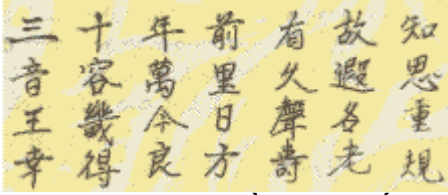
Tạo vật dữ nhân phú dĩ tuyên
 Như hà thử bồi đắc kỳ thiên
 Khả đồng Dự Nhượng trung quân nhật
 Hà dị Hàn hầu dẫn thọ niên
 Vạn lý lồi đình tâm tự nhược
 Bách ban thể sự ý nhưng nhiên
 Thử sinh nhất mục vô dư sự
 Thử chỉ hi truyền bí chỉ tuyên

*Tạo vật sinh người vốn vẹn tuyên
 Anh này tính khí có sao thiên[120]?
 Khắc chi Dự Nhượng[121] toàn trung tiết
 Cũng tựa Hàn hầu[122] chúc thọ niên
 Vạn dặm lồi đình chi đáng kể
 Trăm chiều thể sự cũng không sờn
 Mắt coi mọi việc không vương vấn
 Tay chỉ đầu nghiêng mỗi lệnh truyền!*

Viên tri huyện Cẩm Giang[123] đọc thơ, nói: “Tài thơ của lão sư mãn tiệp, người ta không theo kịp; tôi không dám múa rìu để múa cười”. Quận hầu cũng mặc nhiên đồng ý, hai người chỉ khen ngợi mà thôi. Lát sau có đưa tiểu đồng của tôi tới nói sẽ với tôi là có một ông đến chỗ tôi trọ, đầy tớ theo hầu hơn mười người, ông ta nói là có quan tri phủ chờ đợi đã lâu. Tôi xin cáo từ mà về. Mới gặp tường là người lạ, lâu lâu nhận ra là người cũ, kéo nhau vào nhà cùng ngồi. Chúng tôi kể lể với nhau cái tâm tình xa cách. Người đó nói là đã từ lâu bị bệnh, muốn xin thuốc thang cứu chữa. Tôi hỏi tường tận căn bệnh, hứa cho mấy tễ thuốc. Tôi nói rằng: “Bệnh tình còn rắc rối, hãy thử dùng vài ba tễ, sau xem sai giảm ra sao đã, rồi mới tìm phương bồi bổ”. Cười nói mãi tới lúc trời sắp tối, ông ấy mới ra về.

Nguyên ông ấy là người họ vợ tôi, tôi gọi bằng cậu, ở Hoài An, Nguyễn xã, giữ chức tri phủ Tiên Hưng[124]. Thường nhật chúng tôi kính yêu nhau lắm. Hôm sau, ông sai người nhà đến trao cho tôi một bài thơ ngắn và nói là thuốc tễ đã dùng hết; các chứng bệnh giảm bớt đến tám, chín phần, chỉ có ăn

uống là chưa được, và còn xin thêm thuốc dùng. Tôi chế cho thuốc cao và thuốc hoàn. Thơ như sau:



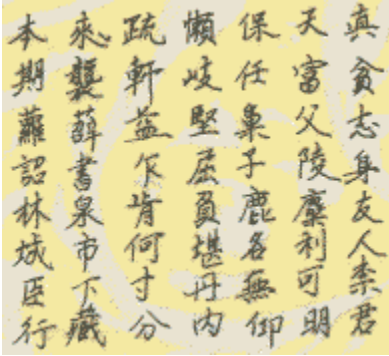
Tam thập niên tiền hữu cố tri
Âm dung vạn lý cứu hà tư
Vương kỳ kim nhật thanh danh trọng
Hạnh đắc lương phương thọ lão quy

*Ba mươi năm gần bó từ xưa
Vạn dặm âm dung những tưởng mơ
Danh tiếng kinh kỳ nay đã khắp
Lương phương[125] thọ lão để người nhờ*

Ngày kia có hai tên lính đến chỗ tôi ngụ, đứng ở nhà ngoài, hỏi những lính hầu của tôi rằng: “Nghe nói có thầy thuốc ở Nghệ An vâng chiếu đến kinh, không biết cư trú ở đâu?”. Tôi nghe hỏi vậy, gọi chúng lại hỏi: “Các người thuộc cánh quân nào? Hỏi thầy thuốc có việc gì?”. Chúng đáp: “Chúng tôi là Cẩm y vệ quân, vâng lệnh quan chúng tôi đi tìm thầy thuốc ấy, chưa rõ về mục đích gì, hoặc xin thuốc, hoặc muốn biết chỗ trú ngụ, bọn tôi quả thật chẳng hiểu gì hơn”. Tôi cười mà rằng: “Thầy thuốc ấy là tôi đây, chẳng biết vị quan ấy cho tin đã bao ngày rồi?”. Đáp: “Đã năm ngày rồi”. Tôi bảo: “Các ông hãy trở về báo tin là thầy thuốc ấy mời quan lớn lại đây ngay”. Chúng được tin tức rồi thì ra về.

Nguyên viên quan ấy cùng tôi lúc thiếu thời là bạn tâm giao. Tôi xa cách ông ta đã ba mươi năm mà chưa được gặp lại. Lúc tôi đến kinh đã sai người dò hỏi, nhưng vì ông ấy có công vụ ở nơi khác, nên chưa kịp báo cho biết tin về tôi. Bởi vậy khi ông ta trở về kinh, biết tôi cũng ở đây, mới cho tìm hỏi tôi khắp nơi. Lại nói chuyện bọn lính đi rồi, chẳng được bao lâu quả thấy viên quan ấy đến. Tôi ra cửa nghênh tiếp, cùng cầm tay dắt nhau vào nhà. Ông ấy hơn tôi một tuổi. Tuy đầu tóc đã một nửa bạc, răng đã rụng hết, nhưng thần khí còn tráng kiện. Trong lúc ngồi với nhau, chúng tôi kể nỗi hàn huyên[126], lúc vui lúc buồn, khỏi phải nói. Lại hỏi đến những việc cũ, thì vật đổi sao dời, mười phần đến tám, chín. Người xưa có nói: “Người anh hùng trong lúc ly biệt không rõ lẽ”. Còn như kẻ khuất người còn (thân bằng) thì biết làm sao được bây giờ? - Trông nhau cầm lệ, chỉ những buồn thảm. Tôi đem những bài đề vịnh trong lúc đi đường và những bài xướng họa của khách khứa bạn bè ra để phê bình cứu xét, cốt để giải muộn. Đêm ấy, viên

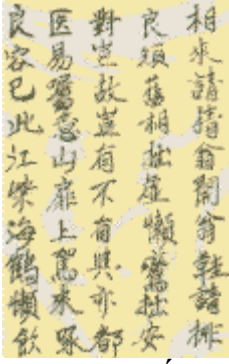
quan này nằm ngủ chung với tôi. Nửa vách đèn tàn và ba chén trà đặc, cùng nhau luận cổ đàm kim, gà gáy mới nhắm mắt. Trời vừa sáng, viên quan trở dậy và nói: “Quan quân của vệ tôi có lệ phải chực ở trong triều”, rồi từ biệt ra đi. Buổi tối, viên quan ấy cho đem những thực phẩm ngon đến biếu kèm theo một lá thư. Tôi mở ra coi thì thấy bài thơ họa nguyên vận bài thơ tôi soạn lúc về kinh:



Bản lai sơ lãn bảo thiên chân
 Kỳ tập Hiên Kỳ nhiệm phú bản
 La bệ ích kiên Sào Phủ chí
 Chiếu thư sạ khuất Tử Lăng thân
 Lâm tuyền khảng phụ lộc mi hữu
 Thành thị hà kham danh lợi nhân
 Thần hạ thốn đan vô khả nại
 Hành tàng phận nội ngưỡng minh quân

*Buông tuông từ trước giữ thiên chân
 Chỉ tập Hiên Kỳ mặc phú bản
 Hoa cỏ thêm bền Sào Phủ chí
 Chiếu thư bỗng ép Tử Lăng thân
 Hươu nai rừng núi vui giai hứng
 Danh lợi phồn hoa ngán thế nhân
 Tôi mọn tác son khôn dãi tỏ
 Hành tàng giữ phận cậy minh quân*

Từ đó hoặc viên quan ấy đến chỗ tôi ngụ, hoặc tôi đến dinh ông ấy, thêm việc người nhà đưa biếu thực phẩm, ngày ngày qua lại, khỏi phải nói. Một ngày kia, vào sáng sớm, quân lính huyện Cẩm Giang mang nhiều người đi theo đến chỗ tôi ngụ thưa rằng: Có quan Hiến sứ Kinh bắc (người Hoan Châu là ông Huy Khiêm[128]) nhân dịp trở lại kinh thành, nghe danh quý sư muốn đến yết kiến, sợ rằng quá nhiều nơi nhà trọ, trước hết giao cho kẻ hầu cùng tòng nhân đến đón chờ, có soạn một bài cổ thi. Bài ấy do viên quan gởi đệ trình như sau:

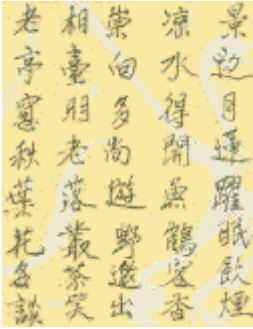


Lương y đôi lương tướng
 Dong dị khởi tu lai
 Di chúc cố cựu thỉnh
 Thử ý khởi tương sai
 Giang san hữu Chuyết ông
 Sài phi bất hư khai
 Hải thượng hữu Lãn ông
 Hạc giá dữ loan hải
 Lãn lai diệc Chuyết thỉnh
 Âm trắc đô an bài

*Lương y với lương tướng
 Chưa dễ đến cùng nhau
 Đã nhắc tình cố cựu
 Ai ngờ ý ấy đâu
 Non sông có ông Vụng
 Cửa đóng đã từ lâu
 Hải thượng ông Lười đó
 Giày loan xe hạc chờ
 Lười qua do Vụng thỉnh
 Âm trắc cũng nhiệm mầu*

Ông Cẩm Giang lại nói: “Vị quan ấy có lời thỉnh cầu, quý sư nghĩ tình đồng quận, đừng hẹp hòi gì và đến với ông ta”. Tôi đáp: “Đại quan vốn đồng quận, chỗ ở cũng chẳng xa; trước kia tôi vẫn mong được yết kiến, chỉ hiềm không duyên có. Nay đã được hạ cố, sao dám chẳng vâng mệnh!”. Tôi mới cùng ông Cẩm Giang lên đường. Khi đến cổng ngoài thấy vị quan ấy chấp đứng ở trước sân nghênh tiếp. Tôi thấy vậy hoảng hốt xuống cang, đến gần cúi mình chào rồi vào nhà. Vị quan ngồi ghế chủ, tôi cùng ông Cẩm Giang ngồi phía tả và phía hữu. Vị quan nói: “Tôi có cố tật, chữa thuốc khắp nơi mà không khỏi bệnh. Tuy cùng lão sư đồng quận, nghe danh lớn đã lâu, nhưng không duyên gặp gỡ. Ngờ đâu nay trời cho được dễ dàng gặp nhau.

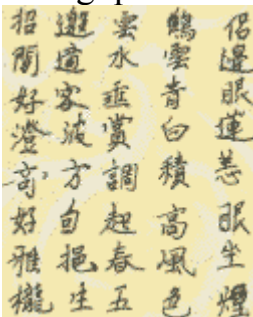
Há chẳng phải việc ẩm trắc đều có tiền định sao?”. - Tôi thưa: “Kẻ ốm yếu ngu dại nơi quê mùa, biết sơ sài cái thuật nhỏ mọn, sao đương nổi lời quá khen ấy”. Trong chốc lát, người nhà bếp dâng cơm, trẻ nhỏ bung nước, thật là xa hoa trang trọng. Uống trà xong, vị quan xin được coi bệnh. Tôi thấy sáu đường mạch như tơ, hai đường mạch ở hai tay tựa như không có, tôi giật mình thốt lên: “Tiếc thay! Ngài khó mà hưởng được tuổi thọ”. Tôi chỉ bằng mạch mà gọi bệnh, cũng may được phù hợp. Vị quan ấy than rằng: “Quả nhiên danh đồn không sai! Giận rằng gặp nhau thì đã muộn”. Rồi ông xin đơn thuốc. Tôi nói rằng: “Cho đơn thuốc phải suy nghĩ cặn kẽ mới được ổn đáng. Nay ngồi đây vội vã sao nên, xin đến sáng mai sẽ đệ trình”. Ông Cẩm Giang nói rằng: “Vì thế khi tôi đến xin đơn thuốc, lão sư chẩn bệnh, xem đi xét lại đôi ba lần mới cho thuốc; cẩn thận như thế sao mà chẳng linh nghiệm”. Sau đó một lát quan Cai đạo[129] Nam sơn là Đỗ hoàng giáp[130] đi đến. Mọi người đứng dậy chào, mời ngồi cùng chiếu. Ông hoàng giáp họ Đỗ hỏi quan Hiến sứ rằng: “Đây là ông nào?” - Quan Hiến sứ nói đùa rằng: “Người ở ẩn ở Hương sơn là ông này đó” – Ông họ Đỗ cười rằng: “Có phải Hải Thượng Lãn Ông chăng?” - Quan Hiến sứ đáp: “Chính phải đó”. Đỗ hoàng giáp nói rằng: “Tôi nghe đại danh đã lâu mà chưa từng gặp mặt, nay nhà tôi bỗng mắc bệnh hiểm nghèo, muốn sai người lại đón, chỉ e lão sư chẳng chiếu cố. Trong lúc phân vân may mắn được gặp gỡ, nay xin cho một bát thuốc để điều bổ”. Tôi đáp: “Kẻ làm thuốc phải lo tính mệnh người, bôn phận là phải chịu khó nhọc, không từ nan điều gì, dám biếng nhác buông tuồng được sao!”. Đỗ hoàng giáp mới kể bệnh từ đầu đến cuối. Tôi cho hai tễ thuốc thang và thuốc hoàn. Cẩm Giang công nói: “Cha tôi cũng khó ở đã lâu, vốn chẳng dám phiền nhiều nhau, nay nhân chỗ ở của tôi ở bên tả (tả biên), mời lão sư đến nhà, được như vậy, hân hạnh cho tôi chẳng ít”. Thế rồi mọi người từ biệt nhau, tôi đi đến nhà ông Cẩm Giang. Thân sinh ông này là quan Tả Bình Sĩ Đoan, lúc này đã về trí sĩ, mà còn lưu lại kinh thành. Khi đã chẩn mạch, cho đơn rồi, thì các công tử mời tôi đến nhà thủy tạ bên hồ, pha trà uống, cùng nhau nói chuyện. Đây là một cái hồ bằng phẳng, rộng ước chừng nghìn mẫu. Qua lại thủy điều giỡn làn sóng nhẹ; nhảy nhót du ngư tranh chiếc lá rơi. Giữa hồ sóng cỏ[131] trước gió dâng lên; bên hồ hoa sen thâm đậm vẫn nở. Trước hồ có đắp một con đê nhỏ hình bán nguyệt. Phía trong đê đều trồng sen trắng, cạnh đê những cỏ thụ rủ bóng mát, những hoa quý phô sắc xinh. Trước sân vài gốc mai già nghiêng mình trên ghé đá; ngoài song mấy khóm trúc xanh tỏa bóng bên án thư. Hạc nội đứng co ro một mình, ý chừng sợ khí trời lạnh lẽo; trăm hoa như đối thoại, mắt coi thấy sáng tươi. Nói chẳng hết được cái phong vị u nhàn[132]. Lúc đó mọi người đòi làm thơ. Tôi nói: “Các ông xướng trước, tôi xin họa sau”. Nhưng chẳng ai chịu mở đầu cả. Tôi mới cầm bút đề một tiểu luật[133] như sau:



Lão tướng sùng lương cảnh
 Đình đài hương thủy biên
 Song minh đa đặc nguyệt
 Thu lão thượng khai liên
 Diệp lạc du ngư được
 Hoa tùng dã hạc miên
 Danh trà yêu khác ẩm
 Đàm tiêu xuất hương yên

*Lão tướng ư u nhĩ
 Đình đài hương nước mây
 Song thừa trăng chiếu sáng
 Lá rụng cá vùng nhảy
 Hoa dày hạc ngủ say
 Cửa đóng đã từ lâu
 Trà ngon mời khách cạn
 Cười nói ngát hương bay*

Tôi đề xong, quan trí sĩ sai người mang thư đến cho ông xem xét. Ông nói rằng: “Thật thanh tân đáng yêu”, rồi ông bảo đem dán lên vách. Ông Cẩm Giang cũng có lời thơ họa, có lời kê rằng: “Tiên sinh tuổi trọng đức cao, có thủ đoạn Hiên Kỳ, có thi tài Lý Đỗ, với thái độ nhã đạm, tình tứ cao dật, lừng lừng thành cao sĩ. Văn nhân tài tử đều mong được cùng người giao du. Tặng tôi làm quan một ấp xa, được gặp tiên sinh sau hết, may được người rủ tình cho linh đan, còn tặng giai cú. Mỗi tình thân thiết cao dày, ân đức ấy không quên. Kính cẩn thuật lời tạp nhạp để nói thơ”.



Chiêu yêu vân hạc lữ[134]
Nhàn thích thủy vân biên
Hảo khách thù thanh nhãn[135]
Trùng ba thưởng bạch liên
Kỳ phương điều tích dạng
Hảo cú khởi cao miên
Nhã áp xuân phong tọa
Lung sinh ngũ sắc yên

*Mời mọc bạn vân hạc
Nhờn nhớ thú nước mây
Mắt xanh tình khách thỏa
Sen trắng nước trong đây
Thuốc lạ trừ tật dễ
Câu thần ngủ giấc say
Gió xuân ngồi cùng hưởng
Năm sắc khói tuôn bay*

Chiều đến tôi từ biệt trở về nhà trọ. Các công tử tiễn đưa ra khỏi cổng, trèo kéo đùa giỡn, ý chưa muốn chia tay.

[120] **Thiên**: thiên lệch, không đồng đều với kẻ khác.

[121] **Dự Nhượng**: người nước Tấn đời Chiến Quốc. Làm tể tướng. Sau Trí Bá bị Triệu Tương Tử diệt. Nhượng bỏ mình, lại nuốt than để thay đổi hình trạng, muốn giết Tương Tử, báo thù cho Trí Bá. Bị Tương Tử biết được, Dự Nhượng kêu rằng: “Tôi tôi đáng chết, chỉ xin ngài cái áo để cho tôi đâm, dầu chết cũng không hận gì”. Tương Tử bằng lòng, đưa áo cho Nhượng. Nhượng bặt kiếm, nhảy ba lần mà đâm vào áo, rồi tự đâm mình mà chết.

[122] **Hàn hầu**: không rõ nghĩa. Đời Hán Cao Tổ, có Hàn Tín được phong Hoài âm hầu. Đời Xuân Thu, vua nước Hàn cũng gọi là Hàn hầu.

[123] **Cầm Giang**: tên một huyện thuộc tỉnh Hải Dương.

[124] **Tiên Hưng**: tên một phủ thuộc tỉnh Hưng Yên, nay thuộc tỉnh Thái Bình.

[125] **Lương phương**: bài thuốc hay.

[126] **Hàn huyên**: Lạnh ấm. Nói hai người xa cách nhau, trong khi được gặp lại, trò chuyện với nhau.

[127] **Tử Lăng**: chỉ Nghiêm Quang ở Đông Hán, mặc áo tơi đi cày ở núi Phú Xuân, cũng là một cao sĩ.

[128] Túc Phạm Nguyễn Du, tự Hiếu Đức, hiệu Dưỡng Hiên, trước tên là Phạm Huy Khiêm, người làng Đăng Điền, huyện Châu Thúc, Nghệ An. Ông nổi tiếng văn tài lúc thiếu thời, được tiến dẫn vào triều trước khi đi thi. Ông đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1779), năm Cảnh Hưng thứ 40, khi ông 40 tuổi. Làm quan Học sĩ ở viện Hàn Lâm và chép quốc sử. Lúc Tây Sơn tràn tới Nghệ An, ông đang giữ chức Đốc đồng tỉnh ấy. Theo sách *Nghệ An Ký*, ông lánh sang huyện Thanh Chương, chiêu mộ hương binh để chống lại Tây Sơn; sức không địch nổi, phần uất mà chết. Ông có viết sách *Luận Ngữ Ngu An*, phú như Thạch Động Thi Văn Sao.

[129] **Cai đạo**: quan đứng đầu một trấn.

[130] **Đỗ hoàng giáp**: chưa rõ ông nghề họ Đỗ nào (hoàng giáp là tiến sĩ đệ nhị giáp, cũng gọi tiến sĩ xuất thân).

[131] **Sóng cỏ**: Sóng mang theo cỏ.

[132] **U nhân**: U nhả và an nhân.

[133] **Tiểu luật**: một bài thơ nhỏ, soạn theo Đường luật. Đây là một bài ngũ ngôn luật thi.

[134] **Vân hạc lữ**: bạn với mây hạc, do câu *Cô vân dã hạc*, có nghĩa mây đơn hạc nội, chỉ người lánh đời ở ẩn.

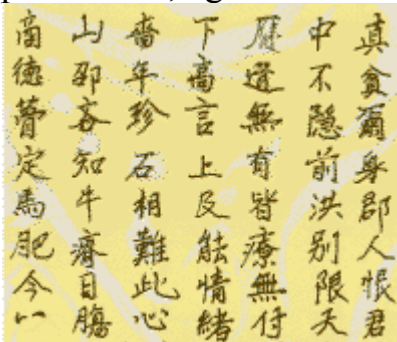
[135] **Thanh nhãn**: mắt xanh. Đời Tấn, Nguyễn Tịch tiếp khách, gặp ai vừa lòng mình thì mắt xanh, không vừa lòng mình thì mắt trắng.

Thượng Kinh Ký Sự

Tiểu Bạn

Một ngày kia, Hàm Xuyên Hầu đến chỗ tôi ngụ. Trong lúc cùng nhau trò chuyện, sắc mặt ông ta đổi khác, hai ba lần miệng muốn nói lại thôi. Tôi hoảng sợ nói rằng: “Quân hầu ngày ngày cùng tôi có thân mật, tình nghĩa trọn vẹn, có việc gì đều cho nhau biết, không giấu giếm gì. Hôm nay, Quân hầu ra chiều bối rối ngại ngùng, hoặc giả tôi có điều chi lỗi đạo mà chẳng nỡ nói ra chăng?”. Quân hầu đáp: “Đâu có lẽ ấy! Tôi may được giao du cùng lão sư, thường giữ lễ đệ tử, đạo nghĩa không sút mẻ. Chỉ vì nhà này là biệt thất của anh tôi, nhân có việc về quê anh tôi bỏ không cái dinh này, tôi mới mời lão sư ở tạm tại đó, cũng là tiện đường vào châu. Nay lão sư vạn phần không chắc được hồi hương, bất nhật ắt được ban cấp binh dân, chừng ấy sẽ xin đất lập dinh cho tiện. Trong hơn một tháng nay, tôi còn được ở nhà; mặt trước cạnh hồ có một miếng đất bỏ không có thể ở được. Thường tôi muốn xây một cái nhà riêng, mời lão sư đến yên nghỉ; bấy giờ mới tìm anh tôi trở về nhà cũ. Chẳng ngờ tôi vâng mệnh làm giáo khảo cuộc thi bắn giữa các

quân binh, công việc của tôi bề bộn, không lúc rảnh rang, cho nên chưa làm xong nhà. Hiện nay nhà ngoài chỗ tôi ở cũng khá rộng rãi, vậy xin lão sư đợi vài ba ngày nữa cái nhà bên hồ làm xong thì dọn đến ở. Bằng không, sang dinh quan An Quảng cũng được nhàn tĩnh. Chẳng biết ý tôn sư như thế nào? “-Tôi nghe vậy thì cười mà đáp: “Đại trượng phu cùng nhau gặp gỡ, sao lại câu nệ như thế. Việc này tôi sẽ lo xong, xin đừng bận tâm làm gì”. Ông ấy nghe nói vậy, dường như có vẻ vui mừng. Tôi thầm nghĩ: “Nhà ngoài của viên quan này, binh lính lai vãng tụ tập, không thể ở được. Còn dinh quan An Quảng, trong ngoài là nhà cửa cả đấy; nhưng dinh ấy bốn bề không tường vách, nơi ấy lại lắm trộm cướp, hẳn chẳng ở yên ổn. Mình mới được biết quan Hậu Trạch ở cạnh hồ, có vài ba ngôi nhà tiếp giáp với nhau, đất cao nước sạch, nên báo ngay cho ông ta chỉnh đốn riêng một sở, rồi dời ngụ đi mới được hẳn hoi”. - Tôi biên thư cho Hàm Xuyên Hầu để cáo biệt; nghe đâu “hầu” thấy vậy thì trong lòng áy náy, phúc đáp thư tôi, kèm thêm một bài thơ gởi đến. Thư viết như sau: “Đã từ lâu nghe đại danh như sét đánh bên tôi, cứ hận không được biết họ Hàn[136]. Tiên sinh ruổi xe vào cửa khuyết; tôi được trộm nghe lời giáo hối, tự biết là hân hạnh rất nhiều. Thường sớm tối muốn được thừa tiếp xuân phong[137], không phụ cuộc giải cấu vong niên[138] này. Ngày trước tôi có dành riêng cái nhà tranh ở đây làm nơi “phượng” đậu, được tiên sinh chẳng bỏ qua mà dành trọn cáo ơn thăm thiết ấy. Hiện tại anh tôi trở lại kinh, tôi chẳng biết nói làm sao. Tiên sinh muốn lo dời gót, bản tâm tôi đâu có muốn thế mà lòng còn canh cánh chẳng nỡ xa nhau. Nếu ở dinh quan An Quảng rộng rãi trống trải không tiện thì nên dời đến tề xá sảnh ngoài, cũng yên sở, chẳng cần phải đi xa xôi, qua bên kia cái hồ sen làm gì, khiến tôi băng khuâng như bị mất mát gì đây. Đó là tình thật, tiên sinh nên nghĩ lại một chút. Có hai điều, xin chọn lấy một là nên tạm trú, sớm muộn tôi sẽ xây riêng biệt một ngôi nhà, tuần nhật sẽ làm xong, tiên sinh sẽ nằm thanh thoi bên cửa sổ vậy. Nói chẳng hết lời, nên phải có thơ, ngõ hầu tả rõ cái chân tình mà thôi”. Thơ rằng:

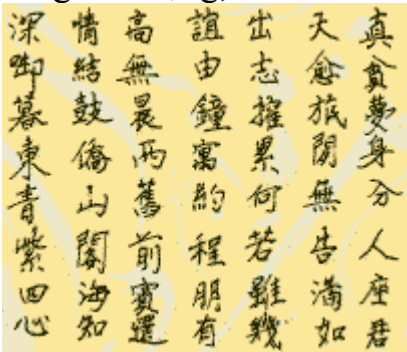


Thượng sơn[139] sắc hạ nhận trung chân
Đức thiệu niên tôn đạo bất bản
Cốt lạn chân ngôn vô ản nhĩ

Định tri thạch thượng hữu tiền thân
Mã ngư tương cập giai Hồng quân
Phỉ tích nan năng liệu biệt nhân
Kim nhật thử tình vô hạn hận
Nhất tràng tâm sự phó thiên quân

*Thương sơn kiệm bạc[140] giả mà chân
Đức lớn niên cao đạo chẳng bần
Lời trọng như vàng không ân ý
Duyên ghi trên đá nói tiền thân
Ngựa trâu thành bạn nguyên đồng quân[141]
Gây béo điều thang[142] khó kén nhân
Đeo hận ngày nay tình xiết kẻ
Nỗi lòng cam để gửi thiên quân*

Tôi coi rồi lấy làm cảm động, dường khó mà cáo biệt được.. Đây là việc bất đắc dĩ, chắc lòng ông ấy chẳng muốn thế. Tôi phúc thư nói rằng: “Lăn tôi bị vùi về kinh, nửa gánh hành trang, ở nhờ bên đông, tạm trú bên tây, may được tôn hầu thành tâm đối đãi. Đã hơn mười tuần nay tránh gió che mưa, Lăn tôi tưởng thế nào cũng có ngày việc sẽ gỡ ra xong, gươm đàn trở về núi; có nghĩ đâu vẫn bị ràng buộc ở đây thế này. Thế rồi tuy trong gang tấc mà lại cách biệt, khiến lòng tôn hầu băn khoăn biểu lộ ở lời thơ. Lăn tôi lòng càng xúc động, có bài thơ luật Đường kính đáp như sau:



Thâm tình cao nghị xuất thiên chân
Hàm kết vô do chí dữ bần
Mộ cổ thần chung suy lỗ mộng
Đông kiêu tây ngụ lụy nhàn thân
Thanh sơn cự ước hà vô phận
Tử các tiền trình khổ cáo thân
Tứ hải tân bằng tuy mãn tọa
Tâm tri hoàn hữu kỷ như quân

Tình này bạn ấy ngấm thiên chân

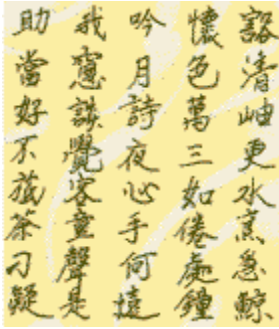
*Uất ức vì đâu để chí bần
Trống sớm chuông chiều nông nổi khách
Đông kiều[143] tây ngụ nước bèo thân
Non xanh cừu ước sao vô phận
Gác tía tiền trình để nãi nhân
Bốn bề bạn bè đầy dẫy đó
Mấy ai biết bụng được như quân*

Khi ấy sát vách chỗ tôi ngụ là dinh quan Trạch Ưu Hữu. Viên quan này thường đau bệnh lạnh bụng. Tôi cho thuốc, bệnh đỡ được phân nửa. Bà vợ ông mắc cố tật đã hơn mười năm, cũng xin chữa trị; sau hai tháng dùng thuốc thì bà hết đau. Hai ông bà nghe tôi muốn tìm chỗ trọ mới, hỏi lại Hàm Xuyên Hầu cho biết rõ, rồi chẳng bảo cho biết trước, đem ngay giường chiếu kê đặt chỉnh tề ở các nhà giữa, gồm ba gian, nhà này mái ngói vách vôi. Trước sân có cây lạ đá chồng, hoa nở thơm tho. Ngoài ba gian dùng làm nơi tiếp khách, có một gian dùng làm gian nhà bếp, quét dọn sạch sẽ, bốn bề chia ra trong ngoài, lại mở cửa trong cửa ngoài để tiện xuất nhập. Tất cả đều được xấp xếp ôn hòa xong xuôi, ông bà mới đến mời tôi lại ở. Tôi chẳng hiểu nguyên cớ gì, sợ có điều phiền nhiễu người, nên chỉ biết thăm tạ hậu tình, chẳng chịu dọn đến. Hai vợ chồng mời đi mời lại mãi, nói rằng: “Lão sư không xét lòng thành của chúng tôi, xin tạm sang coi qua một lượt”. Tôi đến nơi thì thấy trong ngoài phòng ốc đều được thiết lập chỉnh tề, nghĩ thầm rằng: “Vợ chồng người ta cư xử như thế mà mình cự tuyệt được chăng?”. Tôi bằng lòng di ngụ tới. Hàm Xuyên Hầu nghe biết vậy mừng lắm, ông vội đến gặp tôi.

Nguyên quan Trạch Ưu[144] là tổ thúc Hàm Xuyên Hầu, tiên triều có ban cho một khu quan thổ. Vì thế họ hàng được ở chung hai dinh tiếp giáp nhau. Quan Trạch Ưu còn cho mở một cửa nhỏ để Hàm Xuyên Hầu qua lại cho tiện. Tôi cùng hai ông ăn ở với nhau, sớm chiều tới muộn, tình ngày càng thăm thiết. Quan Trạch Ưu cũng cấm ngặt người nhà không cho lui tới chỗ tôi ở, đủ biết ông kính dãi tôi thế nào.

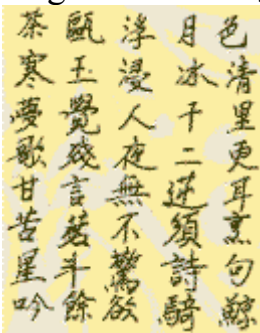
Từ lúc tôi đến ở nơi này thì lòng ưa ý thích. Một đêm kia trăng chiếu vào hiên, nhận thấy trúc thưa gió lọt, tiết trời êm dịu, hình bóng u nhã, móc động trên hoa, hương bay nhẹ nhẹ. Thật là đẹp dễ thú vị. Trà đồng pha trà, tôi ngồi tựa lan can uống một mình. Bỗng có ông Viên Hình là em rể tôi đến kể lể chút việc riêng. Tôi vui mừng xiết kể, cùng ông uống trà. Ông Viên Hình nói rằng: “Đêm đẹp thế này, trăng trong gió mát, thật không phụ ta, ta lại nữ phụ sao?”. Tôi đáp rằng: “Ông nói phải lắm, ông nên cùng tôi làm một bài thơ, lấy đề tài *Đêm trăng uống trà nói chuyện cũ* mà dùng các vần *canh, thanh, phan, kinh*”.

Tôi đọc trước rằng



Trà âu phù nguyệt sắc
 Hàn ngọc tằm băng thanh
 Mộng giác nhân thiên lý
 Ca tàn dạ nhị canh
 Cam ngôn vô nghịch nhĩ
 Khô minh bất tu phanh
 Tinh đầu kinh thi cú
 Ngâm dư dục ky kinh
Chén trà lòng bóng nguyệt
Sắc trắng tựa băng thanh
Mộng tỉnh người thiên lý
Ca tàn lúc nhị canh
Lời đường tai thích thú
Trà cạn áo phong phanh^[145]
Sao chuyển câu thần cảm
Ngâm xong muốn cười kinh

Ông Viên hình họa rằng

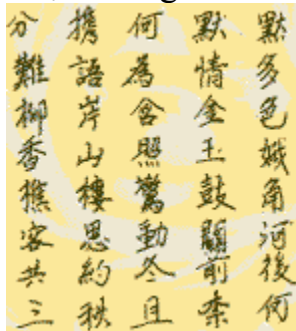


Trọ ngã ngâm hoài khoáng
 Dương song nguyệt sắc thanh
 Hảo đàm thi vạn trực
 Bất giác dạ tam canh
 Lữ khách tâm như hỏa
 Trà đồng thủ quyện phanh
 Điều thanh hà xứ cấp

Nghi thị viễn chung kình
 Ngâm xướng giục lòng khách
 Hộ song chiếu nguyệt thanh
 Mãi bàn thơ vạn cuốn
 Bồng đã đêm tam canh
 Kẻ trọ lòng lửa đốt
 Trà pha trẻ áo phanh
 Điểm canh đầu gối gấp
 Ngờ đó tiếng chuông kình

Ngâm xong, hai người đều lần lượt đọc những bài cổ thi, cùng nhau bình duyệt, canh khuya mời đi nằm. Ngày hôm sau ông Viên Hình có việc phải cáo biệt. Giữa lúc ấy Nộn Liễu Giám sinh nhân dịp về Hoan Châu, đến từ biệt tôi. Tôi nói: “Tôi cùng ông đều là khách Trường Yên. Ông thì đi Nam đi Bắc, còn tôi như chim trong lồng, không tự do mà đi hay ở được. Kẻ ở người về đều buồn bã cả, biết làm sao được”.

Tôi mới ngâm một bài thơ ngắn để tặng ông, kèm theo lời giải như sau: “Đồng loại thì tìm đến nhau, đồng đạo thì tin cậy lẫn nhau. Một ngày chẳng nom thấy nhau thì dài ghê. Huống nay đường trở về Hoan xe đi vạn dặm, Lăn tôi há không tưởng nhớ sao? - Từ nay tôi ở nhà trọ, gió sớm trăng đêm buồn bã. Sau ba chén trà biết cùng ai nói chuyện thơ. Còn như ông trên đường đi, mỗi khi gặp danh thắng, muốn xướng muốn ngâm để quên tôi được chăng? - Tình khôn xiết kể, có thơ để dài lòng”.

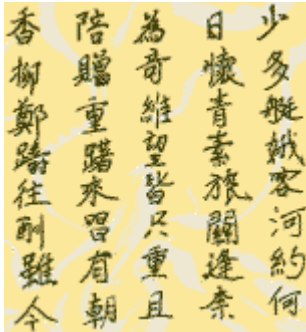


Phân huê hà mặc mặc
 Nan ngữ vị tình đa
 Liễu ngạn hàm kim sắc
 Hương sơn chiếu ngọc nga
 Tiều lâu kinh cổ giốc
 Khách tứ động quan hà
 Cộng ước đông tiền hậu
 Tam thu thả nại hà

Chia tay cùng lắng lặng

Khó nói bởi tình dài
Ngàn liễu màu vàng ánh
Non Hương bóng nguyệt soi
Lầu canh chuông mõ tối
Nồi khách tiền đưa ai
Cùng hẹn đông tiền hậu
Ba thu tưởng nhớ hoài

Ông Nộn Liễu đang khi ngồi tại đó, đòi lấy giấy bút để đáp lại. Có lời mở đầu rằng: “Cổ nhân nói một đêm chuyện trò còn hơn cả một bụng thơ. Hằng tôi được bái yết phong quang và ghi tác những lời đạo đức, nhất là thường được họa thơ thì lấy làm vui mừng lắm. Nay xin thuật lời quê mùa để phụng họa”.



Hương bồi vì nhật thiếu
Liễu tặng ký hoài đa
Trịnh trọng duy thanh đỉnh
Trù trừ vọng tổ nga
Vãng lai giai lữ khách
Thù xướng chỉ quan hà
Tuy hữu trùng phùng ước
Kim chiêu thả nại hà?

Hương bồi[146] ngày chữa mấy
Liễu tặng[147] ý nên dài
Trịnh trọng neo thuyền lại
Ngẩn ngơ ngó trăng soi
Vãng lai đều nối khách
Xướng họa cảm lòng ai
Gặp lại tuy giao ước
Buổi nay bịn rịn hoài

Ai nầy cầm bài thơ tặng mình xem đến ba, bốn lượt, mỗi tình vương vấn khôn xiết kể. Trong lúc cười nói, tuy nét mặt cố giữ vẻ bình thường, nhưng lời nói và dáng vẻ đều khó giấu nỗi thắc mắc buồn rầu. Uống xong vài ba

chén trà thì cùng nhau cáo biệt.

[136] **Nguyên văn:** Mỗi dĩ bất thức Hàn vi hận: lấy điều chẳng biết họ Hàn làm hận. Trong bức thư gửi Hàn Triều Tông, trưởng sử Kinh Châu, Lý Bạch có câu: *Sinh bất dụng vạn hộ hầu, dẫn nguyệt bất thức Hàn Kinh Châu* (Sống không cần làm vạn hộ hầu, chỉ mong một lần được biết Hàn Kinh Châu).

[137] **Xuân phong:** gió xuân. Nghĩa bóng: dáng dấp vui tươi, hòa nhã.

[138] **Giải cầu vong niên:** cuộc tình cò gặp gỡ mà không kể tuổi. Ý nói chơi bời kết bạn cùng nhau mà không kể là già hay trẻ.

[139] **Thương sơn:** tên núi ở tỉnh Thiểm Tây. Cuối đời nhà Tần, Từ Hạo ty nạn ở ẩn tại đó, hiệu là Thương Sơn Từ Hạo. Núi này rừng sâu vực thẳm, hình thế u thắng.

[140] **Kiểm bạc:** ít ỏi, nhỏ mọn. Ý nói tuy vui cảnh núi non đẹp đẽ, nhưng sống trong cảnh thanh bần.

[141] **Đồng quận:** Hầu này cùng tôi đều là người phủ Thượng Hồng (lời chú của tác giả Lãn Ông).

[142] **Điều thang:** biến chế, gia giảm các vị thuốc để pha lẫn thành thang.

[143] **Đông kiều:** ở nhờ nơi phía đông.

[144] **Trạch Ưu:** tên riêng chỉ thứ quân ưu binh được kén làm quan túc vệ canh giữ đèn vua, phủ chúa: thứ quân này lấy ở ba phủ đất Thanh Hóa và bốn phủ đất Nghệ An.

[145] **Khổ minh bất tu phan:** trà đắng chẳng nên nấu (phanh: nấu) - Trong quốc âm không gieo được vần phan để diễn dịch cho đúng nghĩa câu. Ở đây gieo đúng vần thì sai nghĩa.

[146] **Hương bồi:** bồi tiếp châu chực chồn thơm tho, ý nói được gần gũi người có đức thơm, có phẩm cách quý.

[147] **Liễu tặng:** bẻ cành liễu mà tặng nhau trước khi từ biệt. Nguyên ở phía đông thành Trường Yên có cái cầu tên gọi Bái kiều. Người Hán đưa tiễn khách ở cái cầu ấy thì bẻ cành dương liễu mà tặng nhau.

Thượng Kinh Ký Sự

Chữa Bệnh Tại Kinh Thành

Một ngày kia, có hai người mang nhiều binh lính đi theo, đến hỏi tôi. Một người là trợ giáo ở Quốc Từ Giám, một người là quan tri phủ cũ huyện Tiên Hưng. Hai ông nói rằng: “Thừa lệnh quan Tham tụng Tả bình, chúng tôi đến

mời quý sư”. Tôi đón vào, mọi người cùng ngồi. Hai ông nói: “Quan lớn chúng tôi mắc trọng bệnh, đã hơn tháng nay dùng thuốc khắp nơi mà không khõe. Nay bệnh nguy kịch lắm, xin quý sư niệm tình niên hữu (viên quan này cùng với quan Trần Lạng Sơn có tình bạn cùng thi đỗ một năm) chẳng tiếc gì mà đến một phen”. Tôi đáp: “Đại quan cùng với anh tôi có tình nghĩa đồng khoa[148], tôi đâu dám biếng nhác”. Tôi mặc áo lên cẳng ra đi, đến nhà ngoài thì quan Tham nghị Hải Dương bước ra đón vào nhà trong cùng ngồi, kê cho nguồn gốc bệnh. Giấy lát xong, ông mời tôi vào phòng coi bệnh. Người ốm nằm trên võng, được nâng dậy đặt xuống giường, đợi chẩn bệnh. Tôi thấy mạch bên tả ba bộ thật yếu ớt, mạch bên hữu như không còn, nhưng ba bộ còn vượng. Chỉ biết đề nhẹ xuống thì mạch tản mát, đề hơn nữa thì không còn thấy gì. Đến sát gần người ốm thì thấy khí nóng bốc ra, sờ vào người thì thấy âm ẩm, chân lạnh, hơi ợ ra. Hỏi thì đáp rằng như ngồi trong đám khói dày đặc, mắt cay lắm, phải nhắm lại; trong ngực nghe nóng lắm và ợ hơi ra; đại tiện táo kết, tiểu tiện đỏ và rít, không nuốt đồ ăn được. Bệnh nhân nói rằng: “Tôi với bác có tình nghĩa niên gia[149]. Mệnh này chỉ còn trong sớm tối”. Tôi từ tạ nói rằng: “Đây cũng là bệnh thường, quyết không có gì phải lo, xin yên tâm đừng lo nghĩ. Trong tuần nhật[150] bệnh sẽ thuyên giảm”. Ông ta nghe nói vậy thì mừng lắm. Tôi kiêu từ xin ra ngoài. Quan Tham nghị hỏi nhỏ tôi chứng bệnh ra sao. Tôi nói: “Cái chân âm ở bên trong đã kiệt, dương không tựa vào đâu mà muốn thoát thế đến nơi rồi”. Tôi hỏi trước kia chữa bệnh ra sao. Quan Tham nghị đem quyển ký bạ cho tôi coi. Tôi xem xét thấy các vị thuốc đều là thanh hỏa hóa đàm, trừ thấp. Viên quan ấy tuổi cao, hầu thiếp đầy rẫy trước mặt, người già thì chân âm đã hao, lại luyện ái sắc đẹp để cái tinh khí sút giảm, cho nên âm phải kiệt. Thuốc chữa đã không biết bồi bổ, trái lại còn làm tiêu bại đi, chẳng nguy sao được. Tôi nghĩ mạch còn hòa hoãn, thể là cái vị khí chưa tuyệt, nhưng con bệnh đã bị thuốc làm tổn hại, chứ riêng bệnh cũng không đến nỗi thế. Tôi cố gắng sức thì mới nên việc được. Tôi nói rằng: “Cơ nguy đã đến, chưa dám đoan chắc, xin bốc một thang, khó dễ sẽ phân định ngay. Tôi có điều tâm sự không biết đại quan có ưng cho không, sau đó mới dám bốc thuốc”. Vị hầu ấy đáp rằng: “Lão sư có việc bảo cho biết, lẽ nào chẳng nghe theo”. Tôi nói: “Tôi vì già yếu không thể vào châu, nhiều lần làm tờ khải xin kiêu từ mới được tại ngoại mà phụng thị[151] thuốc thang. Những quý quan các nhà có việc tìm đến thì tôi lấy cớ già yếu mà chối từ. Còn quan lớn đây thì có tình nghĩa niên nghị với anh tôi, tôi chẳng dám trái lời. Chỉ vì Thánh Thượng không ngày nào là không sai quan đến vấn an ngài, nếu như có hỏi về việc dùng thuốc, xin nói trá ra người khác mà giấu danh tính cho”. Quan Tham nghị vào nhà trong cáo trình. Đại quan sai ông trợ giáo đến trả lời rằng: “Chỉ mong lão sư hết lòng điều trị, tôi đã điều đình, bắt tất e ngại”. Tôi mới chế

một tang thuốc tư âm[152] thật lớn, dùng thực địa, ban long, tất cả đến vài ba lạng, bảo đun lửa to rồi đem dùng. Tôi từ biệt về nhà.

Ngày hôm sau, trời còn thật sớm đã thấy ông trợ giáo, mặt mày hớn hờ, nói rằng: “Thật là thần dược! Uống một nước thuốc thì mát như đã uống hai ba nước, các chứng bệnh mười phần đã giảm đi ba bốn, cả nhà đều hết sức mừng rỡ. Quan tôi sai tôi đến xin thuốc”. Tôi cứ đơn thuốc nọ thêm nhân sâm mà chế thang bội lên. Ngày hôm sau lại cho mời tôi đến. Tôi bắt mạch, hỏi bệnh nhân thì mười phần đỡ đau bảy, tám. Trong lúc ăn uống viên quan ấy cung phụng không thiếu thứ gì, tận tình xiết kể. Ông cầm tay nói rằng: “Giận rằng tôi vô duyên, bị bọn thầy thuốc bắt tài làm cho khốn đốn, suýt nữa toi mạng. Giận rằng bác Lạng Sơn từng đến vãn an tôi, lại không cho biết lại có bác ở đây”. Tôi nói: “Xin đại quan đừng trách, anh em với nhau càng khó nói”. Viên quan nói rằng: “Cất nhắc cha hiền, con không hiềm nghi, hưởng hồ là anh em”. Tôi nói: “Chỉ vì tị hiềm mà thôi”. Mọi người đều cả cười. Tôi xin phép ra ngoài biên đơn thuốc. Tôi thấy hư hỏa còn mạnh, nên tiếp tục dùng thang thuốc bổ hỏa, dẫn hỏa và thuốc vị khí. Viên quan đưa tặng vật thật nhiều. Tôi từ tạ rồi ra về. Từ ngày đó, vật thực thời nghi[153] đưa đến làm quà tặng luôn luôn, chẳng cần nói đến.

Mới được hơn một tuần, bệnh lại tái phát, lại vội vã cho người đến mời tôi. Tôi nghe vậy chẳng đoán được việc gì mới dò hỏi. Người đến mời nói rằng: “Đích thị là ngộ phòng[154]”. Tôi đến bảo vị quan rằng: “Phàm bệnh nặng dai dẳng thì khí huyết hư nhược, bất cần một chút thì bệnh khó mà chữa được; đại quan thân trọng vạn kim, xin nên vạn lự[155]”. - Vị quan ấy đáp rằng: “Từ nay một lòng nghe theo lời dạy, chẳng dám cưỡng lại”. - Tôi lại nghiên cứu cho thuốc điều bổ rồi cáo lui. Tôi trở lại nhà thì có một người bảo tôi rằng: “Ông quan ấy, cụ dẫu có gắng sức điều trị cũng chẳng được. Nếu bệnh có chữa được tạm yên thì trong thời gian bốn, năm ngày tất có vài ba bận âm cứu[156]. Ai cũng nói như vậy”. Tôi cho là vị quan ấy cầm quyền bính trong tay thì những việc ân oán hẳn là có, nhưng không hay biết là những lầm lỗi đã thành thói quen vậy, nên tôi chỉ mỉm cười thôi. Rồi nửa tháng sau, bệnh tái phát như trước, cho người đến mời tôi. Tôi hỏi chuyện kỹ lưỡng thì được trả lời vì ăn cơm nếp mà ra vậy. Ông trợ giáo nói riêng với tôi rằng: “Vị tất lại ăn cơm nếp mà bệnh tái phát, nếu có như vậy đã chẳng vội vã cầu đến lão sư làm gì, chỉ vì nghe nói bên đông có thầy thuốc thần diệu là thử dùng một lần, hoặc nghe nói đằng tây có thầy thuốc giỏi lại dùng một thang, trong một ngày một đêm đã thay đổi đến bốn, năm thầy, ý chừng bị ngộ thuốc, xin lão sư đề tâm điều trị”. Được vài ba ngày, bệnh tuy thuyên giảm một vài phần, lại thấy đi ỉa chảy. Sợ rằng không cầm giữ được, tôi vội cho thuốc vị khí mới yên, rồi lại biến ra chứng táo bón, tôi lại dùng thang tư âm để cho thông hoạt, tạm được hòa dịu. Tôi ra về. Năm, sáu ngày qua đi

mà không thấy người đến hỏi thuốc. Tôi hỏi chuyện thì người ở cạnh tôi nói rằng: “Vâng chịu ngự y lo việc chữa bệnh đã vài ba ngày rồi mà không công hiệu, nay mời chư y họp lại để cùng chạy chữa”. Tôi nghĩ đi nghĩ lại, than rằng: “Vị quan này đem thân ra thử thuốc; thầy thuốc lập dị tranh công, tính mạng hắn chẳng còn nữa! Có điều bất cần là việc của con người lại cho là mệnh trời không cải được ư?” - Ngày hôm sau ông trợ giáo đến tìm tôi, tôi thấy con quan Tham nghị cũng đến mời nữa và còn tạ lỗi. Nghe các ông ấy tìm mọi lẽ kêu nài thảm thiết, tôi nghĩ thầm: “Nếu ngày hôm nay bệnh bớt, ngày mai sẽ lại thay tay khác. Vả lại vị khí đã bại, cái thể thực khó mà duy trì được”. Tôi không chịu đi nữa. Họ khẩn cầu, tôi mới chế cho một thang cửu dương[157]. Vài ba ngày sau, quả nghe nói vị quan kia đau không trở dậy được. Tôi than thở không thôi. Nhân tập cổ thi làm thành một bài đoản luật để ghi lại sự việc



Vô dược khả y khanh tướng mệnh
Hữu tâm ưng đối quỷ thần tri
Thế gian duy hữu phương danh tại
Phú quý phù vân bản tự khi

Khanh tướng[158] thôi đành không thuốc chữa

Lòng này thực có quỷ thần hay

Thế gian chỉ có danh thơm quý

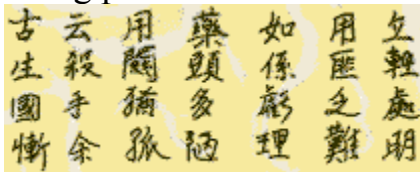
Phú quý mây bay giả dối thay

Lại như quan án trấn Thái Nguyên (tên Hầu Tạo Tịnh) bị bệnh ung nhọt, không ngồi dậy được. Máu đã kiệt, chẳng làm mủ nữa, mà thầy thuốc còn cố trừ khử. Cái thoát thể đã sẵn sàng. Tôi cho uống thuốc bổ thật mạnh, tinh huyết bấy giờ mới hồi sinh. Lại trước đây, bụng thì lạnh, ngực cách bị đầy nghẹt, đầu nóng như lửa bốc, mắt đỏ, tai ù, gân cốt run rẩy. Hỏi ra thì vì sợ nóng bốc lên, nên chẳng dám dùng quế phụ. Tôi đem thuốc thủy hỏa kèm thêm các thứ liễm nạp mà cho uống. Sau vài ba năm ốm đau dai dẳng, chỉ một tháng chữa trị là thành công.

Lại còn em vợ quan Trung Hãn cũng bị đau, toàn thân giá lạnh, sợ gió, chân bị tê liệt, tai điếc, thêm cái bệnh táo bón, cứ hay uống nước. Hỏi ra thì sợ ngực trướng, một ly thực địa chẳng dám dùng. Tôi cho dùng bát vị gia giảm thêm mấy vị bổ âm cho lá lách, vài ba tháng sau là chữa khỏi cái cố tật từng mang mười năm kia.

Rồi lại bà vợ quan huyện Cẩm Giang đau chứng hỏa hư, mỗi lần phát bệnh

thì ngực tức, mặt đỏ, nước dãi trào ra, đàm xuyên, chân lạnh, tai ù, hơi ngắn như muốn đứt, nói không ra tiếng, như thế trong một ngày hay nửa ngày mới tỉnh. Thầy thuốc cho là bệnh thấp đàm hoặc phong hỏa, chữa trị đã hai năm rồi mà bệnh càng tăng. Tôi dùng bát vị cho thêm thuốc giáng hỏa mà chữa, chỉ hết bốn, năm tễ là yên. Còn nhiều trường hợp khác nữa, chẳng kể xiết. Hỏi tôi ở trong núi cứ tưởng rằng ở đây có các danh y, học thuật giỏi giang, tinh diệu nhập thần[159]. Tôi thường than là mình vô duyên nên không được cùng nhau gặp gỡ. Khi đến kinh thì thấy thầy thuốc trị bệnh không nói là phong hỏa thì cũng bảo là bệnh thấp đàm. Nếu cho là bệnh hư mà chịu dùng thuốc bổ thì chỉ phô diễn khí huyết[160] mà thôi. Còn như chân thủy, chân hỏa là cái gốc để giữ cái mệnh, cái cốt yếu để cầu sống thì tuyệt nhiên không một chút nào coi làm trọng. Sao cái nghề thuốc lại khó đến như vậy! Nhớ xưa Tiên Chính có nói: “Người nước ta học nghề y mà không tinh là vì mắc phải hai cái bệnh: một là người trong đám nho học đọc sách thuốc từ đầu đến cuối, một lượt là xong, tuyệt nhiên không nghi ngờ nghĩa sách, tự cho là không có gì khó, đến khi dùng thuốc thì lại hấp tấp bất cần; hai là văn lý tự hoạch[161] chỉ mới được nửa thôi, nếu có tập nghề thuốc thì cũng không khỏi tưởng tượng mơ hồ, nghi hoặc, như thể kẻ kéo cây cung, sức chẳng đủ thì cho là cung cứng”. Thật là lời nói đích đáng vậy. Than ôi! Kẻ bất túc là kẻ có bệnh sẵn, kẻ có dư cũng là kẻ có bệnh. Há chẳng phải là khó ru? - Nhân đây tôi ngâm mấy câu rằng:



*Cổ vân dụng dược như dụng binh
Sinh sát quan đầu hệ mi khinh
Quốc thủ do đa khuy phạp xư
Tàm dư cô lậu lý nan minh*

*Từ xưa dùng thuốc tựa dùng binh
Sinh sát ai người dám rẻ khinh
Đầu sở nghệ y còn yếu kém
Quê mùa ta thẹn lý chưa minh*

[148] **Đồng khoa**: cùng thi đỗ một khoa, một năm.

[149] **Niên gia**: Trong thời đại khoa cử, hai người cùng thi đỗ một năm thì gọi là niên gia.

[150] **Tuần nhật**: thời gian mười ngày.

- [151] **Phụng thị:** vâng mệnh mà hầu hạ.
- [152] **Tư âm:** vun nhuận khí âm.
- [153] **Vật thực thời nghi:** những thực phẩm thời nào thức ấy.
- [154] **Ngộ phòng:** thứ bệnh do sự giao cấu mà sinh ra, cũng nói là phạm phòng.
- [155] **Vạn lự:** lo lắng vạn điều, ý nói phải lo gìn giữ mọi điều.
- [156] **Âm cứu:** cái lỗi về việc gần đàn bà (âm là giống cái, cứu là tội lỗi).
- [157] **Cửu dương:** bổ cứu chân dương.
- [158] **Khanh tướng:** nói chung về các quan có chức vụ cao cả trong triều. Quan khanh giúp vua trong các việc lớn, quana tướng chủ trương việc chính trị trong nước, tì dụ tể tướng, tướng quốc, tướng công.
- [159] **Tinh diệu nhập thần:** cái tinh vi màu nhiệm đã thấu đáo đến cùng, như đã nhập vào thần trí mình.
- [160] **Phô diễn khí huyết:** ý nói chỉ bỏ khí huyết để bày tỏ cái hiệu nghiệm của thuốc bổ mà không biết điều gì khác.
- [161] **Văn lý tự hoạch:** ý nghĩa câu văn và các nét của mỗi chữ sách.
- [162] **Tạo sĩ:** người đỗ khoa thi võ.
- [163] **Nghĩa diet:** cháu nuôi đối với chú.
- [164] **Duy Tiên:** một huyện thuộc tỉnh Hà Nam.
- [165] **Ngoại tộc:** họ mẹ.
- [166] **Hoãn cấp:** thư thả và vội vã.
- [167] **Văn Quốc Sư:** Thời loạn Kiêu Bình có Quốc sư Nguyễn Hoãn. Ông quán làng Lan Khê, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá. Đỗ tiến sĩ khoa Quý Hợi (1743); làm Thái phó, tước Viên quận công. Ông có trông coi việc làm quốc sử.
- [168] **Trần Vũ:** Tên đền thờ đức thánh Huyền Vũ, ở phía bắc thành Thăng Long và trông ra Tây Hồ.
- [169] **Biện chứng:** biện luận và phân tích chứng bệnh.
- [170] **Kiệu hữu:** quân Kiệu thuộc cánh hữu. Kiệu và Nhưong là tên hai cơ binh trong hàng ngũ Kiêu binh, tức là quân Tam phủ.
- [171] **Quan thuyền:** thuyền thuộc công quyền.
- [172] **Tiến hồi:** đưa trở về.
- [173] **Điện các:** đền thờ thánh có nhà lầu.
- [174] **Chùa Trần Quốc:** nguyên chùa tên gọi Trần Bắc, thuộc phường Yên Phụ, huyện Vĩnh Thuận, được dựng lên từ đời Trần. Đến đời Hậu Lê, niên hiệu Vĩnh Tộ (1628) đời Lê Thần Tông, chùa được tu sửa lại, đổi tên là Trần Quốc. Năm 1639, chúa Trịnh Tráng trùng tu lại chùa và đổi tên lại là Trần Bắc.
- [175] **Ly cung:** tên một cái cung của của nhà vua.
- [176] **An Quảng:** vùng đất Quảng Yên, thuộc miền trung du Bắc Phần.

- [177] **Làng cũ**: làng Liêu Xá, tỉnh Hải Dương, quê cũ của Lãn Ông.
- [178] **Bát Tràng**: tên làng thuộc tỉnh Bắc Ninh, gần Hà Nội.
- [179] **Lao dật**: mệt mỏi và nhàn hạ. Ý nói đem quân nhàn hạ đánh quân mệt mỏi, theo câu chữ Hán thường nói là *dĩ dật đãi lao*.
- [180] **Hồng Châu**: tên đất thuộc tỉnh Hải Dương.
- [181] **Kim Đồi**: địa danh.
- [182] **Hàm Giang**: tên trấn thuộc tỉnh Hải Dương, quê quận công Đinh Văn Tả và cháu xa đời của ông là Đinh Nhạ Hành.
- [183] **Hưng Hóa**: một khu vực thuộc tỉnh Phú Thọ, ở hữu ngạn Đà Giang. Năm 1930, Nguyễn Khắc Nhu tục gọi Sử Nhu, đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, đánh Pháp ở đồn Hưng Hóa, tức là nơi đây.
- [184] **Tri ngộ**: biết mình mà hậu đãi mình.

Thượng Kinh Ký Sự

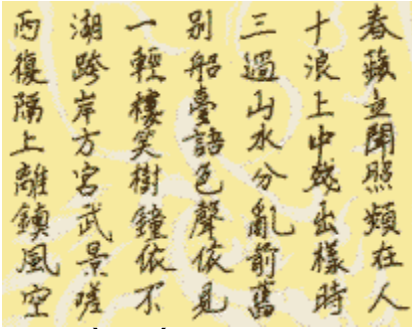
Viếng Chùa Trấn Quốc

Một ngày kia, trời sắp tối, thấy tân khoa Vũ tạo sĩ[162] (người Hà Hoàng, họ Vũ) đến chỗ tôi ngụ. Nguyên phụ thân ông ta là Hiến Phó cùng đến kinh với tôi. Vũ tạo sĩ thường lui tới với tính cách nghĩa hiệp[163]. Tôi hỏi rằng: “Quý hầu đến có việc gì lúc trời tối này?” - Đáp rằng: “Quốc sư Tào quận công bị bệnh kiết lỵ, sai đến mời”. Tôi toan hỏi chuyện ông ta thì lại thấy bà vợ quan phủ Duy Tiên[164] cũ là người cô hương, và cũng là người ngoại tộc[165] của tôi đến đón tôi đi. Bà nói: “Phu nhân quốc sư thượng thư họ Nguyễn bị bệnh đã lâu, sai tôi đến mời”. Tôi cười bảo hai người rằng: “Ngôi có tôn ti mà lẽ có cấp bậc. Các quan đều là đại thần trong nước hiện nay, một lúc cùng cho vời tôi, chẳng biết phải đến nơi nào trước, nơi nào sau, xin quý hầu, quý bà xử định”. Tôi cùng hai người ấy luận bàn thì hai người ai cũng vì tình chủ nhân mà kêu nài. Tôi nói: “Không phải thế! Người thầy thuốc lấy điều hoãn cấp[166] làm trước sau. Nay thấy Tào quận công bệnh thể trầm trọng, lẽ tất nhiên là việc cấp. Phu nhân Văn quốc sư bị đau liên miên đã lâu, có cơ hoãn. Tôi xin ngày mai trước hết đến với Tào quận công, ngày hôm sau sẽ đến thăm Văn quốc sư[167]”. Tôi bảo bà vợ tri phủ rằng: “Quý bà nên về bẩm lại như vậy, chẳng phải tôi dám lơ là biếng nhác”. Bà ta nói: “Nếu vậy thì ngày kế tiếp sẽ sai người đến đón”. Bà cáo biệt, đi khỏi. Tôi nói với ông Tạo sĩ rằng: “Dinh quan Quốc sư cách đây rất xa, ban ngày nóng bức, lúc gà gáy sáng nên dậy khởi hành”. Đêm hôm ấy tôi dặn năm tên người nhà đến đón. Vừa nói xong đã thấy năm người lính khỏe mạnh đeo quân phù đi đêm đến đợi. Tôi lên thuyền đến Trấn Vũ[168] thì noi theo bờ trái Tây Hồ mà đi, gần đến ngọ thì tới nơi. Kẻ hầu vào bẩm, rồi mời tôi vào phòng ngủ. Tôi bắt mạch, biết Quốc sư bị đau vì ăn phải đồ lạnh. Tôi mới biện chứng[169] và viết đơn thuốc. Quốc sư coi xong than rằng: “Lão sư nói lên bệnh tình thật là may may không sai, đơn thuốc rất thích đáng (vì quan này cũng học tập nghề thuốc)”. Nhân đây ông khen quan Điện quận có trí sáng suốt biết người, thật chẳng phụ cái công tiên cử vậy, khen tôi thông hiểu y lý, một sớm được cứu trùng biết đến, cũng chẳng phụ cái công học tập của mình. Tôi chẳng dám nhận là đúng. Ông sai con là quan Kiệu hữu[170] mời tôi vào nhà riêng hậu đãi và bằng lòng để tôi ra về. Lúc tôi xin vào chào biệt thì ông cho chúc miễn. Em ruột quan Quốc sư là Bàn Quận công lại đón mời tôi hỏi thăm bệnh tình người ốm. Tôi nói: “Mạch không có vị khí, cái thể không còn xa nữa”. Ông nghe nói vậy thì chỉ thở dài.



Chùa Tràn Quốc

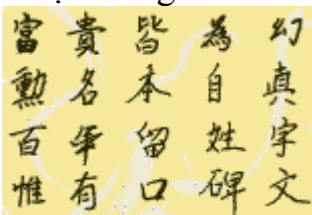
Hãy nói khi tôi đến nơi này thì thấy ở cửa đình mấy chiếc quan thuyền[171] buộc ở góc Tây Hồ. Tôi mới nói với Bàn Quận công rằng: “Ngày hôm nay nắng lắm, nếu theo đường bộ trở về thì rất mệt nhọc, xin cho một chiếc quan thuyền để dùng cho tiện”. Ông ra lệnh cho sáu người thủy thủ sẵn sàng chèo thuyền để tiễn hồi[172]. Tôi được lệnh ra khỏi đình lên thuyền mà về. Một lúc sau thuyền đến giữa hồ, lướt qua mặt một hòn núi đá. Màu trời sắc nước long lanh trên mặt hồ, có đám le đàn bay nhảy nơi góc bên. Cạnh đê tại mấy nơi Ly cung, thụ sắc âm u hoặc ẩn hoặc hiện; trong vùng là một dãy lâu đài, hoa cỏ tốt tươi phô lục khoe hồng. Gác chuông chùa nọ, tiếng vang như giục mặt trời lặn; thuyền đánh cá kia, câu hát dường tiễn bóng chiều tà. Tôi ở trong thuyền, khoái ý khôn xiết kể, bỗng thấy ở đằng xa một nơi điện các[173] nguy nga, từng bách rợp đất; chèo thuyền thẳng tới mới biết đó là chùa Tràn Quốc[174]. Tôi sai chèo vào. Tôi bước lên bờ, ngồi trên ghé đá một mình, cạnh một cỏ thụ. Tôi đưa mắt coi đây đó một cách nhàn nhã, bỗng thấy thồn thức trong lòng, hai hàng giọt lệ từ từ tuôn rơi. Bọn người nhà tôi kinh ngạc hỏi duyên cớ. Tôi nói: “Thuở thiếu thời tại Kinh, tôi cùng với mấy người bạn kết làm thi xã, có ước với nhau là cứ về mùa xuân và mùa thu thì cùng đến Hồ Tây tìm thú vui. Mỗi khi đến lại chuẩn bị rượu uống và đồ nhắm, thuê ba, bốn chiếc thuyền đánh cá ra giữa hồ mà du ngoạn, tiếng sáo tiếng ca vang dội tứ phía. Đêm khuya anh em vào chùa Tràn Vũ ngủ lại, có khi năm ba ngày mới ra về. Đau lòng thay! Khách và bạn nay chẳng còn thấy ai nữa, cho nên ngày hôm nay thấy cảnh động lòng. Như về phía tây mấy gốc cây già, bên nước hồ một dải rừng trúc, trước mặt là nước hồ, sau lưng là gác chuông, tất cả còn như xưa. Nay trông thấy vật lại tưởng nhớ người; nếu ruột gan là sắt đá cũng phải mềm đi vậy”. Tôi gạt nước mắt, xuống thuyền về nhà. Nhưng trong dạ trăm mối u sầu vương vấn, không tự cảm được, tôi mới ngâm một bài thơ để tả nỗi lòng:



Tây hồ nhất biệt tam thập xuân
 Phục khóa khinh chu quá lãng tần
 Cách ngạn lâu đài sơn thượng lập
 Thượng phương tiểu ngũ thủy trung văn
 Ly cung thụ sắc phân tàn chiếu
 Trấn vũ chung thanh loạn xuất thân
 Phong cảnh y y tiền dạng tại
 Không ta bất kiến cự thời nhân

*Ba mươi năm cách biệt Hồ Tây
 Cười sóng dề thuyền trở lại đây
 Bờ nọ lâu đài trên núi dựng
 Người đâu cười nói dưới hồ này
 Chuông rền Trấn Vũ vang lùm cỏ
 Bóng ngả Ly cung[175] hắt sắc cây
 Phong cảnh vẫn là phong cảnh cũ
 Người xưa nào thấy buổi hôm nay*

Khi đi đến quán Trấn Vũ thì lên bộ mà về. Sáng sớm hôm sau, thấy người của Văn Quốc sư đến mời đi. Tôi bảo người ấy đi trước, rồi bước theo sau. Tôi đến nơi kia, thấy cái dinh xưa của cha tôi và chú tôi thì tâm tình buồn bã, xuống cáng ngó trông. Hồ núi như xưa, nhưng cỏ hoa thuở trước nay đã thuộc về người khác. Tôi mới ngâm câu tứ tuyệt hoài cổ như sau:



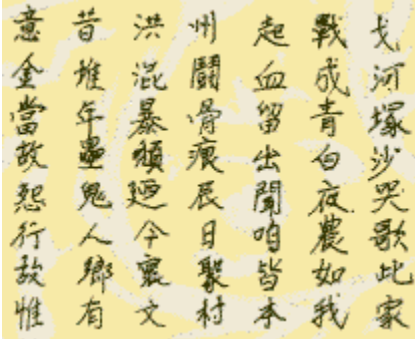
Phú quý giai vi ảo
 Huân danh bản tự chân
 Bách niên lưu tính tự
 Duy hữu khẩu bi văn

*Phú quý đều là ảo
Công danh mới thực chân
Trăm năm lưu tính tự
Miệng thế để bia văn*

Lại đi một cung đường nữa thì đến dinh quan Quốc sư. Người đi hầu vào bẩm. Người con quan Quốc sư là quan Thiêm bình bước ra nghênh tiếp, đưa tôi vào tư thất, rồi lại mời tôi vào phòng phu nhân nằm để bắt mạch. Coi bệnh xong, tôi đi ra ngoài, thăm quan Quốc sư. Tôi biện luận về gốc bệnh, trình lên ngài xét, nhất nhất đều được như ý ngài. Tôi được quà tặng rất hậu hĩ trước khi ra về.

Một ngày kia, quan trấn An Quảng[176] đến chỗ tôi ngụ, mời tôi về làng thăm bệnh cho mẹ. Nguyên vị quan này cùng tôi có tình nghĩa đậm đà với nhau. Ông có cô bệnh, chẳng thể tới Kinh, đã nhiều lần mời đón tôi. Nhân vì vợ người cháu tôi ở Kinh bị bệnh hộ sản nguy kịch, tôi phải dốc lực chữa trị, tôi đã thừa thực cả với ông, cái đó chẳng nói làm gì. Đến đây bệnh tạm bớt, tôi mới giao cho người học trò của tôi coi sóc thuốc thang, rồi báo cho tôi biết bệnh tình. Vị quan biết được như vậy thì mừng rỡ vì trông cậy được vào tôi, ông vội đến trú sở của tôi để mời tôi. Tôi nói: “Đã đành rằng đi thì đi, nhưng còn có việc khác nữa, không biết có đi được không?”. Ông ta kinh ngạc, hỏi có việc gì. Tôi đáp: “Tôi đến kinh thành đã năm tháng nay, đường về làng cũ[177] cũng chỉ mất nửa ngày thôi mà không được đi, huống chi lần này vừa đi vừa về cũng phải mất đến bốn, năm ngày!”. Ông ta nói là sẽ đến dinh quan Chính Đường, nói thác là có việc gấp, khẩn khoản xin thương tình, xem có được không. Rồi ông ta cáo biệt mà ra đi. Một hồi lâu, tôi thấy ông quay trở lại, sắc mặt vui mừng, bảo với tôi rằng: “Việc xong rồi, đại quan có hứa sẽ vắng phản trong bốn ngày”. Vì thế tôi vội vã thu xếp hành trang. Tôi đã khiến người em họ đem lính bản dinh đi theo, chờ tại ngoài cửa. Tôi lại sai gia nhân và học trò giữ nhà. Tôi cáo biệt vị quan này ra đi, qua đò sông Nhị Hà. Khi đến bến sông Bát Tràng[178] thì trời tối đen, rất khó đi. Tôi thấy binh lính mệt nhọc, mới đi ngủ. Sớm hôm sau lại khởi hành, vào khoảng giờ Ngọ thì đến Nha Thôn. Tôi trông ra xa, bỗng nghĩ xứ này coi sao như quen thuộc. Tôi cho bọn hành nhân nghỉ ngơi, rồi chống gậy đi du lãm quanh bốn phía, thấy trong thôn dân có cái chòi xanh giống như xưa. Trước chòi là khoảnh đất cao, nơi đây xưa có đại quân đóng đồn. Đi qua cái núi đá cao, chỗ cái cầu nhỏ bắc qua khe thì có một con đường tiếp giáp một bên cầu mà tẽ ngang. Đó là dấu vết đổ nát của một cái lũy thuở trước. Tôi lại còn hỏi các bộ lão thì đều nói như thế. Nguyên thuở xưa, giặc Bắc cuồng bạo, người bạn thân của tôi phụng mệnh đi đồn đốc việc binh, đóng quân tại đó. Đêm đến giặc kéo đến bỗng vậy. Giặc thì đông đảo quá mà quân ta vừa ít, vừa yếu. Nhưng giặc từ xa đến, thế chưa ổn định. Vả lại cái thế lao dật[179]

đã rõ, phải đánh gấp; nếu chậm trễ thì tình hình bên nhiều bên ít phơi bày ra, quân mình ắt rối loạn mà không địch nổi. Bên ta mới chia quân noi bốn đường thừa lúc đêm tối xung kích. Hai quân hỗn chiến, đều tử thương rất nhiều. Nhớ nơi xưa đây chỉ là đồng ruộng mà nay thì chùa miếu xây cất huy hoàng. Trong làng, gà gáy chó cắn, bốn bề nông phu ca hát. Sao mà phục hồi chóng vậy! Lại nhớ xưa quê hương tôi đã trải hơn hai mươi năm binh lửa, vật tán nhân ly, thế mà ngày nay trù mật hơn xưa. Than ôi! Chỉ có một mình tôi đây là lòng phấp phỏng không vui, khôn tự cầm giữ, mới ngâm một bài thơ tả khúc nhồi rằng:



Ức tích Hồng Châu khởi chiến qua
Kim Đồi hỗn đấu huyết thành hà
Đương niên bộc cốt lưu thanh chủng
Cô lũy đồi ngồn xuất bạch sa
Oán quỷ nãi thời văn dạ khóc
Hành nhân kim nhật thánh nông ca
Cố hương hoàn tụ giai như thử
Duy hữu Văn thôn bản ngã gia

Nhớ xưa binh lửa ngất Hồng Châu[180]

Dòng nước Kim Đồi[181] máu một màu

Thuở trước xương tàn mồ đã lấm

Bây giờ lũy cũ cát vùi sâu

Đêm nghe quỷ khóc ai cùng oán

Ngày lắng nông ca chậm lại mau

Đoàn tụ cố hương như thế đó

Văn thôn nhà cũ dựng từ lâu

Ngày hôm ấy đi gấp, canh tư đến dinh quan trấn Hàm Giang[182]. Tôi ngừng ở ven bên ngoài nghỉ ngơi. Ngày hôm sau tôi vào dinh coi bệnh. Vì giao tình sâu đậm, nên khi cáo biệt (Phu nhân là vợ quan trấn Hưng Hóa). Phu nhân khước từ chẳng nhận, còn muốn giữ tôi ở lại. Tôi nói: “Chuyến đi này có hạn ngày, chẳng dám lưu lại”. Phu nhân hậu tặng tôi. Tôi từ biệt ra đi. Xảy gặp em họ quan trấn Hưng Hóa[183]. Ông này trước kia với tôi giao

tình thân thiết, dắt tôi về nhà, một mực không cho ra đi. Tôi ngủ lại một đêm, cùng nhau kể lễ tình xưa, đến sáng hôm sau tôi từ giã mà về kinh. Tôi bảo bọn người đi theo rằng: “Trước đây tôi phải đi gấp là sợ có lệnh triệu, ngày nay trên đường về, tôi cho phép nghỉ ngơi”. Họ được lệnh rất vui mừng, thung thả mà tiến bước. Phải mất hơn hai ngày mới trở về nhà trọ. Quan An Quảng nghe biết sự việc. Tôi nói: “Tôn phu nhân mạch hòa bình, điều trị chẳng khó, quân hầu chẳng nên lo sợ điều gì”. Ông ta mừng rỡ khôn xiết, nói rằng: “Cả nhà tôi trông cậy bác. Mẹ tôi sớm được yên lành thì đâu có ngàn vàng đền đáp cũng chưa xứng. Tôi sẽ cố gắng báo cái ơn tri ngộ[184] này”. Hai người cười nói một lúc rồi cùng nhau cáo biệt (khi này quan trấn An Quảng có việc công về kinh đã mấy tháng rồi, nay mới về trấn).

[162] **Tạo sĩ**: người đỗ khoa thi võ.

[163] **Nghĩa diệt**: cháu nuôi đối với chú.

[164] **Duy Tiên**: một huyện thuộc tỉnh Hà Nam.

[165] **Ngoại tộc**: họ mẹ.

[166] **Hoãn cấp**: thư thả và vội vã.

[167] **Văn Quốc Sư**: Thời loạn Kiêu Bình có Quốc sư Nguyễn Hoãn. Ông quán làng Lan Khê, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá. Đỗ tiến sĩ khoa Quý Hợi (1743); làm Thái phó, tước Viên quận công. Ông có trông coi việc làm quốc sử.

[168] **Trần Vũ**: Tên đền thờ đức thánh Huyền Vũ, ở phía bắc thành Thăng Long và trông ra Tây Hồ.

[169] **Biện chứng**: biện luận và phân tích chứng bệnh.

[170] **Kiệu hũu**: quân Kiệu thuộc cánh hũu. Kiệu và Nhuong là tên hai cơ binh trong hàng ngũ Kiêu binh, tức là quân Tam phủ.

[171] **Quan thuyền**: thuyền thuộc công quyền.

[172] **Tiền hồi**: đưa trở về.

[173] **Điện các**: đền thờ thánh có nhà lầu.

[174] **Chùa Trần Quốc**: nguyên chùa tên gọi Trần Bắc, thuộc phường Yên Phụ, huyện Vĩnh Thuận, được dựng lên từ đời Trần. Đến đời Hậu Lê, niên hiệu Vĩnh Tộ (1628) đời Lê Thần Tông, chùa được tu sửa lại, đổi tên là Trần Quốc. Năm 1639, chúa Trịnh Tráng trùng tu lại chùa và đổi tên lại là Trần Bắc.

[175] **Ly cung**: tên một cái cung của của nhà vua.

[176] **An Quảng**: vùng đất Quảng Yên, thuộc miền trung du Bắc Phần.

[177] **Làng cũ**: làng Liêu Xá, tỉnh Hải Dương, quê cũ của Lãn Ông.

[178] **Bát Tràng**: tên làng thuộc tỉnh Bắc Ninh, gần Hà Nội.

[179] **Lao dật**: mệt mỏi và nhàn hạ. Ý nói đem quân nhàn hạ đánh quân mệt mỏi, theo câu chữ Hán thường nói là *dĩ dật đãi lao*.

[180] **Hồng Châu**: tên đất thuộc tỉnh Hải Dương.

[181] **Kim Đồi**: địa danh.

[182] **Hàm Giang**: tên trấn thuộc tỉnh Hải Dương, quê quán công Đình Văn Tả và cháu xa đời của ông là Đình Nhạ Hành.

[183] **Hưng Hóa**: một khu vực thuộc tỉnh Phú Thọ, ở hữu ngạn Đà Giang. Năm 1930, Nguyễn Khắc Nhu tục gọi Sử Nhu, đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, đánh Pháp ở đồn Hưng Hóa, tức là nơi đây.

[184] **Tri ngộ**: biết mình mà hậu đãi mình.

Thượng Kinh Ký Sự

Tái Ngộ Cổ Nhân

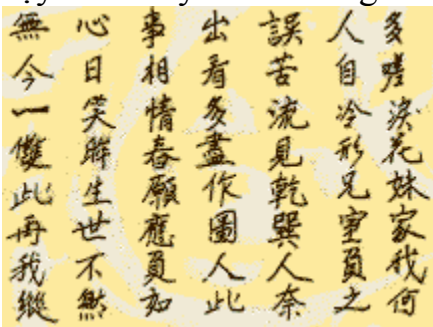
Một ngày kia, hai lão ni[185] đến chỗ tôi ngụ nói rằng: “Chùa Huê Cầu[186] đúc chuông lớn, công quả[187] chưa thành, chúng tôi đến đây khuyến hóa[188]”. Một ni nói: “Tôi trú trì ở chùa núi An Tử[189]”. Một ni kia nói: “Tôi là con gái của quan tả thừa ty tỉnh Sơn Nam[190], quê ở Huê Cầu”. Tôi nghe nói giật mình như tỉnh giấc mơ, mời họ vào nhà ngoài, hỏi nhỏ một tiểu cô trong bọn tòng hành, mới biết đích đây là “tiểu nhân[191]” của tôi vậy. Tôi nghĩ thầm: “Người này mà không biết mình mà lại đây, thật là một việc lạ. Mình nên nói tính danh ra để xem để xem ý tứ nào khắc hiểu rõ”.

Tôi nói: “Tôi là người xã Liêu Xá, lánh nạn di cư đến Hoan Châu, ở Hương Sơn là quê mẹ, chẳng dè phải triệu về kinh. Nhà trọ tiêu điều, tuy có hăng tâm nhưng biết làm sao được”. Khi ấy chỉ thấy ni cô chùa Huê Cầu, mặt đỏ bừng, vẻ thẹn thùng, bảo ni cô chùa An Tử rằng: “Chúng ta nên đi đi thôi!”. Tôi lưu họ lại không được, mới mang ra một số hương tiền để cúng nhà chùa. Tôi hỏi: “Hai lão ni trọ tại nơi nào?”. Họ đáp rằng: “Chưa có nơi nào”, rồi từ biệt đi khỏi.

Tôi vội gọi một tên người nhà linh lợi bảo đi sau họ, lại dặn không được để họ biết. Khi đến chỗ trú ngụ của họ thì hỏi dò xem họ đến đây từ bao lâu rồi, còn lưu trú bao nhiêu ngày nữa. Tên người nhà được lệnh ra đi, ước hơn hai giờ sau thì trở về. Y nói: “Hai ni cô trú tại chùa Liên Tông, mới đến đây được vài ba ngày, còn ở kinh nhiều ngày nữa để khuyến hóa”. Ngày hôm sau, tôi gọi học trò tôi tên Tài đến mà bảo rằng: “Ta có một việc khá đặc biệt, nhờ anh vì ta hết lòng lo liệu”. Anh ta nói: “Nếu đệ tử phải khó nhọc thì cũng là phận sự của mình, đâu dám chối từ”. Tôi nói: “Thuở nhỏ ta cầu thân với con gái quan Tham Chính Thừa Ty Sơn Nam xưa ở xã Huê Cầu, đã nạp đủ lễ vấn danh[192] và lễ nạp thái[193]. Vì việc bị cản trở, ta mới phải từ hôn, hồi cư Hương Sơn. Mãi sáu bảy năm sau ta về kinh, nghe nói vị quan ấy đã từ trần. Còn người đàn bà làm ta chú ý hôm nay, ta có dò hỏi, người ta nói rằng người đó rất kỳ quái. Nghe nói năm xưa có một công tử đến cầu thân và đã nạp trọn sáu hôn lễ mà việc cũng không xong. Người con gái nói rằng: - Đã có người hỏi mình làm vợ thì mình đã có chồng rồi, chẳng qua vô phận mà chồng bỏ, nay còn mặt mũi nào mà lấy chồng khác -. Cô ta thề chung thân ở vậy thôi. Tôi nghe vậy thì tâm thần kinh loạn, than rằng: - Vì ta đã bất cẩn trong vụ này, có thủy mà không có chung, khiến cho người mang hận mà ta có tội là người bạc bẽo -. Ta bối rối không biết là m cách nào để

gỡ cái mối ấy ra, mới vội vã đến xã Huê Cầu để tìm hiểu sự việc. Người làng, như trên đã nói, trong số mười người thì bảy, tám người nói là ngày phụ thân cô ta tạ thế, người anh ép gả bà cho một sinh đồ[194] trong làng để lấy tiền lo việc tang. Bà ta không thuận. Có kẻ nói rằng nhà quan khi đã sa sút, kẻ cao sang không tìm đến, kẻ thấp hèn không dám cầu xin, vì thế ở góa cho đến giờ. Ta nghe nói lòng cũng tạm yên, rồi trở về Hoan Châu. Đến nay ta gặp lại người ấy, thấy cảnh cô khổ[195] như vậy, chẳng kể hữu tình hay vô tình, việc há chẳng có mầm mối ở ta sao? Cái kẻ sách ngày nay là bảo dưỡng[196] người ấy đến hết đời mới có thể chuộc cái lỗi trước. Ta còn ở kinh đợi lệnh sai bảo thì việc chu cấp không khó gì, thẳng hoặc trở về núi thì giúp đỡ sao được, vì đường xá cách trở. Nếu bà ta thuận về nơi vắng vẻ; ở đó anh ta đã sáng tạo một cái chùa nhỏ, có thể cung cấp đèn nhang, mùa đông cũng như mùa hè, lạnh ấm đều sẽ do ta lo liệu, một là để báo đáp cái cao tiết[197] của bà ta, một nữa là để chuộc cái lỗi của ta. Cần hỏi kỹ để biết cái tình tiết ngày trước, rồi trình bày dự định của mình một lượt để xem bà ấy có ưng thuận không, để rồi ta trù liệu công việc”.

Tôi sai mua một ít thời vật[198] đem tặng làm tin. Người được giao phó công việc, y lời ra đi, đến chiều tôi mới về. Y nói: “Tôi đến chùa Liên Tông, thừa lúc vắng vẻ mà nói chuyện. Bà ấy có cầm giọt lệ, đáp rằng:- Quan nhân có hậu tình, còn tôi chẳng gặp chồng, cái thân cô khổ cũng là do số mệnh vậy, có dám oán trách ai, một đời sống tàn sao đáng tiếc. Có điều làm cho suy nghĩ là nhìn quanh không người thân thích, phần mộ tiên nhân không người cúng tế quét tước, há chỉ lo thân mình mà đến quên người độ sinh hay sao? Ông hãy trở về trả lời với quan nhân là tôi tuy chưa được nhờ ơn đức quan nhân, mà nay được biết tấm lòng tốt này cũng đủ an ủi cảnh linh lạc vậy”. Tôi lấy làm thương tình, mới dãi lòng trong một bài thơ như sau:



Vô tâm sự xuất ngộ nhân đa
Kim nhật tương khan khổ tự ta
Nhất tiểu tình đa lưu lãnh lệ
Song mầu xuân tận kiến hình hoa
Thử sinh nguyện tác can huynh muội
Tái thế ưng đồ tồn thất gia

Ngã bắt phụ nhân nhân phụ ngã
Túng nhiên như thử nại chi hà?

*Việc đã hại người chẳng tính ra
Nhìn nhau buổi ấy xót lòng ta
Một cười tình bạn mà rơi lệ
Hai mắt xuân tàn mới ngó hoa
Cuộc sống anh em lo giữ nghĩa
Kiếp sau ao ước sống chung nhà
Ta không phụ bạc dù ai phụ
Nào biết làm sai nỗi ấy a?*

Từ đó thói thường qua lại hỏi thăm nhau. Bà ấy nói là ở Nghệ An có nhiều gỗ đóng quan tài, bà xin mua cho bà một cỗ. Tôi sai người đi kiếm, nhưng chưa được. Ngày tôi được thả cho về, tôi trao cho người lo việc ấy năm quan tiền cổ để tìm mua bán mà tặng bà ta. Đó là thuộc về việc sau, không nói đến.

[185] **Lão ni**: người đàn bà đi tu đạo Phật, tuổi đã già.

[186] **Huê Cầu**: tên làng thuộc huyện Văn Giang, Bắc Ninh.

[187] **Công quả**: hiệu quả của một việc đã thành.

[188] **quyên tiền**

[189] **An Tử Sơn**: tên quả núi ở huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương. Tục truyền rằng An Kỳ Sơn xưa tu ở đây, nên gọi là An Tử. An Kỳ Sinh là một vị tiên, người đời Chiến Quốc bên Tàu.

[190] **Sơn Nam**: vùng tỉnh Nam Định.

[191] **Tiểu nhân**: tiếng dùng riêng để chỉ người đàn bà mà đối với mình đã có quan hệ về tình cảm.

[192] **Vấn danh**: một lễ trong việc hôn nhân, hai bên trao đổi cho nhau tờ biên tên trai gái.

[193] **Nạp thái**: lễ đưa đồ dẫn cưới.

[194] **Sinh đồ**: người thi đỗ khoa thi hương xưa, nhưng vào bậc dưới.

[195] **Cô khổ**: cô đơn và khổ hạnh.

[196] **Bảo dưỡng**: giữ gìn và nuôi nấng.

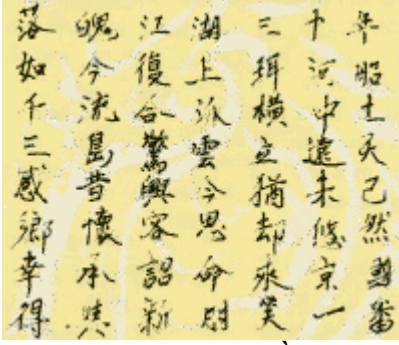
[197] **Cao tiết**: cái khí tiết cao quý.

[198] **Thời vật**: phẩm vật trong mùa.

Thượng Kinh Ký Sự

Thăm Làng Cũ

Một ngày kia, anh tôi cùng với những người trong họ ở kinh thành bàn định muốn cải táng[199] phần một tổ, định ngày và báo cho biết. Tôi đến dinh quan Chính Đường xin phép về quê. Vị quan này cho rằng tôi xin cáo biệt là muốn về Hoan Châu chẳng, cho nên mấy lần đến mà vẫn chẳng cho vào giáp mặt. Tôi chán nản chẳng biết làm cách nào. Quận hầu bảo tôi rằng: “Phải vào trong phủ mà yết kiến”. Tôi vào phủ, đến trú sở Hậu Mã ngồi đợi. Nửa ngày trôi qua mới thấy quan Chính Đường ở trong cung cấm đi ra. Tôi đem việc ra nói; lúc mới đầu ông không ưng thuận. Tôi nói rằng: “Tôi bỏ nhà ra đi, xa phần mộ đã hai mươi năm nay, nghèo túng không về thăm được. Ngày nay vâng chiếu chỉ, may được về kinh đã quá nửa năm mà vẫn chưa trở về thăm lấy một lần. Cái tình làm con như vậy, chịu đựng làm sao được. Xin đại nhân thương cho”. Lúc đó lời nói và sắc mặt của tôi đều tỏ ra cương quyết. Quan Chính Đường nói rằng: “Hiện nay về thuốc thang cần luôn luôn có cổ vấn. Nếu có lệnh triệu thì sao?”. Tôi nói: “Từ nhà tôi tới kinh, đường đi hết nửa ngày. Thẳng hoặc có việc khẩn cấp thì đi về bất quá một ngày có khó gì”. Ông nói rằng: “Ông nên làm tờ khai xin một hạn dài để hồi hương, nói rõ việc cải táng, xin nghỉ mười lăm ngày, sau sẽ trở lại kinh, trông coi việc thuốc thang”. Tôi xin một tháng; ông nói rằng: “Nếu cần lo liệu xếp đặt việc nhà, thăm hỏi cổ cụ thì bấy nhiêu cũng đủ rồi”. Tôi lại nài xin thêm, ông bằng lòng tăng thêm năm ngày nữa. Tôi biết là cái thế chẳng cưỡng lại được, mới làm tờ khai đệ nạp, cảm ơn mà cáo biệt, quay về nhà trọ, mừng khôn xiết. Tôi thu xếp hành trang, mượn vài ba người đi theo, cắt năm người lính Tiền Dũng giữ nhà. Ngày mùng mười tháng chín, nhân đêm trăng lên đường sớm. Khi đến cửa Ông Mạc[200] thì cửa thành chưa mở, quân giữ cửa thấy có phù hiệu hành quân mới mở cửa cho đi qua. Tôi tới đò Thanh Trì[201], trời mới bình minh. Tôi lên đường qua sông. Lúc này ở trong thuyền, lòng tôi lâng lâng nhẹ. Tôi ngâm một bài thơ để tả khúc nhôi rằng:



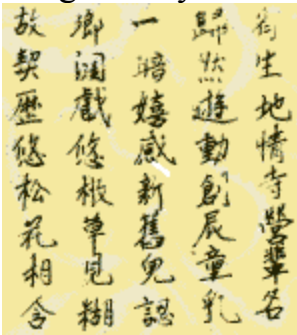
Lạc phách giang hồ tam thập niên
 Như kim phục thương Nhị hà thuyền
 Thiên lưu hợp phái hoành trung thổ
 Tam đảo kinh vân lập viễn thiên
 Cảm tích hưng kim do vị dĩ
 Hương hoài khách tứ khước du nhiên
 Hạnh thừa chiếu mệnh lai kinh quốc
 Đắc dữ thân bằng tiểu nhất phiên

*Ba chục năm lưu lạc đất người
 Lại qua sông Nhị một thuyền bơi
 Nghìn dòng hợp nước dâng trong cõi
 Tam đảo[202] gần mây đứng giữa trời
 Cảm cũ hưng nay dường chẳng vội
 Tình quê nổi khách luống khôn nguôi
 Dịp may vâng chiếu vào kinh ấy
 Được gặp thân bằng thỏa nói cười!*

Đến bên sông Bát Tràng, bỏ thuyền lên bộ mà đi. Hai bên đường hương thôn trù thịnh, thần đình phật tự đều lập ngói, điểm rượu phòng trà nối liền nhau. Mỗi lần đi được hơn một dặm đường thì tôi dừng chân nghỉ ngơi. Người hầu mang gậy trúc đi theo. Tôi vui ngắm phong cảnh, mỗi bước chân lại thấy cây liễu, cây bưởi. Khi sắp tới nhà ở Liêu Xá, thì noi theo cái cầu ngói (trước thôn có cầu ngói bắc qua sông) mà đi vào dinh cũ của cha tôi xưa để nghỉ ngơi. Lúc này người anh làm quan trấn Lạng Sơn đã có dinh riêng biệt trong làng. Bà chị dâu trưởng, tức vợ quan Thống Nhất[203] xưa, ở đó trông coi việc thờ phụng tổ tiên, tuổi đã ngoài bảy mươi, tóc bạc như tơ, mà tinh thần còn sáng kiện. Bà thấy tôi thì vừa đau khổ, vừa mừng rỡ, cầm nước mắt mà cất tiếng nói. Trong cảnh lữ thứ này lòng tôi cũng xót xa.

Ngày hôm sau, tôi đi ngoạn cảnh trong vườn, coi kỹ cái nền móng thuở xưa. Khi bước tới một góc cây lớn, tôi nhận ra phòng ngủ của cha tôi xưa ở đây. Ở giữa vườn cau là nhà khách, ở về một bên phía sau công đường; bên tả là nhà trong, bên hữu là nhà bếp. Ngói vỡ và bậc đá là vết tích còn lại của nhà

học, nom thấy khá rõ ràng. Mỗi khi đi đến một nơi nào đó thì lại một phen trù trù. Việc đòi biến cải, thời gian đổi dời, cái cảnh thử ly[204] khiến cảm động khôn xiết, trong dạ bồi hồi chẳng nở bỏ đi. Khoảng nửa giờ sau mới lại nhà, cùng thân thuộc gặp gỡ, bày biện đủ sanh lễ, tế từ đường. Người trong làng sắm lễ vật đến yết hạ[205], già trẻ có đến vài mươi người, trong số đó biết tên, biết mặt chừng vài ba người. Tôi đem rượu, tiền đáp lại và vội vã dọn mâm chén cùng bọn ấy uống rượu. Từ đó có ai đến thăm thì lại nói chuyện về chi phái của tổ phụ, về nhũ danh của mọi người. Có để ý kỹ càng mới phân biệt được những điều ấy. Nghĩ cái tình huống xa cách nhớ nhung, bất giác tôi khóc lên mà rằng: “Tôi từ bỏ quê hương ra đi đã ba mươi năm nay, đến nay trở về thì vật đổi sao dời, thân thuộc đầy dẫy trước mặt mà không rõ tính tự, thật là ra người Lạn Kha[206] vậy”. Tôi mới nhân cảm hứng có mấy vần thơ rằng:



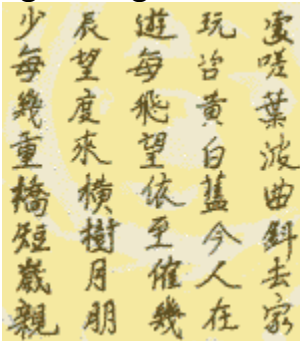
Cố hương nhất qui tình
 Khé khoát ám nhiên sinh
 Lịch hí hi du địa
 Du du cảm động tình
 Tùng thu tân sáng tự
 Hoa thảo cựu thời dinh
 Tương kiến nhi đồng bối
 Hàm hồ nhận nhũ danh

*Một chuyến thăm làng cũ
 Sầu này dễ kẻ không
 Chơi bờ xưa đất ấy
 Cảm động nay tình nồng
 Chùa mới trúc tùng rậm
 Dinh xưa hoa cỏ lông
 Nhi đồng cùng lứa gặp
 Tên cũ nhớ lung tung*

Ngày hôm sau, tôi sắm đủ nhang đèn, tiền giấy, mang theo đi lễ phần mộ tổ tiên cùng các từ đường, lại còn đến miếu trong làng lễ yết bản cảnh thần

linh[207]. Xong việc rồi, nhân đến cái cầu trong làng chơi ngắm cảnh, tôi cùng các công tử em họ trò chuyện.

Nguyên trong làng tôi có một cái khe nước nhỏ giống hình quả bầu. Là ng chia làm hai thôn, một thôn ở giữa quả bầu, thôn kia ở phía ngoài. Một cái cầu gỗ nối hai thôn lại để tiện qua lại. Trên cầu có cột và dầm[208] lập ngói, hai bên dựng ván cao, phía ngoài lại dựng lan can bằng gỗ để tiện cho du khách nghỉ ngơi. Trong thôn, đàn bà hàng ngày đến ngời ở đây bán trà, rượu và những đồ chứa đựng trà r ượu. Thuở thiếu thời tôi rất thích mển nơi này, chẳng ngày nào không đến đây chơi. Mỗi năm về đầu mùa hạ, hai dòng nư ớc dâng lên đầy dẫy, nước sông chảy cuồn cuộ n. Tôi thường cùng anh tôi là quan trấn Lạng Sơn nhảy xuống nước tắm, lúc bơi lúc lặn, cùng nhau đùa giỡn, canh khuya mới về nhà. Tôi nhớ lời anh tôi bảo tôi rằng: “Bọn ta còn nhỏ tuổi, nên tùy ý du ngoạn, nữa một mai trưởng thành đi làm quan, xa gót chốn giang hồ, làm sao ngày ngày lại có thể chơi đùa ở chốn này được”. Rồi sau này quả nhiên anh tôi thi đỗ còn tôi đi xa đó đây, há chẳng phải là lời sấm của trẻ con sao? Lúc đó tôi kể chuyện cũ cho các công tử cùng nghe, bỗng thấy tấm lòng hoài cổ như bị khêu gợi, tôi mới ngâm lên một bài thơ ngắn rằng:

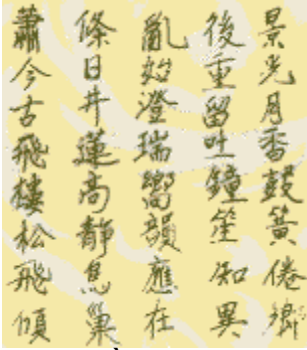


Thiếu thời du ngoạn xú
Mỗi vọng mỗi tư ta
Kỷ độ phi hoàng diệp
Trùng lai vọng bạch ba
Kiều hoành y cự khúc
Đoản thụ chí kim tà
Tuế nguyệt thôi nhân khứ
Thân bằng kỷ tại gia

*Chốn ấy xưa du ngoạn
Mắt trông than thở phiền
Lá vàng bao độ rụng
Nước bạc một dòng tuôn
Cầu bắc như xưa đứng*

*Cây cần tựa trước tiên
Tháng ngày người cách biệt
Lắm kẻ vắng gia môn*

Các công tử bảo tôi rằng: “Trong thôn ta, chùa Từ Vân do quan Đốc đồng Lạng Sơn tự xuất của nhà ra hưng công sáng tạo, cực kỳ tráng lệ; trước chùa có hồ phẳng lặng. Năm ngoái không biết từ đâu bay đến, mà trong hồ thấy có vài ba thân cây sen hồng; năm nay đầy khắp mặt hồ nào hoa nào lá tốt tươi, mùi thơm bay khắp ấp, thực là cái điềm tốt hiếm có. Nghĩ rằng trong làng ắt có cái triệu ứng vào danh cao vọng lớn, nay thấy đại huỳnh phụng chiếu mà đến, ý giả cái điềm lành ở đó chẳng?”. Tôi cười mà rằng: “Phàm xử thời giữ đạo, xuất thì thi ân, thế mới là làm được việc lớn, ta là người bỏ đi, nay lại cầu may thì hồ thẹn biết bao, sao có xứng cái điềm tốt được!”. Các công tử nói rằng: “Anh đừng coi nhẹ mà phụ cái điều thần ứng”. Rồi chúng tôi dắt tay nhau trèo lên gác chuông mà ngắm cảnh. Các công tử còn đòi phải có thơ. Tình và hứng của tôi đang dào dạt, tôi ngâm rằng:



Tiêu điều loạn hậu cảnh
Kim nhật thủy trùng quang
Cổ tĩnh trùng lưu nguyệt
Phi liên thụ thổ hương
Lâu cao ưởng chung cô
Tùng tĩnh vận sinh hoàng
Phi điều ưng tri quỵện
Khuynh sào tại dị hương

*Buổi trước loạn xơ xác
Cảnh nay sáng tựa gương
Giếng xưa soi bóng nguyệt
Sen nở thoảng mùi hương
Chuông gác nghe âm vắng
Rặng tùng nổi nhạc vang
Chim bay đường đã mới
Vỡ tổ lạc tha hương*

Các công tử cười mà nói rằng: “Chim bay đã biết mỗi một rồi vậy”. - Tôi nói: “Kẻ du tử thương xót quê cũ, ai chẳng một bụng ấy, hưởng chi cái niềm vui sống trong tử lý[209] cũng đã muộn màng rồi. Thơ Đường có câu:

Mạch thượng qui tâm vô sản nghiệp

Thành biên chiến cốt hữu thân tri

Lối cũ tìm về vô sản nghiệp

Bên thành chết trận có thân nhân.

Thơ ấy thật tả trúng cái bệnh của ngu huynh”.

Trong lúc chuyện trò, bỗng nghe lanh lảnh tiếng chuông xa vang lại. Tôi nói:

“Không biết tiếng chuông ở xứ nào mà kêu gọi như vậy?” - Các công tử

đáp rằng: “Chùa Liêu Xuyên”. Tôi mừng rỡ mà rằng: “Xưa kia ngu huynh

cùng với người ấy có chút giao tình”. Tôi mới cùng mọi người đến chơi nơi

đó. Khi tới cửa chùa thì thiền sư chống trượng, đứng ở bên sân Đàm

Hoa[210]. Trông thấy tôi nhà sư mỉm cười vô cùng, dắt tay đi vào thiền

phòng[211] cùng ng ồi, pha trà, cùng nhau đàm đạo. Nhà sư mở đầu nói

rằng: “Từng nghe đại nhân nằm mát một nơi sơn thanh thủy tĩnh, cảnh trí

tịch tịch mát mẻ, vườn hạc từng bày, yên hà đầy cửa; bản tăng muốn đến

nương nhờ, chỉ giận không có cách nào cả”. Tôi đáp: “Người gặp cảnh mà

nên sang, cảnh gặp người mà nên đẹp. Giữa cái vườn trong núi của tôi lại có

ngư ời đức hạnh nữa. Anh tôi mến cái cảnh nhàn tịch mới dựng lên một nơi

thờ Phật dưới gốc cây trong đám rậm rạp; phía ngoài xây gác chuông, sớm

tối đánh mấy hồi chuông để quên trần niệm[212]” - Nhà sư nghe vậy thì

chấp hai tay lại mà nói to rằng: “Thanh nhàn và thích thú như vậy, thì dầu có

đỉnh chung[213] cũng không đổi lấy được”.

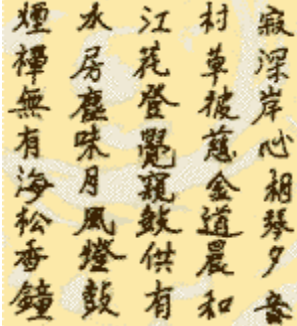
Lúc đó mặt trời về tây sắp lặn, tôi muốn cáo biệt. Các công tử nói rằng: “Nhà

chùa tuy ở chốn thôn dã, nhưng có hoa cỏ u nhã cũng đủ cung hứng thơ, sao

anh lại lặng thinh được ư?” - Tôi nói: “Xin đề thiền phòng một bài thơ ngắn

để lưu biệt mà thôi” - Nhà sư nói: “Nếu ban cho như thế thì còn cái gì hay

hơn!”. Rồi đưa ngay tứ bảo[214] lại. Tôi đề rằng:



Yên thủy giang thôn tịch

Thiền phòng hoa thảo thâm

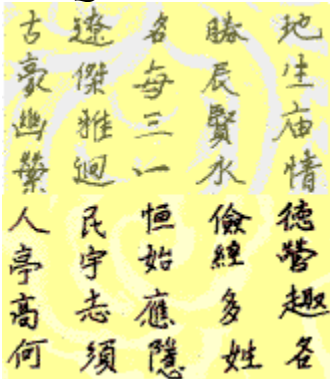
Vô trần đăng bỉ ngạn

Hữu vị giác từ tâm
 Hải nguyệt khuy Kim tướng
 Tùng phong cổ đạo cầm
 Hương đăng cung thần tịch
 Chung cổ hữu hòa âm

*Sông thôn dăng khói nước
 Hoa cỏ phủ thiên phòng
 Sạch bụi chèo qua bến
 Bén mùi tu gắng công
 Gió từng vang đạo nhạc
 Trăng biển chiếu Thiên tông[215]
 Hương khói thờ khuya sớm
 Trống chuông âm điệu đồng*

Đề xong, tôi từ giả nhà sư ra về. Lúc này gặp ngày húy chú tôi, xưa làm thượng thư. Quan Đốc đồng tuy làm quan nơi xa xôi, đến ngày giỗ cũng về. Cúng lễ xong, ngày hôm sau, ông đến chùa Từ Vân, rủ tôi cùng đi chơi với các công tử, lại bày yến tiệc thịnh soạn cùng nhau hoan hội. Tôi đến, các công tử đem mấy bài thơ đề vịnh của tôi ra cùng nhau bình phẩm. Quan Đốc đồng chọn hai bài *Qui Tĩnh* và *Đề Kiều* mà ông cho là trội hơn cả.

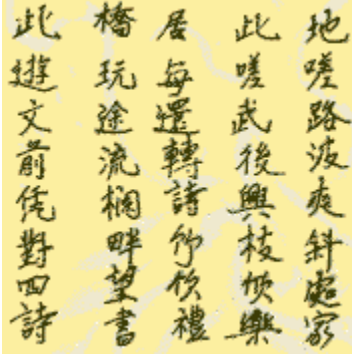
Họa *Qui Tĩnh*



Cổ Liêu danh thắng địa
 Hào kiệt mỗi thời sinh
 U nhã tam hiền miếu
 Oanh hồi nhất thủy tình
 Nhân dân hằng kiệm ước
 Đình vũ thủy kinh doanh
 Cao chí ưng đa thứ
 Hà tu ần tính danh
*Cổ Liêu nơi thắng địa
 Hào kiệt chẳng thời không*

Ba đáng[216] đèn u nhã
 Một dòng thư mận nồng
 Nhân dân kiếm phác[217] ấy
 Nhà cửa trước sau lòng
 Kẻ chỉ cao tìm thú
 Cần chi phải ẩn tung

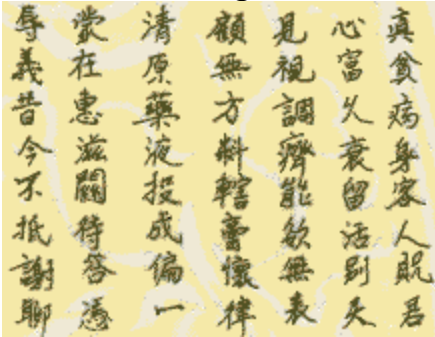
Họa Đề Kiều



Thử kiều cư thử địa
 Du ngoạn mỗi ta ta
 Văn đồ hoàn vũ lộ
 Tiền lưu chuyển hậu ba
 Bằng lan thi hứng sáng
 Đối bạn trúc chi tà
 Tứ vọng hân hân xứ
 Thi thư lễ nhạc gia
 Cây cầu xây đất ấy
 Du ngoạn luống than phiền
 Đường võ nghệ văn sẵn
 Dòng tiền sóng hậu tuôn
 Lan kê thơ vịnh khoái
 Bờ trước trúc cảnh tiên
 Bốn phía say sưa ngắm
 Văn chương thi lễ môn[218]

Anh Trần Lạng nói rằng: “Nghề văn đường vũ, dòng trước sóng sau, những câu ấy chứa đựng cái khí tượng xa rộng, thơ họa như thế thật hay”. Lúc ấy người cháu họ cũng có mặt tại đó. Quan Đốc đồng bảo rằng: “Bọn các người khi nhỏ chưa coi mặt quan tổ thượng thư, nên coi mặt bác đây sẽ rõ”. Tôi cười mà rằng: “Cứ nghĩ đến mi rậm tóc dày thì sao có tương tự được với tôn thúc”. Các công tử đều nói rằng: “Coi cho kỹ, quả mư ời phần không sai”. Chúng tôi ngồi chuyện trò ăn uống thỏa thuê, mãi đến canh khuya, mọi người mới giải tán ra về. Các ông vui mừng thấy tôi về làng, chưa có cách gì để

cùng vui với nhau. Quan Đốc đồng đưa giấy báo em rể là quan Viên hình, khiến chỉnh bị một chiếc thuyền, ước hẹn với quan Trấn Lạng Sơn, quan Viên lễ (cũng là em họ tôi) đem rượu và đồ nhắm đến cùng tôi xuống thuyền, phóng chèo trên sông Hồ Lô, ngắm trăng, làm thơ, thuận giòng mà xuôi, như vậy trong hạn mười ngày. Lại có người làng đến nói là hiện đình đài mới xây dựng lên, sẽ có lễ lạc thành[219], có tổ chức một châu ca xướng, mời tôi định ngày đến dự lễ. Tôi cúng hương tiền ba quan. Lúc này có quan Doãn Thừa Thiên[220] đến xin chẩn bệnh. Nguyên lúc tôi ở Kinh thì ông mắc bệnh đã lâu, có sai người đến lấy thuốc. Đến khi nghe tin tôi trở về làng thì bệnh của ông ta vốn vẫn là hư kiệt; tôi chế tạo một tễ cao được cho ông ta. Trong lúc dùng thuốc, ông ta thấy tôi về làng mà vẫn để tâm nghiên cứu chữa bệnh, mới gửi cho tôi một bài thơ để tạ ơn (nói về lúc bị triệu, trên đường đi tả nỗi lòng, dùng văn của bài thơ ấy). Thơ rằng:



Nhục mông thanh cố kiến tâm chân
Nghĩa tại nguyên vô thị phú bản
Tích huệ dược phương điều cứu bệnh
Kim tư dịch liệu tế suy thân
Bất quan đầu hạt năng lưu khách
Chỉ đãi thành cao dục hoạt nhân
Tạ đáp thiên hoài vô biệt hưởng
Liêu bằng nhất luật biểu thiên quân

*Ngửa trong chiếu cố cảm lòng chân
Trọng nghĩa không coi nặng phú bản
Trước cây điều thang trừ sạch bệnh
Nay nhờ chế tễ giữ yên thân
Chẳng cần can trực mà lưu khách
Chỉ đợi cho cao để cứu nhân
Tạ đáp lấy chi làm tặng vật
Dãi lòng mấy vận nhớ ơn quân*

[199] **Cải táng**: thu góp xương cốt người chết đã được táng năm ba năm, lau chùi cho sạch, bỏ vào một cái tiểu bằng sành mà di đi, chôn tại một nơi khác.

[200] **Ông Mạc**: thường gọi là Ô Đồng Mạc.

[201] **Thanh Trì**: tên một huyện cách Hà Nội chừng 12 cây số, thuộc tỉnh Hà Đông.

[202] **Tam Đảo**: tên ngôi núi cao thuộc tỉnh Vĩnh Yên, Bắc Phần.

[203] **Quan Thống Nhất**: chưa rõ vị nào. Hoàng giáp Lê Hữu Danh là thân ophu Lê Hữu Hy, Lê Hữu Mưu và Lê Hữu Kiều. Không rõ đây có phải là Hữu Hy không?

[204] **Thử ly**: Kinh Thi, thiên Vương Phong nói về điều thương xót nhà Chu. Quna đại phu nhà Chu đi hành dịch (công tác) đến chỗ nhà Chu, đi qua cung thất xưa chỉ thấy đầy đầy cây lúa và cây kê, thương xót cái cảnh nghiêng đổ của nhà Chu, bâng hoàng không nỡ bỏ đi, nhân đó mới làm ra bài thơ ấy. Khi này nhà Chu đã dời đô về ph ương đông, nhà Chu tức là Tây Chu trước vậy. Ở đây mượn tích *Thử ly* để tả cảnh tang thương trước mắt.

[205] **Yết hạ**: đến hầu chuyện và đưa lễ mừng.

[206] **Lạn Kha**: tên núi Lạn Kha ở Triết Giang. Đòi Tân, Vương Chắt vào núi kiếm củi, thấy hai đồng tử ngồi chơi cờ. Đồng tử cho Chắt một vật như hột táo, ăn vào hết đói. Xong cuộc cờ, đồng tử trở tay mà bảo rằng: “Cán búa nhà ngươi hư nát rồi”. Chắt quay trở về làng thì đã được một trăm năm rồi. Vì thế mới có tên núi là Lạn Kha (lạn là hư nát, kha là cán búa).

[207] **Bản cảnh thần linh**: vị thần cai quản địa ph ương.

[208] **Dầm**: phiên gỗ bắc ngang để đỡ xà nhà hay sàn gác.

[209] **Tử lý**: quê cũ (tử là cây thị - lý là là ng). Cây tử thường được trồng ở đầu làng, dùng để chỉ quê hương. Nhị Độ Mai có câu: “Kẻ về Tử Lý người vào Ngọc Kinh”.

[210] **Đàm Hoa**: tên cái sên. Đàm hoa là một thứ cây ba nghìn năm mới trở, một lượt thì có Phật xuất thế.

[211] **Thiền phòng**: Phòng ốc nhà sư ở.

[212] **Trần niệm**: những mối ưu tư của người đời.

[213] **Đỉnh chung**: cái vạc và cái chuông. Ý nói nhà quyền quý, mỗi bữa ăn, đánh chuông gọi người về ăn, bày vạc ra cho ăn (vì nhân gia đông đảo). Đỉnh chung do câu “Chung minh đỉnh thực” của Vương Bột.

[214] **Tứ bảo**: Bốn thứ là bút, nghiên, giấy và mực.

[215] **Thiền tông**: tên tông phái Phật Giáo, cũng có tên là Phật tâm tông.

[216] **Ba đấng**: dịch chữ tam hiền, ba nhân vật tà i giỏi được thờ phụng trong đền làng.

[217] **Kiệm phác**: cần kiệm và chất phác.

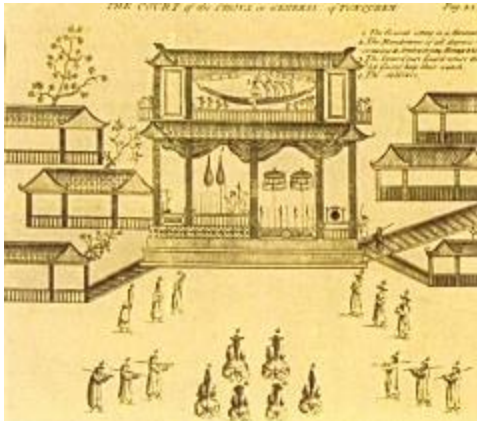
[218] **Thi lễ môn**: Nhà có học Thi học Lễ, ý nói l à nhà văn học.

[219] **Lạc thành:** lễ mừng mới làm xong, đèn đài, nhà ở - lễ khánh thành nhà cửa.

[220] **Quan doãn Thừa Thiên:** quan đầu phủ Thừa Thiên. Doãn tức là chức quan phủ, huyện cũ (phủ doãn, huyện doãn).

Thượng Kinh Ký Sự

Thăm Bệnh Chúa Trịnh Sâm



Đến ngày ước hẹn, quan Viên hình đã sai người nhà chèo hai chiếc thuyền đến. Quan Đốc đồng[221] sai chuẩn bị bếp núc, đợi lúc mặt trời sắp lên thì lên thuyền mà đi. Sau giờ Ngọ, thấy kẻ dịch mục của quan Chính Đường đem sáu người lính bản dinh đến. Tôi kinh ngạc hỏi duyên cớ. Y nói: “Vâng Thánh chỉ tuyên triệu quý sư. Lúc nửa đêm được lệnh đại quan diện truyền, gà gáy qua sông, một mạch đi thẳng tới đây mời quý sư về kinh, việc chẳng thể để chậm được”. Tôi nghe vậy, than rằng: “Mình là kẻ tội mọi vậy! Chỉ tiếc rằng cái cao hứng của mình bị cản trở, biết làm sao đây?”.

Lúc ấy chẳng kịp gặp mặt chào biệt các công tử, chỉ vái chào chị dâu, ngậm đắng ra đi, gấp bước mà tiến. Chiều tối đến quán trọ thối cơm ăn, xong rồi rong đuốc mà đi. Canh hai đêm ấy, đến bến Bát Tràng. Khi này gió giục dùng dùng, sóng dâng cuộn cuộn. Tôi bảo người dịch mục rằng: “Dùng thuyền ngang nhỏ qua bến thì khó mà sang sông được, nếu có dùng thuyền buồm chẳng nữa, cũng chẳng có thể vào phủ được; bọn ta hãy tạm trú lại, sáng sớm hôm sau lại ra đi cũng không muộn đâu”. Chúng tôi quay lại quán nghỉ ngơi. Lúc gà gáy quân sĩ qua sông, sau đó đến dinh quan Chính Đường. Áo mũ chỉnh tề rồi, tôi vào cửa phủ[222].

Lúc này Thánh Thượng ngủ tại Đông cung. Quan Chính Đường trú ở cung Thập Tự phía ngoài. Tôi vào yết kiến. Quan Chính Đường trông thấy tôi thì mừng rỡ, cười mà bảo rằng: “Sao trở về nhanh được thế” - Tôi đáp: “Đi suốt

đêm”. Ông đuổi các người tả hữu đi, bảo tôi đến trước mặt, ghé vào tai mà nói rằng: “Trước tuần nhật này, Thánh Thượng đến cung Vọng Hà, xem thủy quân bơi đua, rồi cảm gió. Sáu, bảy năm nay vẫn đau sẵn rồi, nguyên khí suy tổn, cho nên chỉ bị cảm mà bệnh đã trầm trọng ngay. Ông nên ở đây đợi lệnh”. Nói xong, ông đi vào cung. Tôi ngồi đợi đến gần tối mới thấy ông đi ra, bảo nhỏ tôi rằng: “Lúc này Thánh Thượng bị sốt âm, nên không vào được, ông hãy ngủ tại đây, đợi sáng hôm sau vào chầu”. Tôi đáp: “Đi đêm bị gió sương, xin được về chỗ ngụ điều dưỡng, sáng hôm sau xin đến thật sớm”. Tôi được phép rồi thì trở về chỗ ngụ.

Sáng sớm hôm sau, từ tám phương đi tới, đã thấy người đến triệu thôi thúc ba lần rồi. Lúc ấy binh lính theo hầu dùng cang chở tôi đi, ra sức chạy nhanh, trên đường đi bất luận sang hèn đều bị đánh đuổi. Đến cửa phủ, cang hạ xuống, tôi bước vào đã thấy quan Chính Đường đứng chờ ở dưới thềm. Ông bảo tôi theo sau ông mà đi, khi đến cửa Cẩm, bảo tôi dừng lại đợi lệnh, còn ông đi vào. Chẳng bao lâu, quan Nội Sai là Thạch Trung Hầu[223] đến truyền lệnh dắt tôi vào. Đi qua dãy nhà ngang mười bước thì trèo lên một cái nhà cao, phía sau nhà này là một căn nhà rộng rãi, tức ngự tẩm ở đó. Quan Nội Sai cầm tay áo tôi mà dắt, mở trướng gấm, qua vài ba lần trướng màn nữa thì thấy ở giữa nhà, Thánh Thượng nằm trên cái võng mắc nơi ngự tọa dát vàng. Ngự tọa có đệm gấm. Bên hữu là giường ngai ngự, trên giường gấm vóc sắc vàng mấy lượt bỏ rủ xuống, lại có màn che muỗi. Quan Chính Đường cùng với quan Tham Đồng (vị quan này là người Việt An, ngự y được tin dùng) ngồi hầu ở bên tả, thị thân chỉ có Thạch Trung Hầu đứng tại đấy. Ngự tọa có một bức trướng che ngang, đằng sau bức trướng có tiếng người nói, ý giả các cung nhân ở đó, vì khách đến nên lánh đi. Trước chỗ chừa ngự có đốt một cây nến cắm vào một cái giá bằng đồng. Lúc ấy tôi đứng thẳng ở trước ngự tọa, cách xa độ hơn mười bước. Tôi cất tay ngang trán muốn làm lễ lạy chào. Quan Chính Đường truyền cho tôi được miễn làm cái lễ ấy. Thánh Thượng trông thấy tôi, quay bảo quan Chính Đường rằng: “Rất giống mặt Liêu sư” - Liêu sư tức là chú tôi.

Quan Chính Đường bảo tôi đến bên Ngai ngự coi mạch. Tôi khom mình đi tới. Quan Tham Đồng bảo tôi ngồi; quan Chính Đường lại bảo tôi ngồi vào giữa, tôi mới nghiêng mình lách vào. Quan Chính Đường, quan Tham Đường tại tả hữu, tôi ở giữa, ba người ngồi chạm vai nhau. Sau lưng có bức vách phàn, bức vách chỉ cách ngự tọa có hơn hai thước, mình tôi như dính liền vào bàn ngự tọa. Thánh Thượng xuống võng, ngồi trên nệm gấm, quay sang phía tả mà thở, đặt tay trên gối gấm cho quan Chính Đường coi mạch, rồi cho tôi coi, sau hết cho quan Tham Đường coi. Lúc ấy mặt trước, ngự tọa chỉ cách tôi có vài ba thước, tôi chỉ cúi đầu, chẳng dám trông lên. Quan Chính Đường bảo tôi rằng: “Ý kiến thế nào, cho cứ thực nói ra”. Tôi thưa

rằng: “Thần kính xem các mạch tả hữu quan thốn đều chạy rất mau, mạch tả chạy mau mà chìm, mạch hữu chạy mau mà nhỏ. Lại ấn tay lên mạch thì thấy đều vô lực”.

Thánh Thượng hỏi: “Hai ông có thấy gì khác không?”. Hai ông đều tâu là cùng nhận thấy như thế, riêng không thấy mạch găng ở tay tả. Rồi cho tôi ra ngoài, bảo tôi biên đơn tiến nạp. Tôi ra ngoài cửa cung đến điểm Thị Ky, cùng ngồi với quan Chính Đường. Ông nói nhỏ về nguồn bệnh, thấy chứng bệnh thể nào nhất nhất kể cho tôi hay và hỏi kín tôi: “Bệnh chứng ra sao?”. Tôi nghĩ: -Thân thể gầy gò, da thịt khô khan, nước tiểu vàng đục, đại tiện táo bón, bụng đầy, thời thường thở dốc, lại toát khí nhiệt, miệng khát, lưỡi nổi mụn, ho mất tiếng, mọi thứ đều là triệu chứng tinh khô huyết kiệt. Tình thế lại rất gấp, sợ rằng cái khí của dạ dày đã suy bại đến cùng cực, mà ý chùng trước kia trong lúc điều trị chưa từng bồi bổ. Có thể là chính căn bệnh không đến nổi thể mà vẫn hồi được chăng? - Tôi đáp: “Khó hay dễ thực chẳng dám quyết. Xin dâng thuốc một lần, nếu sáu đường mạch trở lại hòa hoãn mới khỏi lo ngại”. Hai ông thúc tôi kê đơn. Đơn thuốc như sau:

Tiểu thần Lê Hữu Trác phụng kê

Xin phòng theo bát vị, có tăng giảm để chế cao

Thực địa - 5 lạng

Sơn dược - 3 lạng (cơm rang, sao 2 lần)

Sơn chu - 2 lạng (dùng rượu nấu, bỏ hạt)

Mẫu đơn - 1 lạng 5 đồng cân

Bạch phục linh - 1 lạng 5 đồng cân (ngâm sữa)

Mạch môn - 1 lạng 2 đồng cân

Ngũ vị - 8 lạng (dùng sống)

Quế phụ - 5 lạng

Nhục quế - 5 lạng (kỵ lửa)

Cho tất cả vào một nồi đất, đun thành cao, đoạn thêm vào:

Cao lộc nhung - 2 lạng

Cao câu kỷ - 1 lạng

Đun lửa và quấy đều. Đem cao ấy ra, bỏ nhục quế đã tán nhỏ vào, đậy nắp giữ kín. Mỗi lần dâng một chén trà nhỏ, sau khi đã đun to lửa, dùng thần thảo làm thang.[224]

Nay kính trình

Đến tối thấy quan Nội Sai là Thạch Trung Hầu đến tuyên triệu quan Chính Đường, quan Tham Đồng cùng tôi vào châu. coi mạch như lần trước, lại xem xét bệnh một lần nữa. Chẩn bệnh sau, Thánh Thượng hỏi: “Mạch đã nổi lên và chạy nhanh, sao lại dùng quế phụ?”. Tôi thưa rằng: “Thần trộm xét mạch vô lực, nếu có nhiệt lắm cũng là nhiệt giả, nay lại được chẩn bệnh

một lần nữa, quả thấy mạch tình thượng thực hạ hư, phương thuốc tiến nạp thật là đích đáng”. Thánh Thượng lại hỏi: “Đã bị sốt, sao bụng lại đầy, cơm không tiêu?”. Tôi thưa rằng: “Thần trộm thấy trong sách thuốc có nói:- Xét mạch thấy vô thần, chính là phù du, cái nóng phát ra ở da thịt thì ngoài nóng mà trong lạnh, thượng thực hạ hư, cho nên bụng đầy không tiêu”. Ngài ngự lại hỏi: “Trong đã lạnh sao nước tiểu lại vàng đục?”. Tôi thưa rằng: “Thần thấy trong sách nói bên trong khí không đủ thì nước phải biến sắc, chẳng phải ở trong thực có nóng”. Thánh Thượng nói rằng: “Người này nói quả quyết ắt có định kiến[225]. Vậy theo đơn chế một tễ nhỏ dùng thử”. Hai ông thưa rằng: “Cái đơn thuốc tiến nạp ấy thật đích đáng”. Rồi mọi người đều bước ra điếm Thị Ky cùng ngồi. Quan Chính Đường sắc mặt tỏ ra ngại ngùng, bảo tôi rằng: “Mạch hồng sắc mà dùng quế phụ để cho nóng, sợ chẳng phải là hư hỏa mà ông quả quyết như vậy, thật là đáng sợ”. Quna Tham Đồng nói: “Lữ a đồ thêm dầu, nếu chẳng phải là điều chân kiến[226], há chẳng dám làm liều”. Tôi nói: “Búa rìu[227] ngay tại trước mặt, tôi há lại không biết điều họa phúc sao? Chỉ biết đem hết cái kiến thức của mình ra cho hết lòng. Vả lại trước đây đã dùng thuốc mát mà nhiệt chẳng giảm, bụng lại đầy thêm, đó là cái cơ trong thì lạnh, chẳng còn hồ nghi gì nữa”. Quan Tham Đồng khen rằng: “Như thế là có bằng cứ rồi”. Quan Chính Đường cười nói trắng: “Phải gấp chế thuốc”. Rồi ông sai quan thủ phiên Hữu Viện man cái rương thuốc ngự để mọi người cùng cân lường, trao thuốc cho quan thị dục để đem đun lên. Hai ông đều quay về trụ sở. Tôi cùng các quan coi thuốc hữu viện chuyện trò. Tôi thấy một viên hoạn gác cửa, đứng ở chỗ giả sơn nhà quảng đường, cách tôi vài ba chục bước, đưa tay ra vẫy tôi. Tôi đứng ngay dậy mà đến với y. Vị quan này nói rằng: “Vâng chỉ truyền của Thánh mẫu đến với lão sư coi mạch, khó dễ ra sao, cho được cứ sự thực mà thưa”. Tôi nghĩ một lúc khá lâu mới nói rằng: “Tôi là người chốn sơn dã, một sớm triều kiến mặt trời, lấy làm sợ hãi, mười phần chẳng nói lên được một. Tuy có xem mạch, còn sợ biện nhận chẳng đúng, nay đang bận coi thuốc thang, sau đó mới biết hay dở, xin quý hầu xét cái tình thực của tôi mà tâu lên cho”. Vị quan này trở vào trong cung Cẩm. Tôi quay lại trụ sở hỏi viên trực nhật y viên quan ấy là ai. Y nói đó là Thân Trung Hầu, quan nội sai tại Công Phiên Quản thị Cán Quân. Tôi đi đến cung Thập Tự xin phép trở về nhà. Quan Chính Đường bảo: “Sáng sớm thì quay lại”. Tôi được phép rồi ra đi. Đêm ấy vào giữa canh năm tôi đến cửa phủ, cửa chưa mở, ngồi đợi cửa mở rồi vào. Tôi thấy quan Chính Đường mặt mũi vui tươi, thì cũng mừng thầm, như vậy quả quế phụ không nóng. Quan Chính Đường nói rằng: “Thuốc ấy dâng Ngài ngự lần thứ nhất được hòa bình, ho giảm bớt, đến gà gáy theo đơn chế một tễ dâng lên, thì tiểu tiện dễ dàng mà ít vàng, ắt là nhiệt đã giảm rồi. Ông bảo tôi đi theo vào cửa Cẩm; đến ngoài cửa đứng đợi, còn

ông vào trong trước. Một nháy mắt sau đã thấy có lệnh truyền cho tôi vào, và cho thăm mạch. Thánh Thượng nói rằng: “Uống thuốc ấy vào cũng được thanh thái, hơi có ý muốn ăn, nay nên làm thế nào?”. Tôi tiến lên thưa rằng: “Sức thuốc còn kém cỏi, chưa được thành công, xin cho chế cao được. Khi khí thuần, lực toàn mới dùng đến thuốc bổ”.

Ngài ngự truyền quan Chính Đường gấp rút chế cao được. Ông được lệnh, cùng tôi rảo bước đi ra đến điểm Thị Ky. Ông đến trụ sở ăn sáng, bảo tôi ở đó đợi cơm bữa. Chẳng bao lâu nhà bếp bung mâm cơm đến. Đồ ăn ngon lành chẳng cần phải kể. Từ đó mỗi ngày ba bữa tôi ăn cơm tại đó. Quan Chính Đường chiều tối thì đến điểm Thị Ngự bảo tôi cân, chọn và chế thuốc cao. Tôi mơn chọn những thứ rất tốt để làm thuốc, về lộc nhưng chỉ chọn Bắc nhung, lấy mầm non nơi có huyết ngưng 10 lạng, nấu thành cao 2 lạng để hòa hợp với thuốc cao khác, lại chọn nhân sâm thứ to béo (1 cân) 45 chỉ, giá tiền là một ngàn một trăm quan tiền, nấu mọi thứ mà chế thành thang thuốc. Quan Chính Đường giao cho quan thị trà coi giữ và nung nấu, chẳng nói đến việc này.

Tôi lại thấy Thản Trung Hầu thuở nọ bảo tôi rằng: “Vâng chỉ truyền của Thánh mẫu đến cho quý sư hay là nay thấy Thánh Thượng ngự trà rất được thanh thái, Thánh mẫu rất vui mừng và truyền hỏi lão sư là Thánh mẫu thường bị đau ở hông nơi cạnh sườn đã hơn một năm nay, nay điều trị có choáng khỏi không?” - Tôi nói: “Cứ như bệnh ấy chữa không khó, còn chóng hay chậm khỏi, phải xin đợi thăm mạch mới dám có định kiến”. Thản Trung Hầu bỏ đi ra rồi, lại thấy Thạch Trung Hầu từ trong cung Cẩm tới điểm Thị Ky nói là vâng chỉ đến ban thưởng lão sư. Quan Chính Đường bảo tôi quỳ xuống. Thạch Trung Hầu đứng xướng lên rằng: “Cung hỉ Thánh chỉ ban khen lão sư vào châu tấu đối minh bạch, lại am tường việc xem mạch, vậy ban thưởng một chiếc thái ngưu, lại còn dự ban áo mát và áo ấm để trở lại vào châu”. Quan Chính Đường truyền tôi đứng dậy và bảo Thạch Trung Hầu rằng: “Xin ông anh chiếu lệ cho!”. Thạch Trung Hầu quay về cung Cẩm. Vì chẳng biết duyên cớ gì, tôi mới dò hỏi một quan thủ phiên ở Nội Viên về việc này. Ông ta cho biết chiếu lệ là mỗi khi có ban thưởng thì lệ phải làm lễ bái. Tôi lại hỏi: “Thái ngưu là vật gì vậy?”. Ông ta nói: “Một chiếc thái ngưu là chuẩn cho sỏ tiền mười quan”. Tôi hỏi tường tận, chẳng am thời sự thật rất nực cười. Câu chuyện đầu đuôi đang muốn tiếp tục, thì có người Bắc khách[228] tên Chú Bẫy thấy tôi chế thuốc thì nói rằng: “Thánh Thượng giàu có khắp bốn bề, thuốc dùng sáu. bảy năm nay mỗi lần ước định giá tiền không quá ba, bốn trăm ngàn[229]; nay một tể thuốc lớn dùng tiền tới mười ngàn quan, có dùng thế mới xứng với bậc vương giả”. Nguyên y rất được sủng hạnh nên mới nói bừa bãi mà không sợ sệt gì. Từ đó tôi quen biết chơi bời với y. Lúc ấy cũng có cái khẩu hiệu là *mười bốn* (tôi là con đứng hàng

thứ bảy mà y là chú Bảy, cho nên gọi là mười bốn). Y với tôi khi ngồi thì cùng chiếu, ăn thì cùng mâm. Gia tình thật là khăng khít. Nguyên do y có biết thuốc, học Vương đạo[230]. Trước đây, mỗi khi thấy Thánh Thượng dùng thuốc lạnh cùng các thứ tiêu đạo, y nhiều lần cố khuyên dùng phương thuốc bồi bổ, nhưng vì khác biệt với các ngự y, nên chẳng ai chịu nghe theo. Y uất ức trong lòng mà không nói ra được. Khi này thấy tôi dùng thuốc bổ thật mạnh thì đạo đồng, ý hợp, nên giao du cùng nhau thật là bền chặt, điều đó miễn nói đến.

[221] **Đốc đồng**: chức quan phó trấn dưới chức Đốc trấn; đây là người anh họ của Lãn Ông làm Đốc đồng tỉnh Lạng Sơn.

[222] **Cửa phủ**: cửa Phủ liêu - Từ khi họ Trịnh cầm quyền, thì bên nhà vua gọi là Triều đình, bên phủ chúa gọi là Phủ liêu.

[223] **Thạch Trung Hầu**: người xã Yên Thường, huyện Đông Ngạc (nay là phủ Từ Sơn, Bắc Ninh); họ Phạm, làm quan Nội sai, được phong tước Thạch Trung Hầu. Sau khi Tây Sơn dứt nhà Lê, ông khởi binh chống lại, nhưng bị thua. Ông là thân phụ Phạm Thái, hiệu Chiêu Lý, tác giả bài *Chiến Tụng Tây Hồ Phú*.

[224] **Thang**: Vị thuốc thêm ngoài để dẫn những thứ thuốc chính.

[225] **Định kiến**: cái ý kiến đã liệu rõ mà không thay đổi.

[226] **Chân kiến**: cái điều hiểu biết thấu đáo không sai lạc.

[227] **Búa rìu**: hai thứ đồ dùng bằng sắt, có lưỡi để bõ và để đẽo gỗ, bởi chữ phủ viết dịch ra. Đây là nói chung về hình pháp.

[228] **Bắc khách**: người khách phương Bắc, chỉ người Trung Hoa sang ở nước ta.

[229] **Tam, tứ mạch**: mạch là chữ dùng thay cho chữ bách; sáu mươi hoặc bảy mươi đồng tiền là một mạch, cũng gọi là một trăm gián - tam, tứ mạch: ba, bốn trăm gián.

[230] **Vương đạo**: đạo chính theo đời Tam vương. Nghĩa rộng: đạo làm chân chính, ngay thẳng.

Thượng Kinh Ký Sự

Chữa Bệnh Không Thành

Quan Chính Đường bảo tôi rằng: “Ông nên gấp trở về nhà chuẩn bị áo mũ; sáng hôm sau vào chầu sớm để nhận ban thưởng. Việc hệ trọng chẳng phải tầm thường, chẳng nên coi là việc nhỏ. Nếu ngày mai vào chầu lại ăn mặc như cũ, ấy là coi thường ơn vua, tội đáng chết!”. Tôi sắp ra đi còn tái tam

dẫn dò. Tôi cảm ơn mà rằng: “Đâu có dám trái lệnh”. Tôi mới từ biệt ra về. Ý quan Chính Đường biết rõ lòng tôi vốn không lấy việc được ban lộc làm vinh hạnh, lại chính ông đã tiến cử tôi, nên ông để tâm che chở. Tôi nghĩ: - Mình tuy không có chí may áo lá sen lá ấu[231] mà đem trao vật tại cửa đông thì sao lại không được? - Tôi mới sai người đến chỗ thân bằng mượn áo mũ. Tối hôm ấy thấy dịch mục của quan Chính Đường mang mười quan tiền đến chỗ tôi trú ngụ; đến đêm vào canh hai lại thấy lính thị trù[232] mang ngự soạn[233] ban cho đến nhà. Bọn này có vẻ hoảng sợ, nói rằng: “Bọn chúng tôi đi tìm chỗ ngụ khắp nơi, cho nên đến chậm, xin quý sư tha thứ cho”. Tôi theo lệ thường cho chúng tiền, chúng vì có lỗi mà chẳng dám nhận thưởng) mà ra đi.

Sáng hôm sau, tôi đội mũ mặc áo vào phủ. Quan Chính Đường thấy tôi có cái quan dạng ấy thì như có vẻ mừng, bảo tôi rằng: “Vào khoảng tối đêm, cơn nóng của Thánh Thượng đã hết, nước giải đã hơi trong, bụng bớt đầy nhiều, tiểu tiện vàng đục tạm ngưng. Đêm qua đã dăng ba lần thuốc cao”. Tôi nghe vậy cũng mừng thầm, rồi cùng ông vào châu xem mạch. Lúc ấy Thánh Thượng ngự trên võng, ngồi lên nệm gấm, cười bảo quan Chính Đường và quan Tham Đồng rằng: “Hôm nay cử động thấy nhẹ nhõm, có lẽ nhờ sức quế phụ[234] mới vận động được mạnh mẽ, và bụng thấy đói. Nếu đúng thế thì từ trước đến giờ dùng bữa bữa thuốc lạnh, chẳng hóa ra làm lẫn sao?”. Quan Chính Đường trình rằng: “Bọn thần thấy dùng quế phụ là lấy làm sợ hãi, có biết đâu giả nhiệt gặp quế phụ là hết”. Thánh Thượng nói: “Người này dùng thuốc có kinh nghiệm mới dùng những thứ ấy”. Quan Chính Đường lại thưa rằng: “Thần vốn có nhiều bệnh, tự dùng thuốc của nhà, sau lại tìm thầy khắp nơi để trị bệnh. Mãi đến khi thần phụng mệnh vào Hoan Châu mới được biết nhau. Người thôn dã, nói năng thô nhưng về y lý thì uyên bác, thầy thuốc hiện nay trong thiên hạ không ai hơn được”. Lúc ấy tôi nghe vị quan này nói vậy thì lông tóc dựng ngược, thầm kêu khổ rằng: “Ta quả như dầu tẩm bột gạo vậy, không có kỳ hạn nào ra khỏi nữa”. Tâu xong mọi người đều đi ra, đến điểm Thị Ky. Quan Tri Bình là Hầu Cầu chấp hai tay nói rằng: “Ngày hôm nay lòng tôi được thư thái vậy”. Quan Tri Hộ là Hầu Diêm trách quan Chính Đường rằng: “Có người như thế sao nay mới tiến cử?”. Quan Chính Đường cười mà đáp rằng: “Đã hai tháng nay tiến cử vào hầu Thế tử, nhưng chẳng dùng mà thôi”. Nói xong, mọi người đều vào điểm Thị Ky cùng ngồi. Lúc ấy trong phủ ai cũng nghe danh tôi. Trong lúc ngồi luôn luôn có người dòm ngó tôi. Quá giờ Ngọ thấy quan Nội Sai truyền chỉ cho tôi vào hầu thuốc Thế tử, lại truyền cho quan Chính Đường rằng: “Từ nay chỉ cho lão y hầu thuốc, không được cho đem vào dùng một hào ly[235] thuốc nào khác!”. Quan Chính Đường được lệnh, mới đưa tôi vào cung, đến tẩm thất của Thế tử. Tôi thấy lầu gác liên lu, tẩm thất của Thế tử

cùng gần ngự tẩm mà ở về phía tả. Tôi đi theo quan Chính Đường vào coi mạch. Lúc đó tôi thấy thân hình Thế tử rất gầy ốm, bụng lớn da mỏng, gân xanh, rốn lõm hơn tấc, khi xuyên muốn thoát, mạch chìm mà chạy nhanh, lại vô thần. Tôi nghĩ mình xưa coi Thế tử còn có da thịt, mạch còn hồng huyền, nay đến như thế này thì hẳn không còn làm gì được nữa. Người xưa coi bốn chứng[236] làm khó chữa, chính là đây vậy. Nhưng tôi chỉ nói là bệnh cam, cái tiếng cổ thì kiêng chẳng dám nói đến. Tôi xem xét xong, bái tạ đi ra (lễ nhập kiến cũng có bái). Quan Chính Đường truyền bảo tôi đến Sở Thập Tự, ghé vào tai tôi nói nhỏ rằng: “Ông thấy thế nào?”. Tôi đáp: “Thể chất và tinh thần suy kiệt và mệt mỏi quá rồi, thể không thể trở dậy được nữa!”. Quan Chính Đường nghe nói thế thì buồn hui, thở dài một tiếng, nằm vật xuống giường. Tôi biết Thánh Thượng tin dùng ông, lấy ông làm người tâm phúc, nhờ ông làm vậy cánh, vốn muốn thác cô[237] vào ông, bỗng nghe lời tôi nói như vậy nên mới có quang cảnh ấy. Ông lại hỏi tôi rằng: “Đem hết cái sức ông ra mà chữa trị, liệu có hy vọng gì không?”. Tôi thưa: “Đã từ lâu dùng thuốc công phạt để đến nỗi tinh huyết khô kiệt, đó là bị thuốc làm hại, chứ không phải bệnh khiến đến nỗi ấy. Nay dùng thuốc bổ thì khác nào không nắng từ lâu mà gặp mưa rào; sau vài ba ngày, cát hung mới có thể biết được”. Quan Chính Đường nói rằng: “Nếu vậy nên gấp rút chế thuốc!”. Tôi đem cái đơn thuốc ngày trước ra, tăng bội lên, thêm chút trầm hương[238]:

Bạch Truật - 4 lạng (tẩm mật sao)

Thục địa - 1 lạng (nướng khô)

Can hương - 6 đồng cân (sao đen)

Ngũ vị - 4 đồng cân

Sinh trầm hương - 2 đồng cân

Tất cả nấu thành keo, đun to lửa, dùng Bắc sâm làm thang.

Đơn thuốc viết xong, quan Chính Đường trao cho quan Tri Hộ A Bảo theo phép nấu cao. Tối đến, tôi xin về nhà. Quan A Bảo nói rằng: “Lão sư am thực việc chế thuốc, nên ở lại đây giúp việc”. Tôi nói thác là có bệnh ở lá lách, ở đây mà đi ra ngoài chẳng tiện. Ông ta đáp rằng: “Thầy thuốc thì biết lo bệnh, ai mà tin được; hiện có nơi đi giải ở cuối thành rất rộng rãi lại tịch tịch; đằng trước có một cái ao, cứ đến đó thì thật là tiện”. Tôi chỉ muốn về nhà, mới xin cho người học trò của tôi là Hồ Tuy thay tôi mà coi việc thuốc. Vị quan này ưng thuận. Tôi trở về chỗ ngụ, ngày hôm sau lại đến.

Từ đó, mỗi lần vào xem mạch ở ngự tẩm cho Thánh Thượng, lại đến xem mạch cho Thế tử. Tôi nhận thấy thuốc cao đã nấu xong, mà sao cho thấy dùng. Nguyên có người nói với Chính cung (tức là bà sinh ra Thế tử) rằng: “Từ trước đến nay thuốc của Thế tử dùng, tuyệt nhiên chẳng dám cho bạch truật, thục địa; chẳng qua qua truật làm bế khí, thục làm trệ tì, nay dùng tới ba,

bốn lạng thật là kinh hoàng. Nếu dùng như vậy thì đại tiểu tiện đều bí”. Chính cung mới cho vời Bắc Nhân (tên chú Bấy) đến mà hỏi ý kiến. Nguyên người Trung Hoa là gia nhân của Chính cung, vợ y ra vào nơi Chính cung mà không bị ngăn cấm gì, vì là thị tỳ yêu dấu của người. Bởi lẽ đó mà Chính cung vời người chồng lại hỏi. Người này thưa rằng: “Lâu nay dùng thuốc tiêu lợi mà bệnh trướng tăng, bụng đã trướng thấy rõ rồi, nay dùng thuốc bồi bổ chính là phương pháp làm cho hết bệnh trướng. Ý thần cũng giống thế, xin đem thuốc tiến ngự, không cần phải nghi ngờ; nếu vạn nhất có làm sao, thần xin đem toà n gia chịu tội”. Chính cung nghe vậy mới dám cho dùng thuốc. Người Trung Hoa đến điểm Thị Dục, kể lại đầu đuôi câu chuyện cho tôi nghe. Tôi lấy làm bất bình, mới cất to tiếng mà nói với các thầy thuốc trong Viện rằng: “Thế tử thật là ngu ười nhà Trời vậy, ruột gan bằng sắt đá; tưởng một năm nay, các thứ thuốc dùng nhiều biết là bao, mà thần sắc còn giữ được, nếu là con nhà tầm thường thì sau một ngày ắt là chẳng lưu lại được. Điều cốt yếu là bệnh có chứng thực nếu không thì là chứng hư, phép chữa bệnh không công thì bỏ. Khắc phạt đã không thành công mà bồi bổ cũng chẳng muốn. Vậy dùng phương pháp gì đây? Vả lại từ một năm nay, đã gắng sức đến cùng mà cũng không làm gì được để cứu chữa, sao lại có thể ghen tài ganh công, lại còn phỉ báng nữa? Người làm thuốc lấy việc cứu người làm điều tâm niệm, trong cái nhân thuật[239] cũng vốn sẵn có cái tâm lòng trung của bọn thần tử, tấm lòng đó ở đâu?” - Các y sĩ nghe nói đều cười nhạt. Nguyên kẻ xàm báng tôi, cậy mình đắc sủng, khinh miệt lời tôi nói, đều bị mọi người oán giận. Lại ngày thường kẻ ấy coi thiên hạ là không ai bằng mình, đến khi thấy tôi có chút công lao, cho nên không tránh được điều ghen tị. Người Trung Hoa nói rằng: “Tôi được nghe Thánh Thượng lấy làm hối tiếc đã dùng thuốc lạnh mát, nếu thuốc của lão sư thành công thì kẻ dùng thuốc khắc phạt, tội đáng phải chết”. Tôi cùng y đều nói: “Ý chừng cũng đến thế”. Y còn nói trong vài ba ngày gần đây, Thế tử dùng cao dục, tiểu và đại tiện được thông lại, bụng mềm, biết đói, cho nên những lời nói vui mừng truyền ra tận bên ngoài. Lúc ấy người Bắc quốc dương dương đắc ý, ngôn ngữ rất một mùi châm chích. Kẻ kia sắc mặt bẽ bàng, cáo bệnh, không đến nữa. Người Bắc quốc nói kín với tôi rằng: “Chính cung rất vui mừng, ý muốn ban trọng thưởng”. Tôi sợ bệnh chưa được giảm nhiều, chưa hẳn đã thành công, mới khấn khoản nói với Bắc nhân rằng: “Mong anh hết lòng bẩm xin, đợi lúc đã lập công vẹn toàn, mới dám nhận trọng thưởng”. Việc này khỏi phải nói.

Lúc này Thánh Thượng dùng thuốc cao đã được sáu, bảy ngày, các bệnh dường như đã hết, chỉ có điều không ăn uống gì, tứ chi mỗi mệt, ít muốn nói năng. Quan Chính Đường hỏi kín tôi rằng: “Bệnh đã lui mà tinh thần lại mỗi mệt hơn, thế là duyên có gì?”. Tôi ú ớ chẳng dám nói thật. Ông hỏi lại tôi

hai ba lượt, tôi thưa: “Hết bảy ngày thì ngũ tạng chuyển biến, một khi gặp những thuận lợi thì phải khá lên dần dần. Nay thấy bệnh suy, có lẽ thuốc dùng công phạt quá nhiều, nguyên khí đã bại rồi. Lời sách nói rằng: Cái khí ở dạ dày đã bại rồi thì trăm thứ thuốc cũng khó đem dùng”. Ông nghe nói vậy thì sợ hãi rụng rời chân tay, bảo tôi rằng: “Làm sao được bây giờ?”. Tôi đáp: “Cái việc ngày nay là tạm hoãn thuốc cao mà cứu gấp cái vị khí”. Ông bảo tôi biên đơn thuốc, tôi kê ra như sau:

Bắc sâm - 2 lạng

Bạch truật - 1 lạng 5 đồng cân

Đại phụ - 8 đồng cân

Dun lửa to thỉnh thoảng cho uống

Được vài ba ngày, bệnh thể không chuyển. Được hai ngày nữa, tức là ngày mười một tháng chín, Thánh Thượng yển giá[240].

Tôi cứ như trước, ngày ngày đến Đông cung trông nom thuốc thang. Ngày hôm sau, Thế Tử kê vị, ra ngự tại phủ đường để cho các quan liêu chào mừng. Lúc ấy cũng cho tôi đi theo hầu giữ việc điều trị. Trong lúc còn mang bệnh, Thế Tử phải kiêng gió, nắng; nhất thời ra ngoài, bị cảm phong hàn, khi về cung thì hơi phát rét, vội tôi vào coi mạch. Tôi dùng bát vị, bỏ mẫu đơn, giảm trạch tả, cho thêm mạch môn, ngũ vị, ngư tử tât mà tiến ngự. Các chứng đều giảm bớt, mà hơi thở gấp tựa mắc xuyên, còn tăng hơn khi bệnh đã lùi trước kia. Các chứng lại nổi lên. Tôi thấy thể nguy chẳng làm gì hơn được, mới kêu có bệnh chẳng vào hầu. Ba ngày sau lại sai người hỏi đơn thuốc. Lúc ấy may có thầy thuốc người Sơn Tây mới được tiến cử, vào hầu. Tôi muốn được chút nhân hạ, tự nghĩ rằng nên thừa dịp mà ra đi. Tôi đến gặp quan Chính Đường, nói dối là trong nhà có bệnh kịch, nhiều lần được thư nhà thôi thúc, nhưng chưa dám hé răng, nay sự thể đã quá gấp, mong đại nhân thương tình. Quan Chính Đường có ý ngần ngại. Tôi lại nói rằng: “Xin tạm cho về thăm, coi việc hay dở ra sao, rồi sẽ trở lại”. Quan Chính Đường nói rằng: “Ngày nay sự thể đã khác, ông nên vào phủ thỉnh cầu các quan thụ mệnh, rồi vào bái tạ mới có thể ra đi”. Tôi y lời làm. Các quan thụ mệnh, người thì thuận, người thì chẳng thuận. Tôi nghĩ rằng: “Số người ưng thuận đã quá bán, vậy tôi cứ bỏ đi”. Tôi đến cung Cẩm bái tạ thì gặp người Bắc quốc. Y cầm tay tôi mà nói rằng: “Lão sư đi xa để cho tôi ngày đêm lòng buồn bã”. Y lại nói: “Bọn thầy thuốc đốt nát có cứu giúp ai được, bọn chúng ta nên tự mình xuất lực, ngõ hầu văn hồi”. Tôi nói: “Tôi ra đi bất nhật[241] sẽ quay lại”. Bắc khách cười đáp: “Đã đi rồi thì lẽ nào còn trở lại”. Tôi cười nói rằng: “Sao anh lại nói mơ hồ vậy?”. Rồi cùng dắt tay nhau đi vào. Khi ấy, quan Phó A Bảo ẩm tiểu chúa trong lòng. Tôi lạy bốn lạy. Tiểu vương nói rằng: “Trà của lão sư thật ngọt dễ uống, ta thích uống lắm!”. Tôi nghe nói thì than thầm: “Đã bị thuốc lạnh làm hại nhiều rồi!”. Đoạn tôi đi ra, đến

bái biệt quan Chính Đường. Ông đưa cho năm mươi quan tiền làm hành lý. Tôi từ chối, chỉ lĩnh mười quan. Tôi đến từ già Quận hầu. Hai người đều tỏ ra buồn bã. Quận hầu đem thuốc, tiền cùng những phẩm vật trong mùa ra tặng. Cùng nhau nói chuyện một lát, uống trà xong, tôi đứng dậy tạ biệt. Quận hầu đi bộ, bước trong nước bùn mà tiền chân tôi ra khỏi cửa dinh. Quận hầu biết là tôi ra đi sẽ không trở lại nữa, mới cầm tay tôi mà nói rằng: “Tôi cùng lão sư biết đến bao giờ mới gặp lại nhau!”. Hai người nhìn nhau, đều muốn ứa nước mắt.

[231] **May áo lá sen lá ấu**: nguyên văn, phân hà liệt ky - Sở Từ có câu: liệt ky hà dĩ vi y, có nghĩa cắt lá ấu, lá sen để may áo (lời nói thác về y phục của kẻ ở ẩn) - Ky là cây thuộc loài thảo, lá nổi trên mặt nước, quả (trái) chia ra bốn góc, gọi là quả ấu.

[232] **Lính thị trú**: bọn lính trông coi việc bếp núc.

[233] **Ngự soạn**: đồ ăn của vua chúa.

[234] **Quế phụ**: hai dược phẩm có tính chất tăng nhiệt độ.

[235] **Hào ly**: hào là một phần mười trong một ly - Ly là một phần mười trong một phân. Nghĩa rộng, hào ly là một tí, một chút.

[236] **Bốn chứng**: bốn thứ bệnh. Theo thuyết y học xưa, có bốn thứ bệnh không chữa được là phong (bệnh điên), lao (lao phổi), cổ (bệnh nhiễm độc vật), lại (bệnh hủi). Chữ cổ ở đây mà chúa Trịnh Cán mắc phải được viết ra với ba chữ trùng (trùng là con sâu) trên chữ húc.

[237] **Thác cô**: gửi trẻ mồ côi. Khi nhà vua có con còn nhỏ tuổi thì thường gửi gắm cho một hoặc nhiều đại thần tín cẩn, để sau ngày vua băng, các người này phù tá con vua mà giữ vững ngôi báu.

[238] **Trầm hương**: thứ gỗ ngâm lâu ngày dưới nước, chỉ còn lõi, sặc đen, thường dùng để làm thuốc.

[239] **Nhân thuật**: nghề làm thầy thuốc.

[240] **Yên giá**: băng (Yên có nghĩa là yên nghỉ, giá là được chở đi bằng xe hay thuyền). Đây nói chúa Trịnh Sâm mất.

[241] **Bất nhật**: thế nào cũng có ngày mà không biết đích ngày nào.

Thượng Kinh Ký Sự

Về Nhà

Tôi sợ chuyến đi này có sự ngáng trở, mới quay về ngụ sở, từ biệt chủ nhân là quan Trạch Ưu, rồi ngầm rời đến nhà cháu họ là Hộ Hào, chỉnh bị hành trang, lại mượn lính của thân bằng đi hộ vệ. Phàm những người bạn thân trong kinh thành mà không đến từ biệt được, tôi đều viết thư gửi đến tạ lỗi. Tôi lại nói phao lên rằng tôi dùng đường bộ mà đi, ngầm sai người thuê đò dọc chờ sẵn tại bến Trường Tín[242]. Sau đó những người bạn bè trong thành biết tôi đã ngầm rời nhà trọ, các quan viên như Thạch Trung Kiêu Hữu, Trạch Ưu Tả Nhuệ đều thân đến tiễn chân.

Ngày mười hai tháng mười, sáng sớm tôi đi bộ đến Hoàng đình, có binh lính ra đứng gác. Quan quân thuộc Thị nội tả đóng tại Hoàng đình. Tôi đến từ biệt viên quan ở đây, nổi lòng bồn chồn, bồi hồi hiện ra sắc mặt. Lúc tôi ra đi, vị quan ấy đưa tặng một bao danh trà, với một bài thơ có lời dẫn như sau: Canh gác Cẩm thành nay đã lâu, vẫn chưa có vật gì để tặng, bất giác lòng thấy buồn bã. Nay có trà Bạch hào (một cân) xin đem đệ nạp.

Thơ rằng:

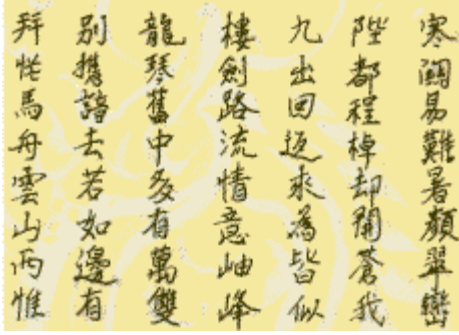


Ngạo tận hàn sương đông ngũ dạ
Tương tư hướng hựu ức hoài nhân
Phân kỳ vạn lý kham trừ trưởng
Tràng đoạn tây sơn nhật mộ vân

*Sương dài đêm đông lạnh lẽo hoài
Nhớ nhau nên nỗi dạ khôn nguôi
Đường chia nghìn dặm nên buồn bã
Bóng xế mây đoàn quặn ruột ai*

Tôi đi đến bến chùa Trường Tín, lên thuyền thuận dòng xuôi. Tôi ở trong thuyền, thông thả trông ra xa, pha trà mà uống, lấy làm khoan khoái, chuyện trò giòn giã khác nào như cá thoát lưới, như chim sổ lồng. Lòng muốn về cho nhanh ví như tên bắn. Trông về tây, hàng nghìn trái núi xa thẳm hiện ra. Hễ thấy nơi nào cách xa và sâu kín thì ngỡ là nhà mình ở đó. Tôi mới ngâm

một bài thơ tả nỗi lòng rằng:



Bái biệt long lâu cửu bệ hàn
Mang huê cầm kiếm xuất đô quan
Mã am cự lộ hồi trình dị
Chu khứ trung lưu phản trạo nan
Vân nhược đa tình lai khứ thụ
Sơn như hữu ý vị khai nhan
Tây biên vạn tự giai thương thúy
Duy hữu song phong tự ngã loan

Giã từ cửu bệ[243] với long lâu[244]

Đàn kiếm ra thành dạ ngẩn ngơ

Đường cũ ngựa quen nên bước dễ

Dòng sâu thuyền đầy khó bơi mau

Mây kia có ý như xưa nắng

Núi nọ đa tình bỗng đượm màu

Vạn trái non tây phô sắc lục

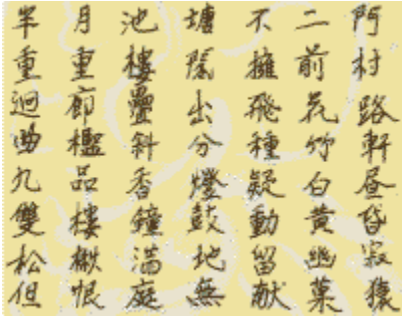
Song phong mái ngấm núi nhà đâu?

Lúc này nước sông chảy mạnh, thuyền nhẹ, thuận buồm, sau giờ Ngọ thì đến Lãnh Tuần. Tôi bỏ thuyền lên bộ, đến chơi chùa Nguyệt Đường. Chùa ấy ở trên núi, có cửa mở ra đường lớn; một bên đằng sau cửa này là một cái ao hình bán nguyệt. Ở bờ ao cây cối rủ bóng liên lu, từng bách che mặt đất.



Phía trước có một bức tường gấm, tường có cửa thông ra một con đường

thẳng. Về phía đông và phía tây sân chùa, có hai hòn núi đất; trên núi đều có xây gác chuông. Ở giữa xây một cái cung điện rộng, nhà cao, nhà chơi mát sáng sủa; nhà gác tranh vanh, bốn phương tám mặt đều có tường vẽ tranh huy hoàng, những trần song quanh co, thông nhau ngang dọc. Hoa lạ đua nở, ngáng quải mắc mui nơi thềm đá trắng. Nghìn cửa thông nhau, một lối nối liền. Tôi du ngoạn giờ lâu, than rằng: “Thật là tiếng đồn không sai, đất thần tiên cũng không hơn được vậy! Chỉ còn hiềm sức người không làm sao đi đến chỗ hoàn toàn như thiên nhiên được, cho nên tao nhân mặc khách say mê cái khí vị của chốn lâm tuyền từ lâu là vì thế”. Tôi mới làm một bài thơ trên vách, rồi ra đi:



Bán nguyệt trì đường bất nhị môn
 Trùng trùng lâu các ứng tiền thôn
 Hồi lang điệp xuất phi hoa lộ
 Khúc hạm tà phân chủng trúc hiên
 Cửa phẩm hương đăng nghi bạch trú
 Song lâu chung cổ động hoàng hôn
 Tùng thu mãn địa lưu u tịch
 Dẫn hận đình vô hiến quả viên

*Bán nguyệt ao kia một lối vào
 Trước thôn lâu gác dựng xây cao
 Nhà ngang khắp nẻo hoa bay rụng
 Cửa rào quanh hiên trúc mọc bao
 Chín bậc đèn hương soi cửa Bụt
 Hai lầu chuông trống động trời chiều
 Bách tùng đây đó tăng u tịch
 Dâng quả ngoài sân thiếu vượn trao*

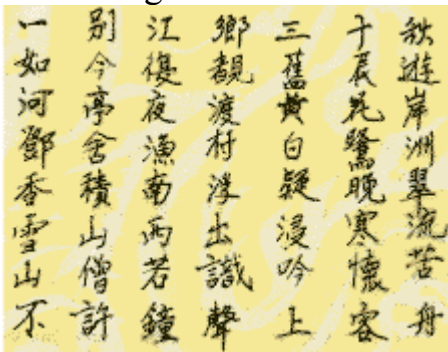
Đề xong, tôi đến dinh Hiến Nam gặp quan Thư Ký. Nguyên ông này là người Hoan Châu, cùng tôi quen biết từ trước; ông từng làm việc với quan Chính Đường tại trấn. Tôi ở lại đây vài ba ngày, mua một số thuốc Bắc, lại mượn lính trấn sáu người đi theo hộ vệ. Ngày mười sáu, tôi đến huyện Hoài An, xã Nguyễn Xá thăm hỏi nhà vợ tôi và họ hàng nhà vợ.

Sáng ngày mười tám, tôi đến Nguyễn xá[245], sắm sửa sinh lễ[246] cáo yết nhà thờ bên vợ, rồi cùng với những người thân thuộc tỏ nỗi cách biệt bấy lâu. Lúc ấy quan tri phủ Tiên Hưng[247] cũng ở nhà, thấy tôi thì mừng rỡ, kể các chứng bệnh của mình ra. Tôi viết cho ông một đơn thuốc và cho ông một nửa lạng quế. Ông ấy cảm tạ mãi.

Lúc này gia nhân của tôi và lính theo hầu cộng lại là hai mươi người. Từ kinh đến đây, noi đường thẳng mà đi thì chỉ mất một ngày. Chỉ vì sợ trên đường về gặp trở ngại, nên đã đi hết bảy, tám ngày; lương thực đem theo sắp cạn, nên không thể ở lại lâu được.

Ngày mười chín, tôi từ biệt mọi người lên đường. Nguyên con đường này ở giữa miền sông núi, thuở nhỏ tôi ở nhà dưỡng phụ tôi tại đó, ngày ngày tôi từng đi du ngoạn. Về phía nam là một giải đồng như Hương Sơn[248], Giải Oan[249], Tiên Am, Tuyết Sơn; về phía tây có Hư ơng Đài, Hương Trản, Vân Mộng và Tiên San[250]. Các chùa trên núi đều có phong cảnh tuyệt đẹp. Chùa nào cũng có vết chân của tôi. Dùng đũa gõ thuyền mà đi thì dễ ngắm phong cảnh. Tôi mới mượn thuyền của quan tri phủ, từ bến sông Nguyễn Xá thuận dòng mà xuôi, đến đỉnh Hà Xá là đến nhà bên mẹ của cha tôi xưa; con cháu nay suy bại, không để dấu vết, tôi có đến tìm cũng không còn ai trò chuyện được. Tôi sai buộc thuyền ở đình làng, hướng trông phần mộ tổ, vọng bái mấy bái, rồi lại xuống thuyền mà đi.

Từ Trinh Tiết (tên xã) đến Phù Viên (tên xã) ước bốn, năm dặm, hai bên bờ sông toàn là danh lam thắng tích, nơi nơi đều nom thấy rõ. Phàm những chốn tôi qua chơi thuở nhỏ đều hoặc ẩn hoặc hiện, tưởng tượng kỹ lại cũng tự thấy rõ rồi. Cảnh ấy tình này đã vậy, lại nhớ đến những người thuở trước, kẻ còn người mất, luống những thở than. Bỗng nghe chuông chùa Mãn Nguyệt vang lên mấy tiếng; đã buồn bã thêm, tôi mới ngâm một bài thơ để tỏ nỗi lòng:



Nhất biệt giang hương tam thập thu
Như kim phục đồ cựu thời du
Hà đình dạ độ hoàng hoa ngạn
Đặng xá ngư thôn bạch lộ châu
Hương tích nam phù ngưng văn thúy

Tuyết sơn tây xuất tẩm hàn lưu
Sơn tăng nhược thức ngâm hoài khổ
Bất hứa chung thanh thưởng khách chu

*Sông cách làng xa trái mấy đông
Ngày nay trở lại chốn xưa trông
Đình Hà bến cũ hoa trong bụi
Xã Đặng thôn chài bãi giữa đồng
Hương Tích nam nhô ngung sắc biếc
Tuyết Sơn tây hiện ngát triền sông
Sơn tăng ví biết tâm tình khách*

Đừng để thuyền vang động tiếng chuông

Buổi tối hôm ấy tôi đến Châu Cầu[251], lên bờ ngủ trọ, sáng hôm sau khởi hành. Từ đó đêm ngủ ngày đi, chẳng cần phải nói. Vài ba ngày sau đến Vĩnh Dinh, tôi vào yết kiến quan Thự Trấn, giải bày tâm lòng xa cách bấy lâu. Vì quân lính theo hầu mỗi mệt, tôi phải mượn vài ba người lính ở đây theo về. Ngày mừng hai tháng mười một, tôi về đến nhà cùng vợ con kể lễ mọi việc. Ngày hôm sau tôi cho binh lính theo hầu tùy tiện, kẻ trở về nhà, kẻ lại kinh. Tôi sắm sinh lễ cúng tổ tiên. Hương lý thân bằng đều đến hỏi thăm và có lễ mừng. Nổi xa cách nhớ nhung cũng là thường tình, chẳng phải dài lời.

Vài ba ngày sau nữa, quan Chính Đường bị hại[252], toàn gia bị giết. Tôi nghe vậy than rằng: “Giàu sang khác chi mây nổi, ca nhạc lâu đài một sớm thánh hoang phé vậy”. Tôi lại mừng thầm: “Ta ẩn tung tích nơi lâm tuyền, chẳng phải lo nghĩ gì đến lễ cùng thông[253], một sớm bị triều, chống gậy về kinh, một năm trời trôi qua đã phải trăm nghìn cầu mới được ra khỏi. Ví phỏng ý nguyện lúc đầu là chẳng muốn được một quan chức gì mà ngay nay danh chữa thành, thân đã bị nhục, thì dầu có hối hận cũng là muộn mà thôi”. May còn giữ được lời thề với non xưa. Tuy ở chốn danh lợi mà chẳng để danh lợi mê hoặc, bề bàng mà đến, nghênh ngang mà đi; lại gặp non xưa, tựa vào đá, ngủ trước hoa, mơ màng trong mộng; nghe có lời nói vắng vắng bỗng sức tỉnh, thầm nghĩ: “Ta chẳng bị người chê cười, chẳng qua lòng không tham mà thôi”.

Sau này nhân lúc cung đàn chén rượu được nhàn hạ, tôi mới cầm bút đem đầu đuôi câu chuyện ghi lại để về mai sau, con cháu xử thế nên tùy duyên, thủ phận, biết tự mãn, biết tự ngừng, tránh sự tham lam làm vinh, noi cái gương sáng này vậy.

***Hoàng triều Cảnh Hưng năm thứ bốn mươi tư (1783)
Cuối mùa đông Quý Mão ghi chép***

[242] **Trường Tín**: không rõ bên sông nào.

[243] **Cửu bậc**: chín bậc thêm. Ý nói bậc cao, chỗ vua ngồi, cũng chỉ nhà vua.

[244] **Long lâu**: cái lầu trên cửa ra vào, có gắn con rồng bằng đồng.

[245] **Nguyễn Xá**: một xã thuộc phủ Ứng Hóa, tỉnh Hà Đông bây giờ.

[246] **Sinh lễ**: đồ cúng tế có con vật sống.

[247] **Tiên Hưng**: tên một phủ nay thuộc tỉnh Thái Bình.

[248] **Hương Sơn**: tên núi thờ Phật, thuộc huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông.

[249] **Giải Oan**: tên chùa ở lưng chừng núi, cách chùa Tiêu Sơn độ hai cây số; nơi đây có giếng nước, mức nước mà uống thì oan khổ sẽ được rũ sạch, vì thế mới có tên chùa. Từ đây qua núi Trán Song là đến chùa Hương Tích.

[250] **Tiên San**: tên động, nơi đây có chùa nên cũng gọi chùa Tiên San.

Đường đi Hương Sơn phải đi qua chùa Tiên San.

[251] **Châu Cầu**: tên một làng thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, quê của danh sĩ Bùi Ân Niên, tức Bùi Di.

[252] Quân Tam phủ nổi loạn (loạn Kiêu Bình). Năm 1674, quân Tam phủ giết Tham Tụng Nguyễn Quốc Trinh và phá nhà Phạm Công Trứ; năm 1741, chúng lại phá nhà và toan giết Tham Tụng Nguyễn Qui Cảnh. Sau khi chúa Trịnh Sâm mất được ít lâu, chúng nổi lên, giết quận Huy tức quan Chính Đường, phò Trịnh Khải lên làm chúa tức là Đoan Nam Vương. Năm sau, Nguyễn Điều đem quân tứ trấn về dẹp tan. Cái chết của quan Chính Đường đã được tả trong sách *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*.

[253] **Cùng thông**: lúc khốn quẫn và lúc hanh thông.

Nguồn: viendu.com

Người đăng: mọt sách

Thời gian: 07/08/2004 5:55:41 CH